

MỤC LỤC

Mục lục.....	1
Tám gương và những mảnh gương vỡ.....	2
Hai em bé.....	3
Vườn nhà bà biết làm phép lạ.....	8
Hoàng tử và công chúa.....	14
Con gái quân cướp đường.....	19
Bà lão xứ Lapôni và bà lão người Phần Lan.....	26
Việc xảy ra trong lâu đài bà chúa Tuyết.....	29
Chiếc kim thô.....	33
Cô bé tí hon.....	39
Con chim họa mi.....	48
Đôi giày đỏ.....	58
Đôi giày hạnh phúc.....	64
Một bà mẹ.....	82
Một chuyện có thật.....	87
Nàng Công Chúa Và Hạt Đậu.....	90
Người bạn đồng hành.....	91
Vandoma và các con gái.....	99

Tấm gương và những mảnh gương vỡ

Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện về một con quỷ. Một hôm quỷ ta rất sung sướng vì đã làm ra một tấm gương rất kỳ lạ. Những vật tốt đẹp soi vào đấy đều nom chẳng ra gì cả, trái lại các vật xấu xí lại càng rõ nét và nổi bật hẳn lên, trông lại càng xấu xí hơn. Những phong cảnh đẹp vào gương thì trông như mớ rau muống luộc; những người tốt nhìn vào lại trở thành đáng ghét, đi đâu lộn xuống đất, có khi mất cả bụng, mặt thì méo mó không nhận ra ai nữa. Nếu trên mặt có một vết tàn nhang thì nhìn vào gương, vết tàn nhang ấy lại thấy loang ra khắp mặt, mũi mồm đều là tàn nhang. Quỷ lấy làm thích thú lắm. Khi một người có ý nghĩ tốt thì ý nghĩ đó phản ánh trong gương thành những vết nhăn nhó, quỷ cười khoái trá về sự phát minh xảo quyệt của mình.

Đồ đệ của quỷ kể lại rằng tấm gương ấy là một kỳ quan. Chúng bảo:

- Bây giờ người ta có thể biết bộ mặt thật của thế giới và loài người.

Và chúng mang gương đi khắp nơi, chẳng một vật nào, chẳng có người nào không bị chúng làm méo mó đi. Chúng còn muốn bay lên trời để nhạo báng các tiên đồng và cả Chúa Trời nữa. Chúng càng bay cao, gương càng nhăn nhó,. Khó nhọc lắm chúng mới giữ nổi gương. Chúng bay lên, bay lên mãi và cuối cùng lên đến gần Thượng đế và các tiên đồng. Tấm gương nhăn nhó rúm ró lại, cong queo và tuột khỏi tay lũ quỷ, vỡ tan thành triệu triệu mảnh.

Sự việc bây giờ trở nên vô cùng tồi tệ, tồi tệ hơn trước nhiều, mỗi mảnh gương vỡ nếu bay vào mắt ai thì găm chặt vào đấy, làm cho người ấy nhìn mọi vật sai lệch, chỉ thấy những cái xấu xa, mỗi mảnh gương có phép ma như tấm gương lớn, có bao nhiêu mảnh gương là bằng ấy tấm gương. Vô cùng tai hại! Một số người bị mảnh gương găm vào tim, tim họ trở nên băng giá. Có mấy mảnh to, người

ta cắt ra làm kính cửa, nhưng chớ có nhìn bạn bè qua những vuông kính ấy!

Hai em bé

Giờ đến một chuyện thứ hai.

Giữa một thành phố lớn, dân cư đông đúc, nhà cửa chen sít, chẳng hở tí đất, muốn có ít cây xanh, phải trồng vào chậu. Đây là vườn cây của họ.

Hai em bé nhà nghèo đã có một mảnh vườn như thế. Chúng không phải là anh em ruột, nhưng chúng yêu nhau như con một nhà. Cha mẹ chúng ở cạnh nhau, trên hai buồng gác sát mái nhà. ở giữa hai căn buồng có một máng nước, mỗi buồng có một cửa sổ nhỏ. Chỉ cần bước qua máng nước là nhà nọ sang nhà kia được. Cha mẹ chúng treo dưới mái nhà một cái thùng gỗ lớn, trồng rau trong thùng để ăn và cả một cây hoa hồng nữa. Như vậy là mỗi thùng có một gốc hồng, những gốc hồng này mọc rất khoẻ.

Cha mẹ chúng đặt hai thùng trên máng nước làm thành cái cầu bắc giữa hai cửa sổ ; có thể gọi đó là một cái vườn nhỏ, các thứ cây trong vườn mọc tốt. Những quả đậu lủng lẳng trên thùng gỗ, hồng uốn thành một cái vòm quanh cửa sổ, trông như một khải hoàn môn xanh tươi kết bằng lá.

Hai đứa trẻ chơi với nhau trên mặt thùng. Chúng ngồi trên những chiếc ghế con, dưới cụm hoa hồng và chơi đùa ngoan ngoãn. Mùa đông đến, cửa kính phủ đầy băng giá. Hai trẻ, em trai tên là Kay, em gái là Gieda, lấy tiền si-linh đồng hơ vào bếp lò, rồi ép vào tấm kính lạnh ngắt; như thế là trên mỗi cửa kính lạnh ngắt; như thế là trên mỗi cửa kính thành hình một lỗ kính trong, tròn và nhỏ, có thể nhìn qua được.

Mùa hè chỉ nhảy một bước là chúng đã sang tới nhà nhau rồi; nhưng mùa đông thì phải leo lên, leo xuống rất nhiều cầu thang mới gặp nhau được, ngoài trời tuyết bay tới tấp.

Bà của Kay nói:

- Đàn ong trắng vo ve đấy.

- Chúng có chúa không hở bà? Kay hỏi bà, vì nó biết rằng ông phải có chúa.

Bà đáp:

- Nhất định là có chứ! Ong chúa bay ở nơi tuyết rơi dày đặc nhất. Ong chúa to nhất đàn và chẳng bao giờ đậu trên tất cả. Nó bay luôn luôn vào trong mây. Nhiều đêm đông nó bay qua các phố trong thành và nhìn qua cửa kính. Lúc đó cửa kính phủ đầy băng giá, hành hình những bông hoa trắng đẹp tuyệt vời.

- ô! Vâng, cháu đã thấy rồi, hai đứa trẻ đồng thanh nói: -Bà chúa Tuyết có được vào không hả bà

Giecđa hỏi:

- Có chứ, bà đáp.

- Cứ vào đây mà xem! Kay nói. Mình sẽ cho bà ấy lên bếp lò nóng để cho bà ấy cháy tan ra.

Bà Kay vuốt tóc cháu và kể sang những chuyện khác.

Buổi tối, Kay mặc áo lót, trèo lên chiếc ghế tựa dựa gần cửa sổ và nhìn qua một lỗ ra ngoài trời. Mấy bông tuyết rơi xuống, một bông lớn lên, lớn mãi, rồi biến thành một người đàn bà mặc áo trắng dài rục rỡ, trông như dệt bằng ức triệu sợi bông nhỏ tí có điểm sao. Trông bà ta lịch sự và đáng yêu, nhưng người bà toàn băng giá, trong loá cả mắt. Tuy vậy bà ta vẫn có vẻ như một người thật.

Mắt bà như hai ngôi sao sáng, nhìn mãi không chớp. Bà ta nhìn về phía cửa sổ, gât đầu và vẫy tay. Kay hoảng sợ nhảy tọt xuống dưới ghế. Hình như cu cậu trông thấy một con chim lợn bay qua cửa sổ con sát mái nhà.

Ngày hôm sau trời rét khan. Rồi tuyết tan, mùa xuân lại tới. Mặt trời rọi sáng, cây cỏ xanh tươi, chim nhận làm tổ, cửa sổ mở và hai đứa trẻ lại ngồi chơi trong các vườn nhỏ cao tí, trên chốc các tầng gác, gần máng nước sát mái nhà.

Mùa hè tới, hồng trở hoa rực rỡ, bé Giecđa đã học thuộc một bài thánh ca nói về hoa hồng, bé hát cho Kay nghe:

"Hoa hồng mọc trong thung lũng.

Nơi mà đức Chúa Giê su đang phán bảo ta..."

Đôi trẻ cầm tay, hôn vào những bông hồng, ngắm nhìn mặt trời trong sáng của Thượng đế và nói với lên như là nói với chúa Giê su vậy. Những ngày hè sao mà đẹp thế! Sung sướng thay cái cảnh được ra chơi với nhau bên những gốc hồng tươi tốt không ngừng nở hoa! Kay và Giecđa đang ngồi xem tranh vẽ súc vật trong một quyển sách. Đồng hồ ở gác chuông nhà thờ điểm năm giờ bỗng dưng Kay kêu lên: - á! Mình đau nhói ở tim và có vật gì bắn vào mắt mình ấy! Giecđa níu lấy cổ bạn và Kay gương to mắt lên. Giecđa chẳng trông thấy gì cả.

- Có lẽ nó bắn ra rồi! Kay nói.

Nhưng không phải. Một trong những mảnh gương quái ác, chắc các bạn còn nhớ tấm gương quỷ quái làm cho tất cả những gì cao quý và đẹp đẽ khi soi vào nó sẽ trở thành bần tiện xấu xa. Kay đáng thương vừa bị một mảnh gương ấy bắn vào tim, từ đấy tim của nó lạnh như băng giá. Kay không thấy đau đớn nữa, nhưng tai hoạ đã đến với em.

Kay hỏi Giecđa:

- Sao lại khóc thế? Giecđa hét lên.

Thấy bạn sợ hãi, Kay vặt thêm một bông hồng nữa và chạy ra cửa sổ xa chỗ Giecđa đứng.

Giecđa mang tập tranh đến. Kay chế giễu những bức tranh đẹp và quyển sách tốt ấy. Khi bà Kay kể chuyện cổ tích. Kay vẫn đến nghe nhưng làm sao cắt nghĩa được sự thay đổi của chú bé? Chú ngồi ra đằng sau bà cụ, đeo kính vào rồi nhai lại những điều bà cụ kể? Chú bắt chước khéo lắm làm mọi người buồn cười. ít lâu sau chú bắt chước và đi theo tất cả mọi người trong đường phố. Ai có tật gì kỳ quái hoặc xấu xí, Kay bắt chước được ngay và mọi người đều khen:

- Thằng bé này thật thông minh!

Chính mảnh gương vỡ đã găm vào mắt em, đã chui vào tim em, vì thế mà em đã chế nhạo mọi người chế nhạo cả Giecđa là người mà trước đây em rất yêu quý. Những trò chơi giữa hai đứa trước vui là thế mà nay trở thành chán ngắt.

Một ngày mùa đông, tuyết rơi không ngừng, Kay mang ra ngoài trời một kính hiển vi rồi giơ vạt áo hứng những bông tuyết. Kay bảo:
- Giecđa nhìn qua kính mà xem này!

Mỗi bông tuyết hình như lớn hẳn lên, trông giống như một đoá hoa rục rờ hay như một ngôi sao mười cánh. Thật là đẹp!

- Sao mà đẹp thế! Kay nói. Giecđa thấy không?

Đẹp bằng mấy hoa thật ấy chứ! Hoa tuyết chẳng có tí vết nào cả, thật là hoàn toàn cho đến lúc nó tan thành nước.

Lát sau, Kay ta đi găng, vác chiếc xe trượt tuyết tới. Em nói với Giecđa:

- Tớ được phép đi trượt tuyết ở quảng trường với mọi người đây. Nói rồi nó ra chỗ bãi trượt tuyết. Những trẻ can đảm nhất thường hay buộc xe trượt tuyết sau xe các bác nông dân để được đi chơi xa. Trò chơi thật thú vị. Bọn trẻ đang nô đùa với nhau bỗng có một chiếc xe trượt tuyết lớn đi tới, xe sơn màu trắng tuyết, trong xe có một người đàn bà ngồi, trên mình khoác chiếc áo choàng lông trắng, đầu đội mũ màu trắng. Chiếc xe chạy quanh bãi hai vòng.

Kay buộc xe của nó vào xe kia và trượt theo.

Họ đi vào phố cạnh đấy. Chiếc xe trượt đi mỗi lúc một nhanh hơn. Người đàn bà ngồi trên xe quay lại cười với Kay. Hình như bà quen biết nó thì phải. Mỗi lần Kay định tháo xe của mình ra thì người bà lạ mặt lại lắc đầu ra hiệu, làm cho Kay không dám cử động nữa. Cứ như thế họ ra tới cửa ô. Lúc ấy tuyết rơi dày đặc đến nỗi Kay không nhìn thấy hai bàn tay của nó nữa.

Kay vội vàng tháo dây thừng nối xe của nó vào xe trượt tuyết lớn, nhưng vô hiệu. Chiếc xe nhỏ của nó như bị gắn liền vào xe lớn và bị trôi nhanh như gió.

Kay kêu to, nhưng không ai nghe thấy tiếng nó. Tuyết rơi quay cuồng và xe vẫn cứ chạy. Thỉnh thoảng xe lại xóc lên như chạy qua những cánh đồng và thảo nguyên vậy. Kay lo sợ. Nó muốn đọc một bản kinh, nhưng nó chỉ nhớ có bản cửu chương thôi.

Những bông tuyết lớn, lớn mãi, lớn bằng những con gà. Ngựa kéo xe bỗng nhảy tránh sang một bên. Chiếc xe dừng lại và người ngồi trên xe đứng dậy. áo choàng và mũ của bà ta đầy những tuyết. Đó là một bà có vẻ quý phái, cao lớn, cứng cỏi, trắng toát: bà chúa Tuyết.

- Thế là chúng ta đã đến nơi bình yên vô sự! Bà nói. Nêu em rét thì chui vào tấm da gấu của ta. Bà đặt Kay vào trong xe cạnh bà và kéo chiếc áo choàng lông thú lên người nó. Nó ngồ đậy như bị vùi trong đồng tuyết

- Em còn rét không? Bà hỏi và ôm hôn lên trán nó. Cái hôn lạnh buốt và thấm vào tận tim Kay, trái tim bị lạnh như băng giá. Nó cảm thấy như sắp chết.

Nhưng cảm xúc ấy chỉ thoáng qua một lát thôi.

Xung quanh nó mọi vật đều mờ nhạt, trông không rõ. Nó kêu lên:

- Cái xe trượt tuyết của tôi! Chớ quên cái xe trượt tuyết của tôi! Đó là vật đầu tiên nó nghĩ sau khi tỉnh lại.

Bà ta buộc xe của nó lên lưng một con gà trắng, con gà bay sau lưng họ, mang theo chiếc xe trên lưng. Bà lại hôn Kay một lần nữa, làm nó quên hẳn bé Giecđa, bà và bố mẹ nó.

- Ta chỉ hôn em lần này nữa thôi, bà chúa Tuyết nói, vì em sẽ chết nếu ta hôn em thêm một lần nữa.

Kay nhìn bà ta. Bà rất đẹp. Không có một khuôn mặt nào kiêu hãnh hơn. Bà không có vẻ lạnh lùng như băng giá như hôm bà vẫy tay ra hiệu cho nó ngoài cửa sổ nhà nó. Nó thấy bà thật toàn mỹ. Nó không cảm thấy sợ hãi nữa và kể với bà rằng nó biết làm tính nhẩm, biết làm tính quy tắc tam xuất, biết diện tích và dân số của một vài nước. Bà chúa Tuyết mỉm cười. Kay cảm thấy sự hiểu biết của mình

chưa vào đâu, và đưa mắt nhìn ra khoảng không bao la. Gió bão rít lên điên cuồng nghe như có tiếng vọng những bài hát cổ.

Họ vượt qua nhiều rừng rậm, hồ ao, biển cả và đất đai. Một luồng gió lạnh như băng thổi dưới chân họ, chó sói hú vang, tuyết lóng lánh, quạ đen vừa bay vừa kêu ran. Ban đêm trăng lấp lánh, chiếu khắp bầu trời. Ban ngày Kay ngủ dưới chân bà Chúa Tuyết.

Vườn nhà bà biết làm phép lạ

Khi Kay đi rồi thì Giecđa nghĩ gì? Kay đi đâu? Chẳng ai biết. Đi về hướng nào, cũng chẳng ai hay. Chỉ nghe bọn trẻ con kể lại rằng chúng đã trông thấy Kay buộc chiếc xe của nó vào một chiếc xe trượt tuyết lớn và đi về phía cửa ô. Bé Giecđa đã khóc, khóc nhiều lắm. Cuối cùng người ta đoán là Kay đã rơi xuống sông gần đấy và chết đuối rồi. Mùa xuân đã đến. Mặt trời xuất hiện chói lọi.

- Chắc là Kay đã chết ở một nơi xa. Giecđa nói.
- Ta không tin là như thế! Mặt trời bảo.
- Chắc là Kay đã chết ở nơi rất xa, bé nói với đàn chim nhạn.
- Chúng tôi không tin điều đó, đàn chim trả lời.

Cuối cùng Giecđa cũng không tin là Kay đã chết. Một buổi sáng em nói:

- Mình đi đôi giày đỏ mới tinh này và ra sông hỏi xem Kay đang ở đâu. Trời mới tang tảng sáng. Nó hôn bà nó lúc này còn đang ngủ, xách đôi giày đỏ ra đi một mình, theo lối cửa ra sông.

- Sông ơi! Có thực là sông đã bắt đứa bạn thường vẫn chơi với tôi không? Tôi sẽ biếu sông đôi giày đỏ nếu sông trả lại bạn cho tôi! Hình như các ngọn sóng đang niềm nở chào đón nó. Nó ném đôi giày mà nó quý nhất trên đời xuống dòng nước đang chảy xiết. Nhưng giày rơi gần quá, sông lại đánh giặt vào bờ, như có ý từ chối cái của quý nhất của Giecđa vì sông có bắt Kay đâu. Nó tưởng vì ném chưa xa, nên nó trèo lên chiếc xuồng đang nổi giữa bụi cỏ, đi ra tận mũi

xuồng để ném đôi giày lần nữa. Chiếc xuồng không buộc nên trôi ra xa. Thấy thế, nó vội đi về phía đuôi xuồng, nhưng xuồng đã trôi cánh bờ hơn một mét rồi và ngày càng lướt đi nhanh hơn. Giecđa sợ quá oà khóc, nhưng chẳng ai nghe thấy, ngoài đàn chim sẻ. Chim chẳng thể mang em vào bờ được. Chúng vừa bay dọc hai bên bờ vừa hát như để an ủi nó.

- Có chúng tôi đây! Có chúng tôi đây!

Xuồng trôi theo dòng nước tách xa hẳn bờ sông. Giecđa ngồi trên xuồng, chân nó vẫn đi tất. Đôi giày nổi ở phía sau, không trôi kịp xuồng. Hai bên bờ trăm hoa đua nở, cây cỏ thụ um tùm, hàng đàn bò và cừu gặm cỏ trên cánh đồng, nhưng không có một bóng người.

- Có lẽ dòng sông sẽ đưa ta đến với Kay bé nhỏ của ta chẳng? Giecđa trầm nghĩ.

Ý nghĩ đó làm nó vui hẳn lên. Nó đứng dậy và ngắm nghía hai bên bờ xanh tươi hàng giờ. Xuồng trôi qua một khu vườn lớn trông toàn anh đào. Trong vườn có một ngôi nhà nhỏ, có những cửa sổ sơn xanh đỏ trông rất kỳ quặc. Nhà lợp ra, trước nhà có hai chú lính gõ bông súng như chào người qua lại. Giecđa tưởng đây là người thật kêu cứu. Không thấy họ trả lời. Dòng nước đẩy xuồng vào sát ngôi nhà.

Giecđa kêu to hơn. Một bà cụ trong nhà đi ra. Bà chống nạng và đội chiếc mũ cói lớn. Bà suýt xoa.

- Khốn khổ con bé! Sao lại bị dòng nước chảy xiết cuốn trôi thế này?

Bà nói và lấy nạng khều, kéo chiếc xuồng vào bờ rồi đỡ Giecđa lên bờ.

Giecđa sung sướng được lên trên mặt đất, nhưng trong lòng có ý sợ bà lão lạ này.

- Cháu lại đây! Cháu là con nhà ai? Sao cháu lại ngồi thuyền trôi mãi đến đây?

Giecđa kể lại cho bà lão nghe sự việc đã xảy ra. Bà lão lắc đầu. Hừ! Hừ!

Khi Giecđa hỏi bà có trông thấy Kay đâu không, bà trả lời không thấy, nhưng chắc rồi Kay sẽ đến. Như thế thì chẳng nên buồn, mà hãy ném những quả anh đào thơm ngọt và ngắm những hoa đẹp, đẹp hơn các bông hoa trong các tập tranh nhiều.

Mỗi bông hoa đẹp còn biết kể một chuyện rất dài. Bà lão cầm tay Giecđa dắt vào nhà rồi đóng cửa lại. Một ánh sáng kỳ diệu qua các cửa sổ rất cao và các ô kính màu đỏ, xanh, vàng dội vào nhà. Trên bàn bày đầy những quả anh đào trông rất ngon. Giecđa muốn ăn bao nhiêu cũng được. Bà lão lấy chiếc lược bằng vàng chải tóc cho nó, uốn thành những búp vàng óng anh xung quanh khuôn mặt xinh xắn đáng yêu của Giecđa. Đã từ lâu bà mơ ước có một cháu gái, bà nói:

- Bà sẽ tìm mọi cách làm cho cháu khỏi buồn.

Được bà lão chải tóc cho Giecđa dần dần quên cả Kay, người bạn thân nhất của nó, vì bà lão có phép lạ. Nhưng bà không phải là một phù thủy ác nghiệt. Bà chỉ làm điều lành; bà muốn giữ Giecđa lại. Bà ra vườn lấy nạng chĩa vào các khóm hồng làm cho hoa đang nở đẹp bỗng chui ngay xuống đất đen, không còn trông thấy dấu vết gì nữa. Bà lão sợ rằng khi trông thấy hoa hồng Giecđa lại nhớ đến Kay và bỏ đi mất.

Bà dẫn Giecđa ra vườn hoa. Cảnh ở đây tuyệt đẹp, hương thơm ngào ngạt. ở đây có đủ các loại hoa, nhiều không tưởng tượng được, hoa của cả bốn mùa, muôn màu muôn vẻ. Không có tập tranh nào có đầy đủ màu sắc và đẹp như thế. Giecđa vui vẻ nhảy nhót khắp nơi. Nó vui đùa đến lúc mặt trời lặn sau đám cây anh đào. Bà lão sửa soạn cho nó một chiếc giường lộng lẫy có gối đỏ viền tím để nó ngủ mơ thấy những giấc mộng đẹp như những giấc mộng của một bà hoàng.

Sáng hôm sau ngủ dậy nó lại chơi với hoa dưới nắng ấm. Nhiều ngay qua đi như vậy. Giecđa thuộc từng bông hoa. Hoa hồng nhiều thế nhưng nó thấy thiếu một bông. Bông gì nó không biết, chỉ thấy là thiếu.

Một hôm Giecđa đang ngồi, chợt nhìn vào chiếc mũ cói có vẽ hoa của bà lão. Bông hoa đẹp nhất là một bông hồng. Bà lão đã làm phép cho các bông hồng chui xuống đất, nhưng lại quên mất bông hồng trên mũ. ở đời ai mà lại có thể nghĩ đến tất cả mọi thứ trong một lúc!

- Sao? Giecđa hỏi, ở đây không có hoa hồng à bà?

Nó chạy vào các luống hoa, tìm mãi, tìm mãi, cũng chẳng thấy có hoa hồng.

Nó ngồi xuống oà lên khóc.

Nước mắt nó nhỏ đúng vào chỗ cây hoa hồng đã biến đi làm ướt đất; tức thì hoa hồng lại mọc lên, tươi tắn như trước lúc chui xuống đất. Giecđa ôm lấy cây hồng, hôn lên hoa, nghĩ đến hoa hồng ở nhà rồi nghĩ luôn đến Kay.

Nó nói:

- Chết, mình bỏ phí bao nhiêu thời gian rồi! Mình phải đi tìm Kay chứ? Hoa có biết Kay ở đâu không? Hoa có tin rằng Kay đã chết ở một nơi rất xa không?

Hoa hồng đáp:

- Kay chưa chết đâu! Chúng tôi vừa ở dưới đất chỗ ở của những người chết lên, nhưng không gặp cậu ta.

Giecđa cảm ơn hoa rồi đi tới các hoa khác. Đến hoa nào cũng ngó vào đài mà hỏi có biết bây giờ Kay ở đâu không.

Hoa huệ đỏ nói:

- Em có nghe thấy tiếng trống đánh không? Hai tiếng Tùng, Tùng mà? Em hãy nghe tiếng hát của người đàn bà goá chồng! Hãy nghe các tăng lữ cầu kinh! Một phụ nữ người ấn mặc áo dài đỏ trèo lên giàn hoả thiêu; ngọn lửa quấn quanh lấy bà và xác chồng bà; nhưng bà lại nghĩ đến người có đôi mắt sáng rực hơn cả giàn hoả, người mà cái nhìn nồng cháy thâm nhập vào bà mạnh hơn cả ngọn lửa sắp thiêu cháy thân thể bà thành tro bụi. Ngọn lửa của trái tim có thể chết trong ngọn lửa giàn củi không nhỉ?

Giecđa nói:

- Minh chịu không thể hiểu được.
- Đó là một chuyện đã xảy ra trong đời tôi, huệ đở nói.
- Còn hoa bìm bìm định kể chuyện gì nào?

Bìm bìm nói:

- Trên núi kia có một toà lâu đài. Cây cối xanh tươi quanh năm, mọc trên những bức tường màu đỏ đến tận bao lơn. Trên bao lơn có một cô gái đẹp đứng đấy. Nàng thường cúi nhìn qua khe núi xuống đường. Trong đám hoa hồng lũng lảng trên cành chẳng có đoá nào tươi đẹp bằng nàng. Hoa mận bị gió cuốn đi cũng không nhẹ nhõm hơn nàng. Bộ áo lụa nàng mặc phập phồng trước gió. Còn chàng, sao chàng chưa tới nhỉ?

Giecđa hỏi:

- Hoa nghĩ đến Kay phải không?

Bìm bìm trả lời:

- Mình chỉ kể lại đời mình ,thuật lại giấc mơ của mình thôi. Hoa mao lương kể chuyện gì đấy?

Mao lương nói:

- Giữa hàng cây người ta treo dây và ván gỗ làm đu, hai em bé xinh đẹp đang đánh đu, trên mũ mỗi em có đính một bông hoa hồng trắng như tuyết và một dải lụa xám phất phơ theo chiều gió. Hai em ngồi bỏ thông chân, còn anh của các em thì đứng trên đu. Em trai quấn cánh tay vào dây để giữ đu cho chắc hơn, vì một tay em còn phải cầm cái bút, tay kia cầm cái ống thổi bọt xà phòng bằng đất. Em vừa đánh đu vừa thổi hàng dây bong bóng bằng nước xà phòng, chúng bay lên và trông như nhuộm bằng nhiều màu sắc. Cái bong bóng cuối cùng dính vào ống thổi và bị gió thổi ngã về một bên. Một con chó mực con đứng vươn hai cẳng sau để với theo đu. Đu bay, chú chó ngã xuống và sủa om lên. Bong bóng xà phòng vỡ dần. Một mảnh ván bay, một bong bóng vỡ, đó là câu ca của tôi.

- Chuyện hoa kể hay đấy, nhưng giọng hoa buồn lắm và sao không thấy nhắc đến tên Kay. Dạ hương lan nói gì nào?

- Có ba chị em, trong trắng và đáng yêu. Một cô áo đỏ, một cô áo xanh, một cô áo trắng. Tay cầm tay, các cô nhảy múa trên mặt hồ phẳng lặng dưới ánh trăng. Không khí ngát hương thơm. Họ biến vào trong rừng, hương lại càng thơm ngát.

Một lát sau, cô quan tài, có ba cô gái nằm trong đó, từ trong rừng tối om tuột xuống mặt hồ. Đom đóm đậu trên cành cây lập lòe, hồng như những ngọn đèn con. Các cô gái đang ngủ hay tắt thở rồi? Hương thơm của muôn hoa làm cho ta cảm thấy rằng các cô gái đã chết! Chuông nhà thờ rung lên bản cầu hôn...

- Hoa kể làm mình sợ quá! Giuđa nói! hương hoa nồng quá làm cho mình cảm tưởng như các cô đã chết và cả Kay nữa, nhưng nó có thật là Kay chết rồi không? Những bông hoa hồng đã bị chôn xuống đất bảo rằng Kay chưa chết, có thật thế không?

- Kính công! Hoa dạ lan hương hình chuông rung lên. Chúng tôi không rung chuông cầu nguyện cho Kay đâu và chúng tôi không biết Kay là ai cả. Chúng tôi chỉ hát lên bài ca của chúng tôi, bài hát độc nhất mà chúng tôi biết.

Giecđa đi đến bông hoa tuyết đang lấp lánh trong chùm lá xanh biếc. Nó nói:

- Hoa đẹp như mặt trời con trong sáng. Hãy chỉ cho mình nơi mình có thể tìm thấy Kay, người bạn chí thân của mình.

Hoa tuyết âu yếm nhìn Giecđa, hoa hát bài gì bây giờ nhỉ. Bài hát của hoa cũng chẳng liên quan gì đến Kay cả.

Ngày đầu xuân, mặt trời nóng bỏng soi xuống cái sân nhỏ. Tia nắng lướt tới tận bức tường trắng nhà bên cạnh, nơi đó mọc lên những bông hoa màu vàng đầu tiên lóng lánh như vàng thật. Đó là chuyện của hoa tuyết kể.

- Trời! Ta mất bao nhiêu thời gian! Giecđa kêu lên. Đã sang thu rồi ư? Thế thì mình chẳng nên nghỉ ngơi nữa!

Nó nói rồi đứng dậy lên đường.

Chân nó mồi rôi. Xung quanh nó mọi vật đã chìm vào trong giá lạnh. Lá liễu đã vàng úa và rỏ sương xuống mặt nước. Lá bắt đầu rụng. Riêng có một cây dương mai đang nặng trĩu những quả chát lè, ăn vào ghê răng. Cảnh vật xám xịt và nặng nề.

Hoàng tử và công chúa

Giecđa đành phải ngồi nghỉ. Gần chỗ nó ngồi có một con quạ lớn, quạ đậu ở đấy từ lâu, nhìn em, lắc đầu rồi cất tiếng kêu: "quạ! quạ! quạ! quạ!" quạ không thể nói rõ hơn được nữa, nhưng tỏ ra lưu ý đến cô bé và hỏi nó đi đâu một mình như vậy.

Giecđa nghe rõ hai tiếng "một mình", nó thuật lại cuộc đời và nỗi lo lắng của nó của nó cho quạ nghe, rồi hỏi quạ có trông thấy Kay đâu không.

Quạ lắc đầu, suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Có thể! Có thể!

- Thật ư? Giecđa reo lên và ôm ghì lấy quạ mà hôn, suýt nữa làm quạ chết ngạt.

- Làm gì mà rối lên thế? quạ bảo. Tôi nghĩ rằng cậu bé mà tôi đã thấy có lẽ đúng là Kay. Nhưng giờ thì chắc là cậu ta thích công chúa hơn và đã yêu cô rồi.

- Kay ở nhà một nàng công chúa ư? Giecđa hỏi.

- Phải, cô hãy nghe đây, quạ đáp, nhưng nói cái tiếng của cô khó quá đi mất. Giá cô biết nói tiếng chim thì hay biết mấy!

- Không, tôi chưa học tiếng chim bao giờ. Bà tôi thì biết. Tiếc quá nhỉ! Nếu tôi chịu khó học bà tôi thì hay quá!

- Không sao! quạ nói. Tôi sẽ cố gắng nói thế nào để cô có thể hiểu được.

Và quạ kể lại tất cả những gì mà quạ biết.

- Trong giang sơn chúng tôi đang đứng đây có một nàng công chúa rất mực thông thái, đã học qua tất cả sách vở trái đất này, nhưng được cái quên ngay. Giờ nàng đã lên ngôi báu rồi. Thiên hạ đồn rằng nàng thường hát bài "Ta muốn lấy chồng" với một giọng nghe như oán như sầu. Thật là bài hát đầy ý nghĩa! Nàng muốn lấy chồng nhưng lại kén một người biết nói năng chứ không phải người chỉ có bề ngoài chững chạc. Cái vỏ ngoài, nàng cho là không quan trọng mà còn làm cho nàng khó chịu nữa là khác. Bỗng nhiên có một ngày nàng bắt các mệnh phụ trong triều học đánh trống và họ cũng thích thú được học cái môn ấy. Họ đồng thanh nói:

- Hay quá là hay! Chính chúng tôi cũng đã nghĩ đến điều ấy.

Quạ kể tiếp:

- Cô có thể tin những điều tôi kể. Tôi có một cô bạn gái đã được người ta mang về nuôi, được bay nhảy tự do trong cung và kể lại tất cả cho tôi nghe.

Cô bạn ấy là một ả quạ cái, vì quạ đực thì chỉ đánh bạn với quạ cái chứ sao.

Một hôm trên báo đăng chân dung công chúa có đóng khung hình quả tim và in tên công chúa, có gạch dưới hẳn hoi. Báo còn đăng rõ ràng tất cả các chàng trai mặt mũi sáng sủa đều có thể vào lâu đài nói chuyện với công chúa.

Chàng nào nói năng lưu loát, hoạt bát thì được lấy công chúa. ái chà! Thật là náo nhiệt! Các chàng trai vào chen chúc nhau. Nhưng suốt hai ngày chẳng một ai thành công. ở bên ngoài thì anh nào cũng nói năng liến thoắng, nhưng một khi đã bước vào lâu đài, trông thấy lính gác bận áo giát bạc, thấy quân hầu đeo tua rua vàng đứng trên cầu thang, khi bước vào các căn phòng sáng trưng, các anh chàng đâm hoảng và khi đến trước ngai vàng, nơi công chúa ngồi, thì chẳng nói được gì hơn là lặp lại tiếng cuối cùng trong lời phán bảo của công chúa. Cách đối đáp ấy chẳng làm nàng thích thú chút nào. Có thể nói các chàng ấy đã hút quá nhiều thuốc lào nên ngây ngất như người say thuốc. Chỉ đến khi ra tới ngoài phố họ mới lại ba hoa chích chèo. Họ đông lắm, xếp thành hàng dài.

Tôi đậu gần đấy để xem họ. Họ chờ lâu đến nỗi phải nhịn đói, nhịn khát, thế mà ở lâu đài người ta chẳng cho họ đến một cốc nước lã. Có anh mang theo bơ và bánh mì nhưng chẳng chia sẻ cho ai cả. Nhưng anh ấy nghĩ rằng cứ để cho họ đói lả đi, trông họ thảm hại, công chúa sẽ gạt họ ra".

- Nhưng còn Kay? Giecđa hỏi. Kay có ở đấy không?

- Khoan tí đã! Giờ đến lượt Kay rồi đây. Sang ngày thứ ba, bỗng người ta thấy một cậu bé chẳng có xe ngựa gì cả, vui vẻ đi bộ tới lâu đài. Mắt cậu ta lóng lánh như mắt cô vậy. Tóc cậu ta dài và rất đẹp, nhưng quần áo thì xấu xí.

- Kay đấy! Giecđa vỗ tay reo lên. Đúng là Kay rồi!

- Trên lưng cậu ta đeo một cái túi vải to.

- Không phải túi vải đâu, đấy là xe trượt cậu ấy mang theo khi ra đi.

- Cũng có thể, quạ đáp, vì tôi không nhìn cậu ta kỹ càng lắm, nhưng cô bạn kể rằng khi vào lâu đài trông thấy lính gác mặc áo giát bạc và lên thang gác gặp quân hầu đeo tua rua vàng, cậu ta không hề ngạc nhiên. Cậu ta chào họ và bảo: Đứng ở cầu thang như các anh thì chán chết "Tôi thì tôi thích vào trong nhà hơn".

Các căn phòng đều sáng choang, một đoàn các quan lớn, quan bé, đi chân không, tay bưng những cái khay bằng vàng. Giày của Kay khua lộp cộp đôi giày ấy trong nhà bà nội.

- Đúng, đúng đôi giày khua lộp cộp! quạ nói. Anh chàng đi thẳng đến chỗ công chúa. Nàng ngự trên một viên ngọc to bằng chiếc guồng quay sợi. Các mệnh phụ trong triều cùng đám thị tỳ lớn bé, các quan lớn cùng đám thị vệ và lính hầu đủ các cỡ đứng im lặng xung quanh công chúa. Có điều lạ là càng đứng gần cửa ra vào, xa công chúa họ lại càng vênh vác. Một tên thị vệ hạng bét đi giày bằng túp, vác mặt lên với vẻ kiêu căng, rất khó coi.

- Trông đáng ghét quả nhỉ! Giecđa nói. Nhưng còn Kay thì sao? Bạn tôi có làm vừa lòng công chúa không?

- Nếu tôi không là quạ thì dù đã đính hôn với kẻ khác, tôi cũng chiếm được công chúa. Chắc chắn là Kay cũng nói năng hoạt bát chẳng kém gì tôi, tuy rằng tôi nói tiếng nhà quạ. Cậu ta rất bình tĩnh và rất đáng yêu. Cậu ta không đến để cầu hôn mà chỉ đến để xem công chúa thông thái đến mức nào. Cậu ta nhận thấy công chúa thông thái thật và nàng cũng nhận thấy cậu ta thông minh có thừa.

- Đúng là Kay quá đi rồi! Cậu ta học giỏi quá, có thể làm được tính nhẩm và làm những bài toán đố có ba phép tính, quạ hãy vui lòng dẫn tôi đến lâu đài.

- Chẳng dễ đâu! Quạ đáp. Làm thế nào mà vào đấy được cơ chứ? Tôi sẽ hỏi cô bạn tôi xem. Chắc hẳn cô ta sẽ hiến cho ta một kế hay. Tôi cũng phải nói để cô biết rằng một em bé như cô chẳng khi nào được phép vào lâu đài đâu.

- Thật thế ư? Kay mà biết tôi ở đây thì chắc là cậu ta sẽ đón tôi vào ngay.

- Đợi tôi ở cột cây số này nhé! Quạ nói rồi bay đi.

Mãi đến chiều tối quạ mới bay về và nói:

- Quạ! Quạ! Tôi mang đến cho cô lời chào của cô bạn tôi và đây là một chiếc bánh nhỏ bạn tôi đã lấy trong bếp để biếu cô. Chắc là cô đói lắm rồi. Cô không có giày dép gì cả nên không thể đến lâu đài được đâu. Lính gác và quân hầu sẽ không cho cô vào. Nhưng chớ có khóc! Rồi cô cũng sẽ vào được thôi. Cô bạn tốt của tôi có biết một thang gác con, bí mật, dẫn vào phòng ngủ và cô ta lại có thể mượn được chìa khóa buồng nữa...

Họ đi vào vườn, theo con đường lớn, lá rụng lả tả. Khi đến trong lâu đài tắt hết, quạ dẫn Giecđa đến một chiếc cửa sau bỏ ngõ. Giecđa lo sợ và nóng ruột, tim đập thành thịch. Em cảm thấy như sắp làm một điều gì xấu, nhưng thực ra em chỉ muốn gặp Kay. Phải, đúng cậu ta rồi! Giecđa nhớ lại đôi mắt thông minh của cậu Kay, lại bộ tóc dài nữa. Nó cảm thấy Kay mỉm cười như là hai đứa đang ngồi chơi với nhau ở nhà, bên gốc cây hoa hồng. Chắc Kay sẽ sung sướng được gặp lại nó, được biết rằng nó phải đi không biết bao nhiêu đường đất

để gặp Kya, được biết rằng ở nhà mọi người buồn bã như thế nào khi không thấy Kay về.

Giecđa thấy trong lòng vừa lo sợ vừa vui sướng.

Họ đã tới thang gác. ở đây có một ngọn đèn đặt trên một cái tủ đựng bát đĩa. Cô ả quạ đang đậu dưới đất, quạ quay đầu nhìn quanh nhìn quần trong lúc Giecđa lễ phép cúi đầu chào theo kiểu cách mà bà em đã dạy cho em.

- Anh chồng chưa cưới của tôi đã nói tốt về cô với tôi rất nhiều, quạ cái nói: Cuộc đời cô thật là cảm động. Cô hãy cầm lấy đèn, tôi sẽ đi trước. Chúng ta theo con đường thẳng mà đi, như thế sẽ không gặp ai.

- Hình như có ai đang đi ở đằng kia! Giecđa nói.

Đúng vậy, có tiếng rít găm bên em.

Giecđa thấy có một đoàn ông lớn bà lớn cười những con ngựa chân thon bờm phát phơ, đi săn thú.

- Đó là các thần mộng thôi, quạ nói:

Giecđa và quạ tiến vào trong phòng thứ nhất, can toàn lựa đồ và đính hoa giả trên tường. Có tiếng thần mộng vừa bay qua vừa rít lên, nhưng chúng bay nhanh quá Giecđa không nhìn thấy. Rồi họ vào các buồng, buồng nào cũng lộng lẫy.

Thoạt tiên họ vào buồng ngủ. Trần nhà như một cây cọ lớn, lá bằng thủy tinh. Giữa buồng đặt hai cái giường, trông giống như hai bông huệ, mỗi cái đặt trên một cái bệ bằng vàng. Trên chiếc giường căng rèm trắng, công chúa đang ngủ. Có lẽ Kay đang ngủ trên chiếc giường căng rèm đỏ bên cạnh. Giecđa vạch rèm, trông thấy một người nằm nghiêng, quay lưng ra ngoài, da ở gáy màu hung hung.

- A! Đúng Kay rồi, cô kêu lên và dè dặt đến cạnh giường.

Có tiếng rít của các thần mộng cười ngựa phi quanh phòng. Người nằm ngủ chợt tỉnh, quay ra... Không phải Kay!

Hoàng tử chỉ giống Kay ở cái gáy mà thôi. Trông chàng trẻ và đáng yêu. Công chúa từ giường bên cạnh có rèm trắng ngó sang và

hỏi chuyện gì xảy ra. Giecđa oà khóc, thuật lại chuyện đời mình và không quên kể đến sự giúp đỡ của đôi quạ.

- Cô bé đáng thương thay! Hoàng tử và công chúa đồng thanh nói và phán bảo đôi quạ rằng họ không giận quạ đâu, nhưng lần sau không được làm như thế. Họ cũng hứa sẽ thưởng cho chúng.

Công chúa hỏi:

- Các người muốn tự do hay muốn nhận chức quạ của hoàng gia và được hưởng các thức ăn thừa trong bếp.

Đôi quạ nghiêng mình cảm tạ và xin nhận chức trong triều. Chúng nghĩ đến tương lai và tâm rằng về già, đời sống được bảo đảm là quý nhất.

Hoàng tử ngồi dậy, nhường giường cho Giecđa. Cô bé chấp tay lạy và suy nghĩ: "Dẫu sao người và vật đều tốt bụng cả".

Nói rồi nó nhắm mắt ngủ thiếp đi. Thần mộng lại quay lại. Lần này họ biến thành những tiên đồng kéo một chiếc xe trượt tuyết trong có Kay ngồi. Trông thấy Giecđa chú bé giơ tay vẫy chào. Nhưng đó chỉ là mộng thôi. Khi Giecđa tỉnh giấc thì chẳng thấy Kay, cũng chẳng thấy xe và tiên đồng đâu. Tất cả biến mất.

Con gái quân cướp đường

Hôm sau người ta mặc cho nó toàn nhung gấm lụa là, từ đầu đến chân. Người ta lưu nó ở lại lâu dài để hưởng vin hoa phú quý, nhưng nó chỉ xin một chiếc xe nhỏ, một con ngựa và một đôi giày bằng túp nhỏ. Nó muốn băng qua thế giới bao la để tìm Kay.

Người ta cho nó một đôi giày và một chiếc bao tay rất vừa. Khi ra đi nó thấy một cỗ xe song mã thiếp vàng mới tinh. Gia huy của hoàng tử và công chúa lấp lánh ở trên xe. Người đánh xe, người hầu và lính hộ vệ đều đội mũ bằng vàng. Hoàng tử và công chúa đặt Giecđa vào trong xe và chúc nó đi đường bình an vô sự.

Quạ cái giờ đã thành hôn, tiền chân nó ba dặm đường và đậu ngay cạnh nó, vì quạ không muốn bay theo xe. Quạ được đậu trên cổng lâu đài, vẫy cánh chào từ biệt. Chú ta không ra tiễn được vì từ ngày nhậm chức, chú ăn nhiều quá nên bị bệnh đau đầu trầm trọng. Bên trong xe xếp đầy bánh ngọt, trên ghế để hoa quả và bánh mì.

- Đi nhé! Cầu chúa phù hộ cho em. Hoàng tử và công chúa hô lên.

Giecđa khóc oà lên, quạ cái cũng khóc theo.

Đi được mấy dặm đường, quạ cũng từ biệt nốt. Cả hai đều buồn rười rượi. Quạ bay lên cành cây và tiếp tục vỗ cánh cho đến lúc xe chở Giecđa đi khuất.

Xe đến một khu rừng tối om. Bọn cướp trong đó thấy xe lấp lánh, hoa cả mắt reo lên:

- Vàng đấy! Vàng đấy!

Chúng bảo nhau lao ra túm lấy xe, giết chết ngựa, giết chết lính hầu, người hộ vệ, cả xà ích rồi kéo Giecđa ra khỏi xe.

Mụ hầu già của bọn cướp có bộ râu dài, rậm và đôi lông mày rủ xuống tận mắt reo lên:

- Con bé này béo khỏe. Tuyệt lắm. Ngậy như nhân hạt dẻ ấy. Trông nó như một con cừu béo. Thịt nó chắc là ngon!

Mụ già nói rồi rút con dao sáng quắc trông gớm ghiếc ra.

- á! á! Mụ thét lên vì bị đứa con gái búi lấy cổ và cắn vào tai. Trông nó có vẻ dữ tợn và thích thú.

- Hồn nào! Mụ mắng con và sắp sửa chọc tiết Giecđa.

- Để cho nó chơi với con! Đứa con gái nói. Nó sẽ cho con cái bao tay và áo đẹp của nó. Nó sẽ ngủ chung với con.

Nói rồi nó lại ngoạm vào tay mẹ nó làm mụ giãy nảy lên.

Bọn cướp cười âm và nói:

- Trông mẹ con nhà nó khiêu vũ kìa!

Đứa con bọn cướp nói:

- Con muốn đi xe ngựa.

Bọn cướp nó trèo lên xe ngựa với Giecđa vì nó là một đứa trẻ bướng bỉnh thường được nuông chiều. Xe lao vào rừng, băng qua gốc cây cụt và hồ ao. Con gái lũ cướp cũng lớn bằng Giecđa nhưng khoẻ mạnh hơn, vai rộng, mắt nâu. Cặp mắt đen của nó hơi buồn. Nó ôm ngang lưng Giecđa và bảo:

- Nếu tớ không giận đặng ấy thì chúng chẳng dám giết đặng ấy đâu. Hẳn đặng ấy là một công chúa?

- Không, Giecđa đáp rồi kể lại đời mình. Nó nói thêm rằng nó yêu quý một cậu bé tên là Kay.

Con bé nghiêm nghị nhìn Giecđa và lắc đầu nói:

- Chúng nó không giết đặng ấy đâu. Chỉ khi nào tớ cău với đặng ấy thì chính tớ sẽ giết đặng ấy.

Nói xong nó lau nước mắt cho Giecđa và thọc hai tay vào các bao mềm mại và ấm áp.

Xe dừng lại. Cả bọn về tới lâu đài như hoang tàn của bọn cướp. Qua khoang và qua đen từ các nơi ào đến. Lũ chó ngao to tường nhảy căng lên. Mỗi con đủ sức nuốt chửng một người. Trong một góc nhà, bảy tám con ngựa đã thắng yên cương sẵn sàng lên đường, buộc quanh cột nhà. Trên tường binh khí rỉ nát, áo choàng rách bươm treo lộn xộn.

Giecđa bước vào, con gái bọn cướp dắt tay nó. Lúc mới đến, nó chưa phân biệt được gì cả, lo lắng bước không vững.

Trong phòng lớn đầy bồ hóng một đống lửa bốc cháy trên sàn nhà. Khói bốc nghi ngút lên trần nhà rồi loanh quanh tìm lối thoát ra ngoài. Bọn cướp nấu xúp trong một cái nồi đặt trên đống lửa và đang quay trên đó nào là thỏ rừng, nào là thỏ nhà để nguyên cả con. Con gái bọn cướp nói với Giecđa:

- Đêm nay đặng ấy ngủ ở đây với cả bảy súc vật xinh xinh của tớ.

Ăn xong, chúng nằm lẩn trong một góc nhà có lót rơm. Bên trên chỗ nằm có hàng trăm chim bồ câu đậu trên giá quen bắc ngang. Hình như chúng đang ngủ, nhưng khi hai đứa đến thì đám chim ngẩng đầu lên nhìn.

- Tất cả bầy chim này là của tớ, con bé nói.

Nó bắt một con gần đấy, tóm lấy chân lắc làm con chim đập cánh phành phạch.

- Hôn nó đi! Con bé reo lên và quăng con chim vào mặt Giecđa.

- Đây là đôi bồ câu rừng mất dạy, con bé nói tiếp và chỉ vào những thanh sắt chắn ngang miệng các hốc trên tường. Không nhốt lại là chúng chuồn mất ngay. Và đây là em bé yêu của tớ.

Nó vừa nói vừa nắm lấy sừng một chú nai có chiếc vòng đồng đeo cổ đang buộc gần đấy.

Đó là một con nai già có đôi mắt hiền từ đang nhìn đứa con gái lữ kẻ cướp như có vẻ muốn van xin nó tha tội. Lông nai đã bạc gần hết và đôi chỗ đã rụng, trông thấy cả da. Trông nó người ta có thể đoán rằng nó đã lang bạt nhiều nơi và đã từng trải nhiều hơn đau khổ. Con gái bọn cướp lại nói:

- Con vật này cũng phải buộc cẩn thận, không thì nó sẽ đi mất. Tối nào cáo cũng dứ nó bằng một mũi dao làm cho nó hoảng lên đến là hay.

Nó rồi con bé rút ở khe tường ra một con dao găm và dứ vào cổ nai. Con vật khốn khổ lồng lộn lên làm con bé cười sằng sặc.

Rồi chúng lên giường ngủ.

Mới đầu, Giecđa nằm co ro trong một góc.

Con bé hỏi giọng hơi sảng:

- Sao đằng ấy lại tránh tớ thế? Đằng ấy sợ à? Lại gần đây nào!

Giecđa hơi sợ, hỏi:

- Cậu giắt cả dao găm đi ngủ à?

- Tất nhiên con gái cướp đáp. Ai biết trước được điều gì xảy ra trong đêm hôm. Nhưng thôi, hãy kể chuyện Kay cho tớ nghe và cho tớ biết tại sao cậu ta lại đi chu du khắp thiên hạ như thế.

Giecđa mãi mê thuật lại chuyện của nó không quên một chi tiết, để khỏi phải nghĩ đến cái nơi khủng khiếp mà tai họa đã dẫn nó đến. Trong khi kể những nỗi lo buồn đã qua, nó tạm quên mỗi lo hiện tại. Giecđa kể rất dài, dài lắm. Đàn bò câu vẫn gù trong chuồng, còn các chim khác đã ngủ cả. Con cái lữ kể cướp một tay quàng cổ Giecđa, tay kia cầm dao găm cũng ngủ tuốt. Nhưng Giecđa không sao chộp mắt được. Em bắn khoăn không biết rằng chúng có để em sống không hay là chúng sẽ giết em. Bọn kẻ cướp ngồi quanh đống lửa uống rượu và ca hát. Mụ hầu cũng say khướt, ngã sấp ngửa. Giecđa sợ run lên.

Đàn bò câu nói với nó:

- Gù! Gù Chúng tôi đã trông thấy Kay. Một con gà trắng mang xe trượt tuyết cho cậu ấy, còn cậu ấy thì ngồi trong xe của bà chúa Tuyết. Xe chạy qua rừng, nơi chúng tôi làm tổ. Bà chúa đã hà hơi làm chúng tôi chết rét cả bọn chỉ còn hai đứa sống sót thôi. Gu! Gù!

Giecđa reo lên:

- Nay các bạn trên kia nói gì thế? Bà chúa Tuyết đi đâu rồi? Các bạn có biết tin tức gì không?

- Chắc là bà ta đi đến xứ Lapôni rồi, vì nơi ấy có băng tuyết quanh năm. Cứ hỏi bác đang buộc ở dưới đấy thì biết.

Nai nói:

Quanh năm chỉ toàn băng và tuyết thôi, thật là thích. ở đây được vùng vẫy tự do trong cái thung lũng rộng rãi và thoán đặng. Chính đây là nơi bà chúa Tuyết dựng lều vải vào mùa hè, những lâu đài của bà ta ở tít trên bắc cực, trên một hòn đảo là Spitbe.

Giecđa lẩm bẩm:

- Kay! Kay!

- Nằm im, con gái bọn cướp dọa, nếu không tớ sẽ cho một nhát dao và bụng bây giờ.

Sáng dậy Giecđa kể lại cho cô bạn nghe những lời bô câu nói tối qua. Con gái bọn cướp trở nên nghiêm nghị, vừa lắc đầu vừa nói:

- Biết thế có ích gì?

Giecđa hỏi nai:

- Nai có biết xứ Lapôni ở đâu không?

- Còn ai biết xứ ấy hơn tôi nữa? Nai đáp. Tôi sinh ra ở nơi ấy và đã sống khá lâu trên cái đất phủ đầy tuyết ấy.

Thế bà chúa Tuyết có ở gần Lapôni không?

- Tôi chưa trông thấy bà chúa Tuyết bao giờ, mặc dù quê tôi đây tuyết phủ quanh năm và là một xứ sở đẹp nhất thế giới.

- Thôi đi, lão già lắm cảm, con gái lũ kẻ cướp gạt đi, tớ có hỏi cảm tưởng của nai về xứ Lapôni đâu. Im đi, không ta sẽ cứa cổ đấy. Thấy nai rùng mình, con bé hỏi tiếp:

- Thôi được, nai biết rõ xứ Lapôni như thế, liệu nai có thể dẫn đường cho một người đi đến đó không?

- Dù có mù hai mắt, tôi cũng dẫn đến nơi đến chốn được, vì nơi ấy là quê hương tôi, chỉ cần hít không khí nơi ấy tôi cũng tìm được hướng đi.

- Nay đằng ấy! Con bé nói với Giecđa, người của ta đi cả rồi. Còn lại mẹ tớ nhưng gần sáng thì mẹ tớ uống một chai rượu bỏ rồi đi ngủ. Tớ muốn giúp cậu một điều.

Nó nhảy ra khỏi giường ôm lấy cổ mẹ nó, giật bộ ria mép của mẹ rồi nói:

- Chào con dê già của tôi!

Con gái lại nói với mẹ như vậy thật là vô lễ. Nhưng mẹ già không hề tỏ ra phật ý. Mẹ chỉ cười gằn, làu bàu một tí thôi, rồi mẹ

búng vào mũi con bé làm cho mũi nó tím bầm lại. Nhưng đấy không phải mụ phạt nó mà là mụ ta búng yêu nó đấy.

Sau đó mụ với tay lấy chai rượu tộp một hộp, rồi hai hộp, cuối cùng mụ ngơ ngác nhìn chung quanh, rồi nằm soài ra đánh một giấc. Mụ còn mở mắt ra vài lượt nữa, rồi mụ ngáy inh nhà, đúng như con bé đã nói lúc nãy.

Con gái lữ cướp cầm tay Giecđa, nhét dao vào túi, mở hé cửa nhìn ra ngoài xem có ai không.

- Cần thận bao giờ cũng hơn.

Nó nói thế rồi quay lại bảo Giecđa:

- Lại đây với tớ, đằng ấy sẽ rất ngạc nhiên.

Đến gần con nai nó bảo:

- Tớ cũng muốn giữ con nai ở đây để vuốt ve nó bằng mũi dao của tớ, vì nai trông hay tẻ. Nhưng thôi, tớ sẽ thả nai ra để cho nó về xứ Lapôni: Nhưng nai phải chạy thật nhanh và công cô bé này đến lâu đài bà chúa Tuyết nơi cậu Kay hiện đang ở. Nai đã nghe rõ chuyện cô ấy rồi. Cô ấy nói to thế thì ai chẳng nghe thấy? Nai lại thính tai hơn ai hết.

Nai sung sướng nhảy cẫng lên. Con gái bọn cướp nhấc Giecđa lên lưng nai và buộc lại cẩn thận. Nó còn cho Giecđa một cái gối để ngồi lên trên.

- Đằng ấy đi giày bằng túp lót lông, như vậy là tốt lắm vì trời sẽ trở rét, nhưng cái bao tay thì tớ lấy. Đằng ấy không sợ cóng tay đâu. Đây là đôi găng lót lông của mẹ tớ, đằng ấy cầm lấy xỏ vào thì đến tận khuỷu tay đấy. Nào, xỏ tay vào! Giờ trông đằng ấy giống bà mẹ xấu xí của tớ rồi đấy, ít nhất cũng giống ở đôi tay.

Giecđa khóc lên sung sướng.

- Tớ chẳng thích đằng ấy khóc đâu! con bé nói. Phải tươi tỉnh lên chứ. Nào, đây là bánh mì và giăm bông, cầm đi ăn cho đỡ đói. Nói rồi con bé buộc miếng bánh và chiếc giăm bông vào lưng nai, mở cửa chốt lữ chó lại, lấy dao cắt thừng buộc nai và nói:

- Chạy đi! Nhớ trông nom cô bé cẩn thận.

Giecđa chìa tay đeo găng cho con gái lũ kẻ cướp và nói vài lời từ biệt. Rồi nai lao vào rừng, nhảy qua bụi rậm, vượt qua đồng ruộng và đầm lầy. Chó sói và cáo hú lên nghe như tiếng hát hỏi dồn dập trong không trung.

Nai nói:

- Trông kìa! Bắc cực quang quen thuộc của tôi đang loé sáng khắp bầu trời. Nai chạy cả ngày lẫn đêm. Giecđa ăn hết cả bánh mì và giăm bông. Cuối cùng nai đã đưa nó đến Lapôni.

Bà lão xứ Lapôni và bà lão người Phần Lan

Một túp lều nhỏ tiêu tụy và yên tĩnh, mãi úp xuống tận mặt đất, cửa thấp, ra vào phải úp người xuống trườn như rắn. Trong nhà chỉ có một bà lão người xứ Lapôni đang ngồi nướng cá trên chiếc đèn bằng mỡ hải cẩu.

Nai kể cho bà nghe chuyện của Giecđa. Giecđa bị rét cứng cả người không nói được. Nhưng trước khi kể chuyện Giecđa, nai đã kể chuyện của mình vì nó cho rằng chuyện của nó quan trọng hơn. - Các bạn còn phải đi xa hơn nữa, bà cụ Lapôni nói. Các bạn còn phải đi ít ra là một trăm dặm mới đến đất Phần Lan, nơi bà chúa Tuyết ở, nơi bà ta chiều chiều đốt lên một bó đuốc đỏ rực. Tôi sẽ viết cho các bạn vài chữ lên một con cá khô, vì tôi không có giấy. Các bạn sẽ đưa thư ấy cho bà cụ người Phần Lan ở trên ấy và bà cụ sẽ đưa chỉ dẫn cho các bạn rõ hơn.

Khi Giecđa đã sưởi ấm và ăn uống xong, bà cụ viết mấy chữ vào con cá khô, dặn dò Giecđa giữ cẩn thận, buộc nó lên lưng nai và nai lại tiếp tục chạy. Hú! hú! Vẫn có tiếng hú trong không trung. Bắc cực quang toả ánh sáng xanh nhạt suốt đêm ngày khắp vòm trời. Nai và Giecđa tới đất Phần Lan và gõ vào ống khói một cái nhà không có cửa.

Trong nhà nóng rực quá! Bà cụ ở trong đó chỉ mặc một bộ quần áo mỏng. Người bà bé nhỏ, da mặt nhăn nheo. Bà cởi quần áo cho Giecđa, tháo găng tay và giầy băng tuýp của nó ra, rồi đặt một mẩu nước đá lên đầu chú nai. Bà đọc những chữ viết trên con cá khô, đọc đi đọc lại cho thuộc lòng, rồi vứt cả vào nồi, vì cá ấy ăn vẫn ngon, bà ta không muốn bỏ phí.

Nai kể chuyện mình trước rồi đến chuyện Giecđa. Bà cụ Phần Lan chớp chớp đôi mắt thông minh nhưng chẳng nói gì.

Nai nói:

- Cụ biết nhiều điều. Người ta đồn rằng cụ có thể buộc gió bốn phương bằng một sợi chỉ. Nếu cụ chỉ trao sợi chỉ ấy cho một hoa tiêu, thì anh ta chỉ cởi một nút à anh ta thuận buồm xuôi gió, cởi nút thứ hai gió thổi mạnh thêm, cởi nút thứ ba thứ tư trời sẽ làm giông bão, lật đổ nhào các khu rừng. Cụ hãy cho cô bé này uống một thứ thuốc gì để cô ta có sức mạnh bằng mười hai người, đủ sức vật ngã bà chúa Tuyết.

Bà cụ hỏi lại:

- Khoẻ bằng mười hai người ư? ừ, đúng là phải khoẻ đến thế! Nói rồi, bà đi về phía cái giá có nhiều ngăn, lấy một tấm da khô cuộn tròn và mở ra xem. Mồ hôi long lanh trên trán, bà cụ đọc những chữ kỳ dị viết trên tấm da.

Nai nằn nì cầu xin bà cụ ban phép cho Giecđa. Giecđa khóc sướt mướt, nhìn bà cụ bằng đôi mắt cầu khẩn. Thấy vậy, bà cụ chớp mắt, lôi nai vào một góc nhà, vừa thì thầm vừa đặt miếng nước đá lên đầu nai:

- Cậu bé Kay đang ở nhà bà chúa Tuyết thật và cậu ta lấy làm mãn nguyện được ở đấy. Như vậy là vì cậu ta bị một mảnh gương quỷ bắn vào tim và một mảnh bắn vào mắt. Trước hết cần phải lấy mảnh gương ấy ra, nếu không cậu ra chẳng bao giờ trở lại bình thường và vẫn bị bà chúa Tuyết mê hoặc.

Nai nói thêm với bà cụ Phần Lan:

- Cụ thử nghĩ xem cụ có thể cho cô bé một phép lạ gì để cô bé có thể chiến thắng được con quỷ ấy không?

- Ta không thể cho cô ấy một quyền lực nào lớn hơn quyền lực mà cô ấy sẵn có. Nai không thấy cô ấy đã làm được những gì ư? Nai không thấy rằng nhiều người và súc vật đã phải làm theo ý cô ta đấy sao? Nai không thấy cô ta đã đi rất nhiều nơi mà chỉ đi bộ thôi ư? Chúng ta chẳng cần phải giúp cô ta nữa. Cô ta sẵn có một sức mạnh trong trái tim, trong tấm lòng trung hậu và trong trắng của cô ta. Nếu cô ta không tự mình đi đến nơi ở của bà chúa Tuyết để gỡ những mảnh gương đang găm trong tim và trong mắt của Kay ra thì chẳng có ai làm được việc ấy. Vườn của bà chúa Tuyết cách đây hai dặm đường. Nai có thể đưa cô ta đến đấy được. Nai sẽ dừng lại ở một bụi cây lớn, có quả đỏ, xung quanh toàn tuyết phủ, nai chỉ đưa Giecđa để đấy thôi, rồi đứng chờ Giecđa.

Bà cụ phúc hậu đặt Giecđa lên mình nai, nai phóng đi rất nhanh. Đang đi bỗng Giecđa kêu lên:

- Ôi thôi! Tôi quên mất giày và bao tay rồi!

Cái rét cứng người làm cho cô bé nhớ đến bao tay và giày, nhưng nai không dừng lại. Nó chạy một mạch đến bụi cây lớn có quả đỏ, hôn vào môi Giecđa, nước mắt nó ứa ra chảy trên má em bé. Giecđa tiếp tục đi một mình, chân không giày tay không găng, giữa đất Phần Lan phủ đầy băng tuyết.

Nó ra sức chạy. Nó gặp một đám bông tuyết lớn. Tuyết không rơi từ trên trời xuống, lúc này bắc cực quang còn đang chiếu sáng; bông tuyết bao là là mặt đất, càng tới gần càng lớn lên, Giecđa chợt nhớ lại ngày nào nhìn qua kính hiển vi ở nhà bông tuyết hiện ra rất to, nhưng so với bông tuyết này thì chẳng thấm vào đâu, những bông tuyết này to lớn đáng sợ và y như những loài động vật vậy. Chúng có những hình thù rất kỳ quặc. Một số trông giống như những con lợn lòi hoặc những con nhím; một số giống như những rắn rết đang ngóc đầu lên; còn các bông khác lại giống bầy gấu, con lớn, con nhỏ, lông dựng ngược. Tất cả đều trắng toát. Tất cả đều là những bông tuyết sống.

Giecđa đọc bài kinh cầu nguyện. Rét đến nỗi nó trông thấy hơi thở ra. Hơi thở bốc lên như đám khói, càng ngày càng dày đặc, và biến thành những tiên đồng, trước nhỏ tí, sau đó lớn mãi lên rồi đặt chân xuống đất. Cả bọn đều đội mũ sắt, một tay cầm giáo, một tay mang mộc. Càng ngày đội ngũ tiên đồng càng đông thêm. Đến khi Giecđa đọc xong bài kinh thì có tới một đạo quân đứng quanh nó. Họ cầm giáo đập vào bông tuyết làm chúng tan ra thành muôn mảnh. Nhờ thế Giecđa có thể ung dung tiến lên phía trước. Các tiên đồng vỗ vào chân vào tay nó cho đỡ rét. Và thế là nó đi tới lâu đài bà chúa Tuyết.

Nhưng Kay bây giờ ra sao rồi? Nó không hề nghĩ gì đến Giecđa và nó không ngờ rằng Giecđa đến bên ngoài lâu đài.

Việc xảy ra trong lâu đài bà chúa Tuyết.

Tuyết rơi quanh lâu đài thành một bức tường dày. Cửa ra vào và cửa sổ là những lỗ hổng qua đấy gió bắc rít lên. Lâu đài có tới hàng trăm phòng, phòng nào cũng có tuyết rơi lả tả. Phòng lớn nhất rộng tới một trăm dặm. Bắc cực quang chiếu sáng khắp nơi. Tất cả các phòng đều trống rỗng lạnh buốt và lóng lánh. ở đây chẳng bao giờ có hội hè, chẳng bao giờ có khiêu vũ, hoà nhạc hay tiệc trà. Trong một gian phòng trống rỗng và lớn nhất có một cái hồ trống rỗng và lớn nhất có một cái hồ đóng băng. Mặt hồ vỡ thành nhiều mảnh, mảnh nào cũng giống nhau, trông như một tác phẩm nghệ thuật. Gian phòng này là nơi bà chúa Tuyết ngự khi bà ta ở nhà. Bà thường nói rằng bà ngồi trên tấm gương của trí thông minh và đó là hạnh phúc lớn nhất trên đời này.

Ở nơi ấy, Kay tím sạm đi vì rét, nhưng nó không nhận thấy điều ấy, vì tim nó đang đóng thành băng và nó ghép những mảnh băng nhỏ thành các hình thù đủ loại và còn ghép thành chữ nữa, nó gọi trò chơi ấy là "trò chơi thông minh" có tầm quan trọng đặc biệt, vì nó vẫn bị một mảnh gương quý nằm trong mắt mê hoặc. Nhưng loay

hoay mãi nó không sao ghép được hai chữ "Vĩnh Cửu". Bà chúa Tuyết nói:

- Nếu em xếp được hai chữ ấy, em sẽ làm chủ được mình. Ta sẽ cho em cả thế giới và một đôi giày trượt tuyết mới tinh. Chúc em thành công. Giờ ta phải bay xuống xứ nóng, đến núi lửa Etna và Vêduyvor. Ta muốn nhuộm trắng chúng nó một chút. Như thế hợp với chúng hơn, hợp với những vườn chanh và vườn nho mọc trên sườn núi.

Bà chúa Tuyết nói xong bỏ đi. Kay còn lại một mình trong gian phò băng giá.

Nó ngắm nhìn những mảnh băng. Nó thấy như thân thể đang gãy răng rắc. Cứ ngồi im lặng và cứng nhắc như thế có khi cuối cùng rồi nó cũng biến thành băng chứ chả chơi!

Đúng lúc ấy Giecđa bước qua cửa lớn vào lâu đài. Gió thổi như quạt vào mặt nó. Nó đọc bài kinh cầu nguyện ban tối. Gió dịu đi. Nó bước vào gian phòng lớn lạnh lẽo, trống rỗng và nhìn thấy Kay. Nó nhận ra cu cậu, bá cổ ôm chặt lấy cậu ta và reo lên:

- Kay! Kay yêu của mình. Thế là cuối cùng mình đã tìm thấy cậu!

Nhưng Kay vẫn trơ trơ và lạnh lẽo. Giecđa oà lên khóc. Những giọt nước mắt nóng hổi rơi trên ngực và thấm vào tận tim Kay. Nước mắt làm tan nước đá và đánh tan cả mảnh gương quý. Kay nhìn Giecđa. Nó hát bài kinh cầu nguyện.

"Hông mọc đầy thung lũng

Nơi cậu bé Giếu phán bảo ta".

Bỗng nhiên Kay ứa nước mắt. Nó khóc đến nỗi mảnh gương quý trôi ra ngoài. Nó nhận ra cô bạn gái, say sưa nhìn Giecđa và vui mừng reo lên:

- Giecđa! Giecđa dịu hiền của mình. Cậu đi đâu từ bấy lâu nay thế? Còn mình, không biết tại sao mình lại ở đây thế này? Cậu bít chặt lấy Giecđa đang lúc cười lúc khóc vì sung sướng. Giây phút ấy cảm động đến nỗi cả những mảnh băng vỡ cũng nhảy nhót

vui mừng, cho đến lúc mệt nhoài chúng mới chịu nằm im. Nhưng kỳ diệu thay, chúng nằm im thì mặt đất hiện ra hai chữ "Vĩnh Cửu" do bà chúa Tuyết đề ra. Thế là Kay đã tự chủ được mình và bà chúa Tuyết sẽ phải tặng cậu cả thế giới và đôi giày trượt tuyết mới tinh. Giecđa ôm hôn Kay làm hai má Kay ửng đỏ lên như hoa, nó hôn lên mắt Kay, mắt Kay ánh lên như mắt của nó, nó lại hôn lên chân tay của Kay, chân tay của Kay lại trở nên mạnh mẽ như cũ. Hai đứa không phải đợi bà chúa Tuyết trở về vì hai chữ "Vĩnh Cửu" kia đã chuộc lại quyền tự do cho Kay.

Hai đứa dắt tay nhau và thoát khỏi toà lâu đài rộng lớn. Chúng nói chuyện về bà của chúng, về hai cây hồng trồng sát mái nhà nhau. Chúng đi đến đâu thì ở đấy gió tắt và mặt trời hiện ra lấp lánh. Khi chúng đi tới bụi cây quả đỏ, nai vẫn đang đợi chúng. Đứng bên nai có một con nai cái, vú căng sữa, đang cho đàn con bú và đang hôn lên mõm chúng. Trước hết Kay và Giecđa đến nhà bà cụ Phần Lan - Chúng hỏi thăm bà cụ đường về. Sau đó chúng đến nhà bà cụ Lapôni; bà may quần áo mới và chữa lại xe trượt tuyết cho chúng. Vợ chồng nhà nai chạy theo xe đến tận biên giới. Khi nhìn thấy ngọn cỏ đầu tiên nhô lên mặt đất, chúng từ biệt đôi nai và bà cụ Lapôni. Tiếng hót của những con chim đầu tiên chúng trông thấy vang lên. Trong rừng mầm non đã nhú mọc. Một con ngựa đang chạy tới, chính là một trong hai con đã kéo cỗ xe thếp vàng. Cưỡi trên mình ngựa là một em bé đội mũ màu đỏ rực, mỗi tay chìa ra đằng trước một khẩu súng ngắn. Đó là con gái lũ cướp, chán cảnh nhà định đi về phương Bắc, rồi khi nào không thích ở đấy nữa lại đi nơi khác. Hai em bé nhận ra nhau vui mừng khôn xiết.

Đứa con gái lũ cướp nói:

- Đàng ấy thật liêu lĩnh. Đàng ấy bắt người ta đi theo đàng ấy khắp thiên hạ phỏng có ích gì!

Giecđa tát yêu vào má cô bạn và hỏi tin tức về công chúa và hoàng tử?

- Họ đã đi du lịch ra nước ngoài sau khi tiễn chân Giecđa đi Lapôni được vài ngày. Từ dạo ấy chẳng ai biết tin tức gì về họ cả, và cũng chẳng biết khi nào họ về.

- Con quạ đen thì sao? Giecđa hỏi.

Quạ đã chết rồi, vợ hắn để tang bằng buộc một sợi len màu đen vào chân. Sau khi chồng chết, quạ tỏ vẻ thương xót, nhưng chẳng qua là để che mắt thế gian mà thôi!

- Quạ đen tội nghiệp của tôi! Giecđa nói. Quạ đối với tôi rất tốt. Quạ đã chết sớm vì tự do ngoài trời, không quen sống gò bó trong bốn bức tường.

- Dào ôi! Đưa con gái lũ cướp nó. Quạ chết vì bội thực đầy thôi, để chuyện ấy đấy. Hãy kể cho tớ nghe cậu làm thế nào mà tìm được Kay.

Giecđa và Kay tranh nhau kể. Nghe xong đưa con gái lũ cướp nắm lấy tay hai đứa và nói:

- Được rồi! Tốt lắm.

Nó khen và hẹn hai đứa rằng nếu một ngày kia có dịp đi qua thành phố, nơi hai đứa ở, nó sẽ ghé lại thăm. Nói rồi nó thúc ngựa lên đường.

Kay và Giecđa nắm tay nhau bước đi. Lúc này đã sang xuân, khắp nơi cây cối xanh tươi, trăm hoa đua nở. Chuông nhà thờ ngân vang. Chúng đã nhận ra những tháp cao của thành phố, nơi hai đứa đã sống trước đây. Chúng đi vào thành phố về đến trước cửa nhà, leo lên tầng gác cao nhất và bước vào phòng, tất cả mọi vật đều y nguyên như cũ.

Chiếc đồng hồ quả lắc đứng đưa tích tắc. Hai chiếc kim vẫn quay đều.

Nhưng lúc vào nhà, chúng nhận thấy mọi người đã già đi. Hồng vẫn nở hoa gần nơi cửa sổ, ở đó vẫn còn những chiếc ghế nhỏ. Mỗi đứa ngồi vào ghế của mình và nắm lấy tay nhau. Như vừa qua cơn ác mộng, chúng đã quên những vật kỳ lạ ở lâu đài băng giá và điều hiu của bà chúa Tuyết. Bà các em ngồi dưới ánh nắng, cất cao giọng đọc trong thánh kinh.

"Nếu người không trở thành những đứa trẻ người sẽ không được đi vào giang sơn của chúa".

Kay và Giecđa nhìn nhau. Đến lúc ấy chúng mới hiểu thấu ý nghĩa của câu thánh thi:

"Hong mọc đầy trong thung lũng

Nơi cậu bé Giêsu đang phán bảo ta"

Giờ đây cả hai đứa đã lớn, nhưng tâm hồn các em vẫn là tâm hồn trẻ con, và mùa hạ sáng rực lên, mùa hạ nóng bức và nhân hậu.

Chiếc kim thô

Một hôm có một cái kim thô dùng để lược quần áo, tự cho là thanh tú lắm, nên cứ tưởng mình là một cái kim khâu. Cô ả bảo các ngón tay đang sắp cầm mình rằng:

-Này, giờ thì các anh phải chú ý giữ tôi cho khéo nhé! Chớ mà có đánh rơi tôi đấy! Tôi mà ngã xuống đất thì chắc chắn là không bao giờ tìm thấy tôi được đâu. Người tôi nhỏ nhắn thế này cơ mà!

Các ngón tay bảo:

-Cứ mặc cho người ta làm nào! - Nói rồi chúng tóm lấy người cô ả.

-Nhìn đây một tí mà xem. Tôi đến với đoàn tùy tùng của tôi đây này.

ả kim thô vừa nói vừa kéo theo mình một sợi chỉ dài, nhưng là sợi chỉ không thắt nút.

Các ngón tay điệu ả kim ta về phía chiếc giày "băng túp" của chị nấu bếp. Da giày phía trên bị rách cần phải khâu lại. ả kim bảo:

-Vải gì mà thô đến thế! Tôi không thể nào chọc thủng được đâu; tôi đến gãy mất, gãy mất thôi!

Và quả nhiên, cô ả gãy thật. ả kêu ầm lên:

-Tôi chẳng bảo thế là gì? Người tôi mảnh dẻ lắm cơ mà!

Các ngón tay bảo nhau:

-Bây giờ thì chẳng dùng được vào việc gì nữa rồi.

Nói thế nhưng chúng vẫn giữ cô ả. Chị nấu bếp làm cho cô ả một cái đầu bằng xi măng rồi dùng cô ả để cài khăn quàng. ả kim nói:

-Thế là mình trở thành trâm cài rồi! Mình biết lắm, biết là mình danh giá mà! Khi con người ta vốn dĩ đã có giá trị thế nào cũng nổi danh.

Rồi cô ả làm bộ kiêu hãnh, ngó nghiêng tứ phía chẳng khác gì cậu xà ích đánh xe ngày hội. Chị đánh gim lóng giềng bảo:

-Dám xin hỏi quý nương, có phải quý nương bằng vàng không đấy ạ? Diện mạo quý nương xinh đẹp và quý nương có cái đầu kỳ lạ lắm! Song le và nó chỉ hơi bé một chút thôi, quý nương nên gắng sức làm cho nó nhỉnh ra một tí để khỏi phải dùng đến xi như các kẻ khác.

Nghe vậy cô nàng kiêu hãnh uốn người nghênh mạnh cái đầu đến nỗi từ khăn quàng rơi xuống cái máng giặt, nơi chị bếp đang vò quần áo. ả kim bảo:

-Thế là ta sắp được chu du một phen. Miễn rằng đừng có thất lạc là được.

Quả nhiên cô ả bị thất lạc. Trong khi nằm dí trong máng giặt, cô ả lảm bảm:

-Mình thật quá nhỏ nhắn đối với cái thế gian này. Ta cũng tự biết ta lắm, biết mình thì bao giờ cũng được vừa lòng đôi chút.

Nhưng ả vẫn cứ hơn hờ giữ bộ điệu kiêu hãnh. Rồi một loạt các thứ bơi qua trên đầu ả; nào là dằm gỗ, nào là rơm rạ và những mẩu báo cũ. ả lảm bảm:

-Hãy xem cái tụi kia bơi với lội kia! Thậm chí mình nằm ngay đây mà chúng cũng chẳng ngờ rằng bên dưới chúng có cái gì cả? Kìa, một chú dằm gỗ ngoi qua kia! Cu cậu chẳng nghĩ đến ai trên đời này ngoài cu cậu ra cả, hừ, ngoài cu cậu ra! Lại một cô ả rơm đang du ngoạn! Cô ả đang quay cuồng vùng vẫy góm chưa! Này, đi cẩn thận đấy nhá, kéo lại va đầu vào đá đấy. Còn cái mảnh báo cũ này nữa.

Đến là vênh vang! Nhưng mà từ lâu lắm thiên hạ cũng chẳng nhớ hẳn ta đã đăng tin gì rồi. Chỉ có mình ta là vẫn kiên tâm và bình thản; ta tự biết ta lắm và luôn luôn giữ lấy giá trị của ta.

Một hôm cô ả cảm thấy có vật gì nằm cạnh, một vật sáng rực rỡ mà cô ả cho là một viên kim cương. Đó là một mảnh chai vỡ. Thấy hẳn ta lóng lánh trông như một cái trâm cài đầu, kim bèn cất giọng sẵn đón:

-Chắc hẳn bà chị là kim cương?

-Một loại na ná như thế.

Thế là ả nọ cứ tưởng ả kia quý phái lắm. Và rồi câu chuyện giữa hai đứa nở rạn, đặc một giọng kiêu kỳ chúa soái ở trên đời. Kim ta lên giọng:

-Mình ở trong một cái tráp của tiểu thư. Vị tiểu thư ấy làm nghề nấu bếp. Mỗi bàn tay của nàng có năm ngón. Mình chưa hề thấy ai kiêu căng tự phụ như các lão ngón tay ấy, thế mà chúng cũng sinh ra để nâng mình ra khỏi hộp rồi lại cất mình vào thôi.

Mảnh chai hỏi:

- Thế các lão ngón tay ấy có thuộc dòng dõi quý phải không?

Kim đáp:

-Quý phái! Không đâu, nhưng kiêu căng. Chúng nó tất cả năm anh em và tất cả đều thuộc dòng dõi... họ nhà ngón tay. Chúng tuy dài ngắn khác nhau nhưng đứng cạnh nhau một cách hợm hĩnh. Ngón ngoài, cũng gọi là ngón cái, lùn và mập đứng tách riêng ra vì hẳn chỉ có trần một khớp nên chỉ có thể gập lại một đốt thôi, nhưng hẳn luôn luôn khoe rằng nếu người nào mà cụt mất hẳn thì không thể nào mà làm việc nhà binh được.

Ngón thứ hai lúc nếm mứt, lúc nếm mù tạt; hẳn còn chỉ chỗ được cả mặt trăng lẫn mặt trời nữa và chính hẳn ấn quản bút khi người ta viết lách đấy. Lão thứ ba thì cao hơn tất cả các lão kia. Lão thứ tư đeo một cái đai bằng vàng và lão thứ năm bé nhất chẳng làm ăn gì cả. Vì thế nên hẳn kiêu ngạo lạ thường. Bọn chúng lúc nào

cũng làm bộ làm tịch, bắc bậc kiêu kỳ, nên mình đã bỏ chúng mà đi nơi khác đấy.

Mảnh chai bảo:

-Có thể chúng mình mới ngồi với nhau ở đây mà lấp lánh chứ.

Lúc đó người ta đổ nước vào máng giặt. Nước chảy lên thành máng và cuốn hai đứa đi. Kim thử phào:

-Đấy, thế là chúng ta lại tiến bước rồi đấy.

Mảnh chai tiếp tục lặn đi, còn ả kim động lại ở dưới suối.

-áý đấy! Mình mảnh dễ quá, không nhúc nhích được nữa; nhưng cũng đành vậy biết sao?

Quả nhiên cô ả nắm dí ở đây, ôm ấp những hoài bão vĩ đại của cô ả.

-Mình rồi cũng đến phải tin rằng mình là con của một tia nắng vì mình nhỏ nhắn thế này kia mà! Hình như những tia nắng xuống tận đáy nước tìm mình thì phải. Nhưng mình nhỏ nhắn đến nỗi thân mẫu mình chẳng tìm thấy mình đâu. Giá ví thử người ta chưa đánh gãy mất cái mắt của mình thì mình cũng còn khóc được cơ đấy! Nhưng không, mình chẳng muốn khóc, mình mà lại than khóc à?

Một hôm, trẻ con đến sục sạo dòng suối. Chúng mò tìm đanh cũ, xu đồng và các của tương tự loại ấy. Công việc chẳng hào hứng lắm, nhưng chúng thích làm việc ấy và đứa nào nhặt được gì thì lấy đấy. Một đứa trong bọn bị cái kim đâm vào tay kêu lên:

-ôi chao! Cái đồ ăn mày này!

ả kim vội cãi:

-Tôi không phải là ăn mày đâu. Tôi là một tiểu thư khuê các đây.

Nhưng nào có ai thèm nghe nó. Đến lúc ấy cái đầu xi của nó đã tuột đi mất rồi và kim ta lại trở nên đen xì từ đầu đến chân; nhưng càng đen thì thân hình trông càng có vẻ nhỏ đi, nên cô ả tưởng mình mảnh dễ hơn lúc nào hết. Trẻ con bàn nhau:

-Có cái vỏ trứng trôi đến kia rồi!

Thế là chúng cắm kim vào vỏ trứng. Cô ả hí hửng:

-May lắm! Giờ thì mình nổi bật rồi, vì mình thì đen mà thành quách xung quanh lại trắng toát một màu. Ít ra thiên hạ cũng nhận ra mình ngay. Miễn là chớ có say sóng mà gãy tan xác

Cô ả không say sóng nên chẳng hề bị gãy.

-Đi biển mà có cái bụng bằng thép như mình thì thật là may mắn lắm thay! Mình hơn người ở chỗ ấy đấy. Ai dám tự hào có được cái bụng như ta? Thế chất mình tốt thật! Mà càng nhỏ bao nhiêu thì lại càng tránh được tai nạn bấy nhiêu.

Một chiếc xe tải hàng chẹt lên, vỏ trứng vỡ đánh "rắc" một cái. Kim rên la:

-Trời! Sao mình bị đè khiếp thế này! Hình như mình bị say sóng thì phải. Mình bị gãy nát mất rồi.

Tuy bị chẹt xe nhưng ả kim không gãy. Cô ả vẫn như trước, nằm sõng sượt dưới lòng suối. Mặc xác ả!

Cô bé bán diêm

Đêm giáng sinh năm ấy trời thật lạnh. Đã mấy ngày liền tuyết rơi liên miên, như hơi hả điểm trang cho thành phố vẻ thánh khiết để đón mừng ngày kỷ niệm Chúa Cứu Thế ra đời.

Em bé tay ôm bao giấy đầy những hộp diêm, vừa đi vừa cất giọng rao mời. Lạnh thế mà bé phải lê đôi chân trần trên hè phố. Đôi dép cũ rích của bé sáng nay bị lũ nhóc ngoài phố nghịch ngợm dấu đi mất. Trời lạnh như cắt. Hai bàn chân của bé sưng tím cả lên. Bé cố lê từng bước sát dưới mái hiên cho đỡ lạnh, thỉnh thoảng đôi mắt ngây thơ ngược nhìn đám đông hờ hững qua lại, nửa van xin, nửa ngại ngùng. Không hiểu sao bé chỉ bán có một xu một hộp diêm như mọi ngày mà đêm nay không ai thèm hỏi đến.

Càng về đêm, trời càng lạnh. Tuyết vẫn cứ rơi đều trên hè phố. Bé bán diêm thấy người mệt lả. Đôi bàn chân bây giờ tê cứng, không còn chút cảm giác. Bé thèm được về nhà nằm cuộn mình trên chiếc

giường tồi tàn trong góc để ngủ một giấc cho quên đói, quên lạnh. Nhưng nghĩ đến những lời đay nghiến, những lần roi vun vút của người mẹ ghẻ, bé rùng mình hồi hải bước mau. Được một lát, bé bắt đầu dán mắt vào những ngôi nhà hai bên đường. Nhà nào cũng vui vẻ, ấm cúng và trang hoàng rực rỡ. Chỗ thì đèn màu nhấp nháy, chỗ có cây giáng sinh với những quà bánh đầy màu. Có nhà dọn lên bàn gà tây, rượu, bánh trái trông thật ngon lành. Bất giác bé nuốt nước miếng, mắt hoa lên, tay chân run bần bật, bé thấy mình lạnh và đói hơn bao giờ hết. Đưa tay lên ôm mặt, bé thất thểu bước đi trong tiếng nhạc giáng sinh văng vẳng khắp nơi và mọi người thản nhiên, vui vẻ, sung sướng mừng Chúa ra đời...

Càng về khuya, tuyết càng rơi nhiều. Bóng tối, cơn lạnh lẫn cơn đói như phủ lên, như quán vào hình hài nhỏ bé ốm yếu. Bé vào núp bên vỉa hè giữa hai dãy nhà cao để tránh cơn gió quái ác và tìm chút hơi ấm trong đêm.

Ngồi nghỉ một lát, chợt nhớ ra bao diêm, bé lấy ra một cây, quẹt lên để sưởi cho mấy ngón tay bết cứng. Cây diêm cháy bùng lên thật sáng, thật ấm, nhưng chỉ một lát thì tắt mất, làm bé càng bức mình hơn trước. Bé thử quẹt lên một cây diêm thứ hai. Khi cây diêm cháy bùng lên, bé thấy trước mặt mình một bàn đầy thức ăn, những món đặc biệt của ngày lễ giáng sinh. Bé mừng quá, đưa tay ra chụp lấy thì ngay lúc ấy cây diêm tắt, để lại bé trong bóng tối dầy đặc, với cái lạnh bây giờ càng khủng khiếp hơn. Bé sợ quá, sợ lạnh, sợ tối, vội vàng lấy bao giấy đồ diêm ra hết, rồi cứ quẹt lên từng cây một, hết cây này đến cây khác. Trong ánh sáng của mỗi cây diêm bé thấy mình được về nhà, được gặp lại người mẹ thân yêu. Mẹ âu yếm bế bé đến gần bên lò sưởi, mặc cho bé chiếc áo choàng dài thật ấm, thật đẹp, xong nhẹ nhàng đút cho bé từng miếng bánh ngon. Mẹ trìu mến ôm bé vào lòng, vuốt ve, hỏi han đủ chuyện. Mỗi lần que diêm tắt, hình ảnh người mẹ thân yêu tan biến, bé hoảng sợ, vội vàng quẹt lên một que khác, mẹ lại hiện ra. Cứ như thế, tay bé cứ say sưa quẹt hết mớ diêm này đến mớ diêm khác. Rồi như người điên, bé lấy que diêm châm vào cả hộp diêm. Khi ánh lửa bùng lên, bé thấy mẹ cúi xuống bế bé lên, mang bé bay bổng về nơi đầy tiếng hát, đây những người thân yêu, bé không còn thấy lạnh, thấy đói gì nữa.

Sáng hôm sau, những người trong phố tìm thấy em bé đáng thương nằm chết bên cạnh đồng diêm vĩ tung tóe trong ngõ hẻm.

Cô bé tí hon

Ngày xưa có một bà hiếm hoi, mong có một đứa con mà mãi không được. Bà phải tìm đến một cụ phù thủy để nhờ giúp. Bà nói:

- Tôi muốn có một đứa con, bà bảo giùm tôi phải làm thế nào.

- Ta sẽ giúp - cụ phù thủy trả lời - Hãy cầm hạt lúa này. Nó không giống như lúa mì vẫn mọc ngoài đồng, cũng không giống lúa vãi cho gà vịt ăn. Đêm về gieo vào chậu hoa, một thời gian sau sẽ biết.

- Cảm ơn bà - bà hiếm con trả công và chào cụ phù thủy rồi đem hạt lúa về nhà gieo. Chẳng mấy chốc nó mọc thành một cây hoa tuyệt đẹp, giống như hoa uất kim cương, nhưng cánh hoa cuộn lại như một cái nụ.

- Hoa đẹp quá!- Bà thốt lên và đặt môi lên hoa. Nhưng bà đang hôn bông hoa thì bỗng có tiếng động mạnh làm hoa bùng nổ. Nhìn bông hoa, bà ngạc nhiên thấy ở giữa bông hoa có một cháu bé xinh đẹp ngồi trên nhụy hoa, như ngồi trên chiếc ghế tựa màu xanh. Bé chỉ lớn bằng ngón tay cái nên bà đặt tên cho bé là Bé tí hon. Bà lấy vỏ hạt dẻ để làm cho bé một chiếc nôi rất đẹp, bên trong trải nệm bằng cánh hoa tím, chăn đắp cho bé là một cánh hoa hồng. Ban đêm bé ngủ ở đấy, còn ban ngày bé chơi trên bàn. Bà đặt trên bàn một cái đĩa đựng đầy nước, vành đĩa khoanh một vòng hoa. Cánh hoa nổi trên mặt nước. Có một cánh hoa cánh hoa uất kim cương to dùng làm thuyền. Bé ngồi vào đấy dạo chơi như dạo thuyền, một chiếc lông ngựa dùng làm mái chèo. Bé vừa chèo vừa hát, giọng thật êm ái, dịu dàng.

Một đêm, bé tí hon đang ngủ, bỗng một con cóc to tướng vừa béo vừa nhót trông phát khiếp chui qua ô kính vỡ trên cửa sổ vào

phòng và nhảy lên bàn, nơi cô bé tí hon đang ngủ dưới cánh hoa hồng.

Nó nghĩ thầm:

- Con trai mình được con bé này làm vợ, hẳn là cu cậu sướng mê.

Thế là nó chộp lấy cái vỏ hạt dẻ, trong có Bé tí hon đang ngủ, chui qua ô kính vỡ nhảy ra vườn. Trong vườn có một dòng suối nhỏ, hai bờ lầy lội. Đây là chỗ ở của hai bố con nhà cóc. Khiếp! Cóc con cũng béo phì như bố, trông rất sợ. Hai bố con sao giống nhau đến thế! Trông thấy cô bé xinh đẹp trong vỏ hạt dẻ, cóc con reo lên: cọc, cọc, cọc, kẹc, kẹc, kẹc!

- Cóc bố bảo:

- Khê chứ! Không nó thực dậy, nó trốn mất. Chúng ta sẽ đặt nó lên một lá sen to. Nó bé, ở đây như ở một hòn đảo, không chạy trốn đi đâu được. Chúng ta sẽ làm cho nó một căn nhà ở ngay chỗ bùn lầy này.

Giữa dòng suối có nhiều gốc sen, lá xoè to bập bênh trên mặt nước. Cóc bố bơi ra giữa dòng suối, nơi có tàu lá to nhất, đặt chiếc vỏ hạt dẻ đựng bé Tí hon vào đấy.

Sáng hôm sau, thức dậy Bé Tí hon thấy mình đang ở trên tàu lá, bốn chung quanh là nước. Nó sợ quá, oà lên khóc, không có cách vào bờ.

Lúc này, bố con nhà cóc đang trang hoàng phòng cưới, căng lên tường những chiếc lá sen xanh, đính lên những bông sen trắng với những nhị sen vàng. Xong rồi hai bố con bơi ra tận giữa suối đón dâu. Cóc già cúi chào bé Tí hon và nói:

- Ta giới thiệu với con đây là thằng con trai ta. Chồng của con đấy. Hai con sống trong căn phòng đẹp đẽ giữa chốn bùn lầy này. Cóc con lại: Cọc, cọc, cọc, kẹc, kẹc, kẹc!

Hai bố con ngậm tàu lá sen to lôi vào bờ. Bé Tí hon ngồi trên tàu lá khóc sụt sùi. Nó không muốn ở nhà của lão cóc già ghê tởm và không muốn lấy thằng con trai gớm ghiếc của lão.

May sao lúc ấy có đàn cá con đang bơi lội dưới suối trông thấy. Chúng nhô lên mặt nước để xem cô bé.

Chúng thấy bé xinh quá lại rất buồn vì phải sống với hai con cóc ghê tởm.

- Không! Không thể để thế được! Đàn cá bảo nhau và bơi đến dưới tàu lá có Bé Tí hon đang ngồi trên và cắn đứt cuống sen. Thế là dòng nước cuốn tàu lá đi, đưa cô bé ra xa, rờ xa, bố con nhà cóc không thể bơi tới đó được.

Bé Tí hon trôi qua nhiều thành phố. Chim chóc trong bờ bụi hát rằng:

- Cô bé xinh quá!

Tàu lá đưa cô bé qua nhiều xứ lạ. Một con bướm trắng bay lượn hồi lâu trên đầu cô bé đậu xuống tàu lá. Cô bé sung sướng vì thoát khỏi hai bố con nhà cóc lại được ngắm nhìn phong cảnh đẹp ở những miền đất xa lạ tàu lá trôi qua. Dưới ánh nắng, nước suối lỏng lánh như vàng lỏng. Cô bé cởi dây lưng, buộc một đầu vào cánh bướm, một đầu vào tàu lá. Khi bướm bay nó kéo theo cả tàu lá. Bỗng một con bọ dừa xuất hiện, lấy chân quắp cô bé đem đến một cành cây, chiếc lá thì vẫn chao lượn cùng con bướm. Bướm gỡ ra khỏi dây buộc mà không sao gỡ được.

Khi bọ dừa đem Bé Tí hon lên cây. Bé sợ lắm. Bé sợ cả cho bướm tội nghiệp bị buộc chặt vào tàu lá, nếu không được ai gỡ ra cho thì bướm chết đói mất. Nhưng bọ dừa có nghĩ gì đến chuyện ấy! Nó đặt Bé Tí lên một chiếc lá to, đem nhụy hoa đến cho Bé ăn và khen Bé đẹp.

Nhiều bọ dừa bạn bè nó đến chơi, nhìn chăm chăm Bé Tí hon và nói những câu láo xược. Một ả bọ dừa trẻ kêu lên

- Nó chỉ có hai chân thôi các bạn ạ!

Một con khác vội thêm:

- Nó không có râu chúng mày ạ!

Nhiều con khác chế nhạo:

- Trông nó xấu như giống người vậy!

Thật ra Bé Tí rất xinh. Lúc mới đem Bé Tí về, nó có nghĩ như các bạn nó đâu. Chỉ có các bạn nó dèm pha, nói ra nói vào mãi nên bọ dùa cũng tin là Bé Tí xấu và không thích Bé nữa và đem Bé đặt xuống một cây cúc trắng.

Tưởng rằng mình xấu đến mức bọ dùa cũng không ưa, Bé Tí khóc nức nở, buồn phiền. Nhưng thật ra thì Bé rất xinh, thanh tú, dịu dàng, chẳng khác gì một cánh hồng.

Bé Tí hon sống một mình suốt mùa hạ trong khu rừng lớn. Bé lấy cọng rơm làm cho mình một cái võng, treo dưới một lá thu mẫu đơn to để tránh mưa. Bé ăn nhụy hoa và uống những hạt sương rơi. Bé sống như vậy suốt cả mùa hè và cả mùa thu. Nhưng rồi mùa đông đến, mùa đông dài dằng dặc và lạnh giá. Những con chim nhỏ thường hót cho Bé nghe giờ cũng bay đi tránh rét. Cây rụng hết lá, hoa đều tàn, chiếc lá thu mẫu đơn che chỗ nằm cũng héo quắt, chỉ còn lại chiếc cọng vàng khô. Quần áo rách bươm, Bé rét run.

Tuyết rơi, mỗi giọt tuyết rơi xuống Bé nặng như hòn đá không chịu nổi. Bé núp mình trong một chiếc lá khô, nhưng chẳng ấm thêm chút nào, vẫn rét run cầm cập.

Bé Tí hon bỏ khu rừng đến một ruộng lúa gần đấy. Ruộng lúa vừa mới gặt chỉ còn gốc rạ từ dưới đất giá lạnh tua tua gai đâm lên. Đi qua đám ruộng, Bé Tí hon cũng thấy vất vả như người đi qua một cánh rừng, nó đi chệnh choạng ngã lên ngã xuống nhiều lần. Bé Tí hon lần được đến cổng nhà chuột đồng - một cái hốc dưới gốc rạ. Chuột đồng sống ở đấy rất thoải mái, lại có đầy lúa và các thức ăn khác. Bé Tí hon vào nhà chuột đồng xin một hạt lúa mạch ăn cho đỡ đói, đã hai hôm nay bé không được ăn gì vào bụng.

Chuột đồng bảo:

- Tội nghiệp con bé! Vào đây ăn với ta cháu ạ!

Thấy Bé Tí hon dễ thương, chuột đồng bảo:

- Cháu có muốn ở đây với ta không? Chỉ cần giữ gìn nhà cửa cho sạch và kể chuyện cho ta nghe. Ta thích nhất là nghe kể chuyện.

Bé Tí hon làm theo lời chuột và được chuột đổi đã tử tế. Một hôm chuột nói:

- Sắp có khách sang chơi đấy. Ông bạn láng giềng ta là một người giàu có, nhà cao cửa rộng. Ông thường mặc chiếc áo lông đen nhánh như sa tanh. Cháu mà lấy được ông ta thì may lắm. Nhưng ông ta mù, cháu phải kể chuyện cho ông ta nghe.

Rồi ngay hôm ấy, Chuột chũi hàng xóm đến thăm Chuột đồng. Hấn mặc bộ áo lông đen nhánh như sa tanh. Chuột đồng nói là hấn giàu và có học. Nhà hấn rộng gấp hai mươi lần nhà các con Chuột Chũi khác. Nhưng hấn không thích nắng và hoa. Hấn luôn nói xấu ánh nắng và hoa. Chúng bảo Bé Tí hon hát. Bé hát rằng: "Bay đi! Bọ dùa bay đi". Bé hát rất hay. Giọng bé dịu dàng, Chuột chũi nghe thích lắm, nhưng hấn không nói gì.

Chuột chũi đã đào một ngách từ nhà hấn ăn thông sang nhà Chuột đồng. Hấn mời Bé Tí hon và bạn bè hấn vào đấy chơi. Trong hang có xác một con chim chết rét. Chuột chũi ngậm một mẩu gỗ mục nát có phát ra ánh sáng đi trước soi đường. Đến gần chỗ xác con chim, chuột chũi lấy mõm húc lên trần cho thủng một lỗ, để cho ánh sáng lọt vào.

Nhờ có ánh sáng họ trông thấy con chim én nằm giữa hang, hai cánh gập lại, lông che kín đầu, chân co quắp. Rõ ràng là chim đã chết rét! Thật tội nghiệp! Bé Tí hon thương chim lắm. Nó đã hót cho Bé nghe suốt cả mùa hè. Nhưng chuột chũi lại lấy chân đẩy chim én và nói:

- Nó không hót được nữa! Buồn thay cho số phận những con chim bé nhỏ! Ngoài tiếng kêu chiêm chiêm chim chẳng biết gì nữa, rồi cứ đến mùa đông lại chết rét. Lạ trời đừng bắt các con tôi sau này hoá thành chim.

Chuột đồng hưởng ứng:

- Bác nói rất đúng! Ngoài tiếng kêu chiêm chiêm chim có biết làm gì đâu! Mùa đông tới là chết đói và chết rét.

- Bé Tí hon không nói gì; đợi lúc hai con chuột quay lưng đi, nó cúi xuống, vạch lông chim, hôn lên hai mắt nhắm nghiền của chim và nói:

- Đúng con chim này đã hát cho mình nghe suốt cả mùa hè vừa qua. Con chim xinh quá, hát thật là hay.

Ở nhà Chuột chũi ra về, suốt đêm Bé Tí hon không ngủ được. Bé vùng dậy lấy rơm tết thành một cái chăn đem đắp cho con chim chết rét. Bé còn lấy nhụy hoa đem phủ xung quanh thân chim. Bé nói:

- Vĩnh biệt chim thân yêu. Cảm ơn chim đã hát cho ta nghe suốt cả mùa hè, khi ánh nắng sưởi ấm chúng ta, cây cối xanh tươi và làm dịu mắt ta.

Bé Tí hon lấy tay ghì đầu chim vào ngực mình. Bỗng Bé thấy có vật gì động dậy dưới tay Bé. Đó là trái tim của chim. Con én chỉ mới bị công vì rét, giờ đây được sưởi ấm nó tỉnh lại.

Mùa thu én thường bay về phương nam tránh rét. Nếu có con nào lọt lại thì nó bị rét công, rơi xuống và bị tuyết vùi.

Nghĩ vậy, Bé Tí hon thương con chim, lấy thêm nhụy hoa rắc lên mình, lấy lá bạc hà Bé thường dùng làm chăn đắp phủ lên đầu chim.

Đêm hôm sau Bé Tí hon trở lại thăm chim, thấy chim vẫn sống, nhưng yếu lắm, chỉ mở mắt một tí nhìn Bé rồi lại nhắm nghiền. Bé đứng cạnh chim, cầm một mẩu gỗ mục thay đèn. Một lúc chim cất tiếng nói:

- Cảm ơn cô bé lắm! Cảm ơn cô bé thân yêu! Toi thấy trong người đã nóng lên, đã lại sức. Tôi sẽ có thể bay về nơi ấm nắng cùng với bè bạn.

Bé Tí hon đáp:

- Chớ! Bên ngoài đầy băng tuyết còn lạnh lắm. Chim cứ ở lại đây, nằm cái giường bé nhỏ này. Tôi sẽ chăm sóc cho chim rất chu đáo.

Bé lấy một cánh hoa múc nước đem lại cho chim én. Uống nước xong, chim én kể hco Bé nghe chuyện chim bị thương ở cánh khi bay từ trong một bụi gai ra, vì vậy không kịp bay theo đàn và rơi xuống đất. Chim chỉ nhớ được có thể và không biết sau đây thế nào, bây giờ đang ở đâu.

Chim én ở lại trong hang suốt mùa đông và được Bé Tí hon hết lòng chăm sóc. Nó rất yêu quý Bé. Chuột đồng và Chuột chũi không biết tý gì. Nếu biết chúng đã đuổi chim đi.

Mùa xuân đã đến. Những tia nắng đầu tiên xuất hiện. Chim én hỏi Bé Tí hon có muốn đi theo không. Chim sẽ cõng Bé trên lưng đưa về rừng. Nhưng Bé Tí hon lắc đầu nói:

Tôi không muốn làm như thế. Làm thế là phụ ơn chuột đồng.

- Thế thì từ biệt bạn thân yêu.

Chim én nói rồi bay vút lên không, giữa bầu trời chan hoà ánh nắng. Bé Tí hon buồn rầu nhìn theo, Bé cũng rất mến chim, chim đi rồi Bé buồn. Suốt ngày Bé phải ở trong nhà, không ra ngoài nắng được ấm được, vì lúa ngoài đồng mọc lên cao. Đối với Bé, thửa ruộng lúa ấy rậm rạp như một cánh rừng.

Một hôm Chuột đồng bảo bé:

- Mùa hạ chỉ còn thời gian nữa, lễ cưới sắp đến nơi rồi, ông nọ láng giềng đã đem lễ sang dạm hỏi. Cần phải sửa soạn quần áo mới cho cháu. Ta sẽ cho cháu nhiều của hồi môn để cháu đem về nhà chồng.

Rồi chuột đồng bảo Bé ngồi quay sợi. Cả bốn con nhện dệt đêm ngày. Chiều nào Chuột chũi cũng sang chơi và nói rằng hễ qua mùa hè, trời bớt nóng, là hẳn cưới Bé Tí ngay.

Nhưng Bé Tí hon không ưa chuột chũi. Nó không muốn lấy lão ta, muốn đi khỏi nơi đây. Sáng sáng, lúc bình minh, và chiều chiều lúc mặt trời sắp lặn. Khi gió thổi các bông lúa rạp xuống, hé cho Bé nhìn thấy bầu trời xanh biếc, bé lại mơ ước cuộc sống bên ngoài, mong Chim én bay trở lại.

Khi thu sang, quần áo cưới đã chuẩn bị xong, chuột đồng bảo Bé:

- Bốn tuần nữa thì làm lễ cưới.

Bé Tí oà lên khóc, nói rằng không thích chuột chũi.

Chuột đồng mắng:

- Đừng có õng ẹo! Tao gả mày vào nơi danh giá thế còn gì! Đến ngay Hoàng đế cũng chả còn bộ áo xa tanh đen bóng như nó. Mày phải cảm ơn Trời phật mới đúng chứ!

Đến ngày cưới, Chuột chũi tới để đem Bé Tí hon đi. Bé phải xuống dưới hang với chuột chũi, xa ánh nắng, vì chuột chũi ghét ánh sáng. ở nhà chuột đồng ít ra Bé cũng còn có thể đứng ở cửa hang ngắm mặt trời mọc.

- Mặt trời nóng ấm ời! Vĩnh biệt! Bé vừa nói vừa giơ tay lên. Rồi Bé tí hon rời nhà chuột đồng.

- Vĩnh biệt! Vĩnh biệt! - Bé vòng tay ôm một bông hoa nhỏ - Nếu hoa có thấy chim én cho ta gửi lời chào.

- Chiêm chiếp! Chiêm chiếp!

Vừa lúc ấy, Bé Tí hon nghe có tiếng chim hót trên đầu. Bé nhìn lên. Đúng là chim én!

Chim én nhìn thấy Bé mừng quá! Bé kể cho chim nghe nỗi buồn phải lấy chuột chũi, phải xuống ở hang sâu, phải xa mặt trời. Chim én nói:

- Mùa đông sắp đến rồi, tôi sắp quay về xứ nóng. Bé có muốn cùng đi với tôi thì trèo lên lưng tôi, lấy dây lưng buộc người vào mình tôi. Chúng ta trốn xa chuột chũi và chỗ ở ghê tởm của nó. Chúng ta sẽ đi thật xa, qua núi non đến những xứ nóng, ở đây có ánh nắng chan hoà, suốt năm lúc nào cũng như mùa hạ, hoa lá cỏ cây xanh tươi đẹp đẽ. Trốn đi với tôi, Bé Tí hon thân yêu, người đã cứu sống tôi lúc tôi đã nằm cứng đờ dưới hang sâu nhà chuột chũi.

- Vậy thì chúng ta đi thôi!

Bé Tí hon đáp và trèo lên lưng chim én, lấy thắt lưng buộc mình vào lông chim.

Chim én vút lên không trung, bay qua hết rừng này đến biển nọ, bay qua những ngọn núi tuyết phủ quanh năm. Bé Tí rét run chúi vào bộ lông dày của chim én, chỉ lộ đầu ra nhìn tất cả những cảnh huy hoàng dọc đường.

Rồi đôi bạn tới vùng xứ nóng. ở đây nắng chói lọi, trời lồng lộng cao. Trên cành cây đung đưa những chùm nho mọng quả đen đẹp, những cam chanh chín chít. Có những đứa trẻ xinh đẹp chơi đùa trên đường cái.

Chim én vẫn bay xa mãi, phong cảnh mỗi lúc một đẹp hơn. Cuối cùng chim én đưa Bé Tí hon đến một nơi, dưới bóng cây xanh, gần một dải hồ nước xanh biếc, sừng sững một toà lâu đài cổ bằng cẩm thạch trắng. Nho và cây ăn trái xung quanh leo kín các cột. Chim én làm tổ trên một cái cột ấy. Chim nói với Bé Tí hon:

- Nhà tôi đấy! Bé có thấy cỏ mọc ở dưới không. Tôi sẽ đặt bé xuống giữa đám cỏ, sống ở đấy, Bé sẽ thấy sung sướng.

- Vâng! - Bé Tí hon vỗ tay trả lời.

Ở đấy có một cái cột bằng cẩm thạch trắng vỡ làm ba mảnh, chung quanh mọc đầy hoa trắng rất đẹp. Chim én đặt Bé Tí hon xuống đấy trên một chiếc lá to. Bé bỗng ngạc nhiên khi thấy ở đây có một chàng trai bé nhỏ trong như thủy tinh. Chàng không to lớn gì hơn Bé Tí hon. Trong mỗi bông hoa đều có một người bé nhỏ như thế. Chàng trai trong bông hoa cúc trắng là vua của họ.

- Bé Tí hon thì thầm với chim én

- Trời! anh chàng đẹp trai quá!

Hoàng tử tí hon rất sợ chim én, vì đối với chàng bé nhỏ và mảnh khảnh thì chim én quả là một con chim khổng lồ.

Vừa nhìn thấy Bé Tí hon, Hoàng tử mê say ngay. Chưa bao giờ chàng trông thấy một người con gái xinh đẹp như thế! Chàng nhắc chiếc mũ miện đang đội đặt lên đầu cô bé Tí hon ngỡ ý muốn lấy bé. Lấy chàng, Bé sẽ trở thành nữ chúa của các loài hoa.

Thật là đẹp đôi, chẳng như thằng Cóc con và lão chuột chũi! Bé Tí hon bằng lòng. Từ mỗi bông hoa bước ra một nam, một nữ, quần áo sang trọng. Đôi nào cũng xinh đẹp, nhưng xinh đẹp nhất vẫn là đôi vợ chồng mới cưới. Người ta lấp cánh vào cho Bé Tí hon; Bé có thể bay từ bông hoa này sang bông hoa khác. Khắp nơi đều vui mừng. Trên ngọn cột đá cẩm thạch, chim én ríng sức hót mừng đôi tân hôn, tuy rằng chim rất buồn và nhớ cô bé.

Hoàng tử bảo Bé:

- Cái tên Bé Tí hon xấu lắm mà em thì lại rất đẹp. Từ nay tên em sẽ là là Tiểu Ngọc.

Tạm biệt! Tạm biệt! Chim én hót chào để rời xứ nóng, trở về phương Bắc.

Con chim én ấy làm tổ ở cạnh cửa sổ nhà người kể chuyện này. Nó dùng tiếng nói "chiêm chiếp!" mà kể chuyện trên đây cho ông ta nghe và nhờ đó chúng ta biết thêm được một chuyện.

Con chim họa mi

Ở Trung Quốc, nơi mà Hoàng đế là một người Trung Quốc và tất cả quần thần cũng là người Trung Quốc, các bạn hẳn cũng biết điều đó, đã có một câu chuyện.

Câu chuyện này xảy ra lâu lắm rồi, nhưng chính vì thế mà phải kể lại để người ta khỏi quên đi.

Cung điện của Hoàng đế đẹp nhất trần gian, làm bằng một loại sứ rất quý, nhưng dễ vỡ, mỗi khi chạm đến phải thật nhẹ tay, nhẹ chân. Trong vườn Thượng uyển trồng toàn những loại hoa quý, rất kỳ lạ, những bông hoa đẹp nhất phải đeo lục lạc bằng bạc để cho du khách khi đến xem phải lưu ý. Khu vườn được chăm sóc kỳ công và trải rộng, ngay người làm vườn cũng không biết đến đâu là hết. Càng đi càng gặp nhiều điều kỳ thú, những cây cao bóng cả vươn dài, những hồ rộng mênh mông sâu thẳm. Rừng thoai thoải xuống biển,

trên làn nước xanh những con thuyền lớn có thể lướt dưới bóng cây. Nơi đây có con hoạ mi thường cất tiếng hót mê hồn. Một anh thuyền chài nghèo khổ lòng chứa chất bao nỗi lo toan dăng lưới đi qua, nghe tiếng chim hót cũng phải dừng lại nghe. Anh reo lên: "Trời ơi, Thánh thót biết bao".

Nhưng rồi mãi mê với công việc, anh ta quên chim ngay. Đêm sau đi dăng lưới qua đấy, anh lại nghe tiếng chim hót: anh lại đứng lại nghe và lại reo lên: "Trời ơi, Thánh thót biết bao"

Khách tham quan từ nhiều nước trên thế giới kéo đến hoàng thành. Họ ca ngợi hoàng cung và vườn thượng uyển; nhưng khi nghe hoạ mi hót, họ đồng thanh reo lên: Đấy mới là điều kỳ diệu". Trở về quê hương, họ thuật lại những điều mắt thấy tai nghe. Nhiều học giả đã viết thành sách ca tụng hoàng thành, hoàng cung và vườn thượng uyển; nhưng người ta ca tụng hoạ mi nhiều hơn cả, những thi sĩ nổi tiếng đã làm những bài thơ kiệt tác để ca ngợi con chim hoạ mi hót hay trong khu rừng bên bờ biển. Sách được truyền đi khắp nơi, có quyển lọt vào tay Hoàng đế. Người chăm chú đọc, nhiều lúc gật đầu tán thưởng những đoạn văn hay ca tụng hoàng thành, hoàng cung và vườn thượng uyển.

Đọc tiếp, người thấy có đoạn viết: "Nhưng con chim hoạ mi mới thật là kỳ diệu!" Hoàng đế ngạc nhiên:

- Gì thế này? Con chim hoạ mi à? Sao ta lại không biết nhỉ? Có đúng là trong giang sơn ta; hơn nữa lại ngay trong vườn của ta, lại có một con chim như thế không? Ta chưa hề nghe nói bao giờ, lạ thật! Hoàng đế truyền gọi quan thị lang là người cầm quyền cao chức trọng; mỗi khi có kẻ dưới đến trình báo hay thỉnh cầu điều gì, ngài chỉ trả lời cộc lốc: "Hớ!"

Hoàng đế phán hỏi:

- ở đây chừng như có một con chim người ta gọi là hoạ mi. Thiên hạ cho rằng con chim này là loại chim quý hiếm. Vậy sao chưa thấy ai tâu với Trẫm?"

Quan thị lang thưa:

- "Muôn tâu bệ hạ, chính hạ thần cũng chưa nghe thấy nói bao giờ và cũng chưa thấy ai đem đến tiến cử".

- Vậy ngay tối nay phải đem nó đến hát cho Trẫm nghe. Thiên hạ biết đến vật báu của Trẫm mà riêng Trẫm lại không biết! Quan Thị Lang tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, thực tình hạ thần chưa hề thấy con chim ấy, nhưng hạ thần xin đi tìm nhất định sẽ tìm được.

Nhưng tìm đâu? Quan Thị Lang đã leo lên khắp lầu son gác tía, qua khắp các cung điện và đường lối đi lại, gặp ai cũng hỏi, nhưng chẳng ai biết gì về chim hoạ mi cả.

Quan Thị Lang lại vào châu hoàng đế:

- Tâu thánh thượng - Ngài nói - Có lẽ sách đã đánh lừa độc giả, xin bệ hạ đừng tin, đây chỉ là chuyện hoang đường.

Hoàng đế phán:

- Những sách ta xem là những sách của Hoàng đế Nhật Bản gửi tặng, lẽ nào lại là chuyện bịa đặt? Trẫm muốn được nghe chim hoạ mi hát ngay tối nay. Trẫm sẽ ban thưởng cho chim nhiều ân huệ. Nếu không đưa được hoạ mi đến thì cả triều đình sẽ bị phạt giẫm lên bụng sau khi ăn cơm no.

Quan Thị Lang cúi chào Hoàng thượng ra về. Rồi ngài chạy tới chạy lui, leo lên leo xuống, khắp cả lầu son gác tía, vào khắp các phòng trong hoàng cung, sục sạo mọi ngõ ngách, một nửa triều thần cũng làm như thế, vì chẳng ai muốn chịu tội giẫm lên bụng. Rõ là một cuộc chạy đua loạn xạ để tìm một con chim cả thiên hạ biết tiếng chỉ trừ Hoàng đế và đình thần.

Cuối cùng họ vớ được một cô bé thị tì.

- Trời ơi! - Cô bé kêu lên - Con chim hoạ mi! cháu biết! Nó hát hay lắm! Chiều nào mang cơm thừa cho mẹ đang ốm, lúc về mỗi chân đứng nghỉ trong rừng, cháu cũng được nghe nó hát. Những lúc ấy cháu thấy sung sướng đến chảy nước mắt như khi được mẹ cháu ôm hôn vậy.

Quan Thị lang nói như reo:

- Cháu bé ngoan lắm! Cháu hãy đưa ta đến chỗ hoạ mi đậu, ta sẽ ban cho cháu một chức vị ở trong nhà bếp và cho phép cháu được vào xem Hoàng đế ngự thiện. Cháu cần đi ngay vì tối nay đã phải đem chim đến hát cho Hoàng đế nghe.

Cả một nửa triều đình theo con bé thị tì vào rừng nơi có hoạ mi hát. Dọc đường bỗng nghe tiếng bò rống, một thị đồng reo lên: Hoạ mi đấy! Chim gì mà lớn tiếng thế! Hình như tôi đã được nghe ở đâu rồi! Nữ tì nói:

- Không phải đâu! Bò rống đấy! Còn phải đi lâu mới tới! Lúc sau lại có tiếng ì uôm của một con ếch ương ở trong ao. Pháp tăng trong triều cũng đi theo đoàn reo lên:

- Hoạ mi đấy! Nghe sao mà thánh thót thế! Chưa bao giờ bản tăng được nghe một giọng chim hát hay như thế!

Nữ tì nói:

- Không phải đâu! Đấy là ếch ương!

Đi thêm một quãng, thị tì bảo mọi người:

- Hãy im lặng mà nghe! Nó đấy! Hoạ mi đấy - Thị tì nói và chỉ một con chim nhỏ lông xám đang đậu trên một cành cây.

Quan Thị lang ngạc nhiên:

- Hoạ mi đấy à? Ta cứ tưởng nó đẹp kia chứ? Bộ lông nó trông tầm thường quá! Hay là trước mặt đông đủ quần thần nó sợ, tái sắc đi?

Thị tì cất tiếng gọi:

- Hoạ mi ơi! Hoàng đế muốn nghe hoạ mi hát đấy.

- Rất vui lòng! - Hoạ mi trả lời.

Và cất tiếng hát thánh thót mê hồn.

Quan thị lang khen:

- Nghe trong như những tiếng nhạc bằng pha lê. Cái cổ họng nó xinh xắn cứ phập phồng. Thế mà chưa bao giờ được nghe họa mi hát cũng tiếc thật. Vào hoàng cung chắc nó sẽ được triều đình và hoàng gia nhiệt liệt hoan nghênh.

Tướng hoàng đế có mặt ở đây, họa mi hỏi:

- Tôi có phải hát lần nữa cho thánh thượng nghe không?

Quan thị lang nói:

- Họa mi ơi! Người hãy theo chúng ta về cung hát cho Hoàng đế mê say.

- Giọng hát của tôi ở chốn rừng này, dưới vòm cây này, mới là hay nhất.

Họa mi nói thế, nhưng khi biết Hoàng đế muốn nó đến hát tại hoàng cung, nó cũng vui lòng đi theo.

Ở hoàng cung người ta đã chuẩn bị tiếp thật long trọng. Hàng ngàn cây đèn bằng vàng sáng chói trên sân rồng và trên các bệ bằng sứ. Hàng hiên rực rỡ những chậu hoa hiếm thấy, chuông bạc ngân vang mỗi khi gió thoảng nhẹ.

Chính giữa đại diện, nơi Hoàng đế ngự có để sẵn một cành cây bằng vàng cho chim đèn đậu. Văn võ bá quan tề tựu đông đủ; cả cô thị tì mới được phong chức đầu bếp, cũng được phép đến nấp nghe sau cánh cửa. Các quan đều mặc phẩm phục, chăm chú chiêm ngưỡng con chim màu xám đang líu lo trên cành vàng. Họa mi hát hay đến nỗi Hoàng đế xúc động, sụt sùi, nước mắt giàn giụa. Người rất hài lòng, truyền đeo chiếc thẻ bà bằng vàng vào cổ chim để thưởng công. Nhưng họa mi khước từ nói:

- Như thế này là vinh dự cho tôi lắm rồi! Được thấy những giọt nước mắt của Hoàng đế nhỏ khi nghe tôi hát là một ân huệ lớn đối với tôi.

Họa mi lại cất tiếng hát êm đềm thấm thía như để tạ ơn. Các bà phu nhân thì thảo với nhau:

- Không còn gì tuyệt bằng.

Có bà còn ngâm tí nước vào miệng, khẽ lấy giọng ro ro trong cổ bắt chước tiếng chim. Trong bụng nghĩ cứ làm như thế giọng các bà sẽ biến thành giọng hoạ mi.

Ngay cả các nữ tì, thị vị, những người khách khó tính nhất cũng nhiệt liệt ca ngợi giọng hót của hoạ mi.

Như vậy hoạ mi được cả triều đình và hoàng gia ca ngợi. Hoàng đế truyền ban cho hoạ mi một chiếc lồng sơn son treo trong cung, chim được phép ra ngoài mỗi ngày hai lần mỗi đêm một lần. Mỗi khi ra ngoài chim được mười hai quan hầu đi theo, mỗi người nâng một sợi tơ buộc vào chân chim. Kiểu du ngoạn như vậy, hoạ mi chẳng thích thú gì.

Cả kinh thành náo nức về con chim. Ai đẻ con cũng muốn đặt tên là hoạ mi, kể cả những đứa có giọng khàn khàn.

Một hôm Hoàng đế nhận được một gói gửi đến bên ngài đề hai chữ "Hoạ mi".

Hoàng đế mở gói, bụng nghĩ chắc lại là một quyển sách nói về chim Hoạ mi.

Nhưng không phải. Trong gói lại là một con hoạ mi nhân tạo, giống hệt con hoạ mi thật, mình, dất đầy kim cương, ngọc xanh ngọc đỏ. Hễ vận máy chim lại hót lên như hoạ mi thật, cái đuôi vẫy vẫy óng ánh sợi vàng sợi bạc. Cổ chim hoạ mi đeo một cái vòng, trên khắc dòng chữ:

"Tôi là hoạ mi của Hoàng đế Nhật Bản, tôi chưa sánh được với Hoạ mi của hoàng đế Trung Hoa".

Cả triều đình reo lên:

- Tuyệt quá!

Hoàng đế phong cho người mang hoạ mi giả một chức vị cao và ban thưởng.

Triều thần có người bàn cho hai con chim cùng hót, để được nghe một bản song ca của hai con chim hoạ mi tuyệt diệu. Người ta đã thử nhưng không được, vì con chim hoạ mi thật hót một

kiểu riêng của nó, còn hoạ mi giả cứ hát theo nhịp ba. Quan chương nhạc đã biện hộ cho hoạ mi máy nói rằng nó hát không sai đâu, rất đúng nhịp, tôi cũng thường dạy trên lớp như thế. Nghe quan chương nhạc nói vậy, người ta bèn cho chim giả hát một mình. Nó hát rất hay, chẳng kém gì chim thật, lại đẹp nữa, lúc nó hát cứ lóng lánh như nạm kim cương.

Nó có thể hát thông luôn một lúc ba mươi lần mà vẫn hay, người nghe không thấy chán, vẫn cứ muốn nghe nữa. Nhưng Hoàng đế truyền để chim thật hát một lúc.

Nhưng nhìn trước nhìn sau chẳng thấy chim thật. Thì ra trong lúc mọi người mải mê nghe chim giả hát thì chim thật đã bay về chốn rừng xanh.

Hoàng đế sửng sốt:

- Thế là thế nào?

Quần thần tỏ vẻ tức giận, kết tội chim vong ân bội nghĩa. Cũng có người an ủi như vậy còn là may vì còn giữ được con hay nhất. Thế là chim giả lại phải hát, có một bài mà nó cứ hát đi hát lại đến mấy chục lần.

Quan chương nhạc hết lời ca tụng chim máy, quan quả quyết nó hơn hẳn chim thật, không chỉ vì nó có bộ lông đẹp mà chính vì tài nghệ của nó.

- Muôn tâu bệ hạ - quan chương nhạc trình lên Hoàng đế - với con chim thật, chẳng ai biết được nó sẽ hát bài gì; nhưng với con chim máy thì các bài hát được sắp xếp theo một trật tự nhất định, cứ mở máy các bài sẽ lần lượt hát lên. Cứ việc tháo máy ra, xem các bánh xe sắp đặt thế nào thì hiểu được cách chuyển động của máy và cách phát ra tiếng hát.

Mọi người tán thành ý kiến của quan chương nhạc. Hoàng đế phán rằng phải để dân chúng được nghe chim máy hát, nên chủ nhật quan Chương nhạc đem chim máy cho dân chúng nghe. Dân chúng được nghe hoạ mi hát, ai cũng tấm tắc khen, sau mỗi bài mọi người lại chỉ tay lên trời, lắc đầu kêu "ồ"!

Nhưng có một anh thuyền chài nghèo, đã nhiều lần được nghe hoạ mi hát, lại nói như thế này.

- Khá hay đấy! Khá giống hoạ mi thật đấy! Nhưng nghe như còn thiếu một cái gì ấy.

Vậy là chim thật đã ra khỏi hoàng cung; chim máy được đưa lên địa vị độc tôn.

Người ta đặt nó trên một đệm gấm, bên cạnh giường ngự, xung quanh xếp đầy những bội tinh, châu báu, vàng ngọc là những thứ chim được ban thưởng. Nó được hoàng đế phong cho chức tước cao quý. Về ngôi thứ lâm triều, chim được xếp hàng đầu, bên trái, là thứ bậc cao nhất triều đình.

Quang chương nhạc viết một pho sách mười lăm chương ca tụng chim hoạ mi máy, lời lẽ uyên bác, cao siêu. Ai đọc bộ sách ấy cũng gật gù tỏ ra thông hiểu, để khỏi mang tiếng dốt nát. Sau một năm, Hoàng đế, triều thần, và cả nước đều thuộc lòng những bài do chim máy hát. Người ta có thể đồng ca với chim. Từ Hoàng đế đến chú bé ngoài phố cũng biết hát.

Rõ thật là hay!

Nhưng một hôm, chim máy đang hát cho Hoàng đế nghe thì bỗng có tiếng kêu đánh sặc trong nụng chim. Dường như có cái gì bị gãy, các bánh xe quay loạn xạ nghe xoàn xoạt, rồi chim ngừng hát. Hoàng đế truyền gọi quan ngự y đến bắt mạch chữa cho chim. Nhưng quan ngự y từ chối vì không thuộc chuyên môn của người. Triều đình phải cho gọi một thợ chữa đồng hồ đến. Anh thợ đồng hồ tháo tung cỗ máy xem xét nói rằng các bánh xe mòn nhiều, không có đồ thay; chỉ có thể lắp lại dùng tạm, mỗi năm chỉ được cho chim hát một lần. Nghe tin thần dân cả nước bàng hoàng. Tiếng chim máy hát bây giờ nghe rền rẹt, nhưng quan chương nhạc vẫn khăng khăng rằng tiếng chim máy hát vẫn du dương như trước.

Năm năm sau, nhân dân trong nước nghe một tin dữ. Hoàng đế muôn vàn kính yêu của họ lâm bệnh nặng, không cứu chữa được. Đình thần đã chọn người kế vị. Dân chúng nhón nhác đến dinh quan thị lang hỏi thăm tin tức.

Hoàng đế tái ngắt, giá lạnh trong long sàng. Văn võ bá quan tưởng người đã băng hà rồi rít, xun xoe quanh vị vua mới. Trống khi đó thị vị và nữ tì vui chơi, thoả thích chuyện gẫu và uống nước chè. Hoàng đế đáng thương đang hấp hối, người chỉ còn thoi thóp thở. Cảm thấy có vật gì đè lên ngực, người mở mắt và nhìn thấy thần chết đang cười với người. Thần chết đã lột mũ miện của người, một tay cầm xạ kích một tay cầm hoàng kỳ. Từ các nếp màn che quanh long sàng lộ ra những cái đầu lâu kỳ quái; có những cái trông gớm ghiếc, lại có những cái trông nhân từ. Đó là công đức và tội lỗi của Hoàng đế hiện về trong khi thần chết đè nặng lên trái tim người.

- Còn nhớ không? Nhà vua còn nhớ không?

Cái đầu lâu lần lượt hỏi tội nhà vua. Chúng kể ra không biết bao nhiêu là tội, khiến nhà vua toát hết cả mồ hôi và kêu lên:

- Nhưng ta đâu có biết những chuyện ấy?

Rồi ngài hò: Cử nhạc lên! Khua trống cái lên! Ta không muốn nghe những lời ma quái nữa!

Mặt ma vẫn cứ trơ trơ, còn thần chết thì vẫn lắc lư cái đầu. Hoàng đế lại thét lên:

- Cử nhạc! Cử nhạc mau! Chim vàng thân yêu! Hãy hát đi! Hát lên! Ta sẽ ban thưởng cho người vàng bạc, châu báu và chiếc bài vàng. Hát lên! Hát lên đi!

Nhưng chẳng có ai vắn máy, nên chim cứ im lìm. Còn thần chết thì vẫn giương đôi mắt thao láo, trống hốc, nhìn chăm chăm Hoàng đế.

Giữa lúc đó, từ ngoài cửa sổ nổi lên tiếng hát tuyệt vời. Chim hoạ mi bé nhỏ đã từ rừng xanh bay về đậu trên cành cây ngoài vườn. Nghe tin Hoàng đế ốm nặng, chim đã bay về mang lại cho người nguồn sinh lực bằng tiếng hát của mình.

Tiếng hát của hoạ mi vang lên, bóng ma tan dần, máu lại lưu thông trong huyết quản của nhà vua. Thần chết cũng phải lạng đi trước tiếng hát của hoạ mi, rồi lại khuyến khích:

- Cứ hát đi! Hoạ mi! Cứ hát đi!

- Được! nhưng phải trao lại kiếm vàng và mũ miện cho Hoàng đế!

Sau mỗi bài hát của chim, thần chết lại trao trả một bảo vật. Chim tiếp tục hát, ca ngợi cảnh thanh bình nơi nghĩa trang đầy hoa thơm, cỏ lạ. Thần chết không cầm nổi lòng mong muốn trở lại khu vườn của mình, đã hoá thành một đám mây trắng bay qua cửa sổ và biến mất.

Hoàng đế reo lên:

- Cảm ơn chim! Cảm ơn chim yêu quý! Ta đã nhận ra hoạ mi rồi. Ta đã vô tình để chim ra khỏi hoàng cung, vậy mà chim vẫn quay về, lại giúp ta xua đuổi tà ma, cứu ta ra khỏi tay thần chết. Ôn ấy không bao giờ ta quên.

Hoạ mi đáp:

- Nhà vua ban thưởng cho chim nhiều rồi. Những giọt nước mắt, nhà vua nhỏ lần đầu tiên nghe chim hát, chim không bao giờ quên cảnh tượng ấy. Đối với một ca sĩ, không có vàng bạc châu báu nào quý giá bằng. Bây giờ xin Hoàng đế yên nghỉ để hoạ mi hát cho người nghe cho mau bình phục.

Rồi hoạ mi lại hát, hoàng đế lại thiếp đi trong giấc ngủ hồi sinh êm đềm.

Lúc ánh bình minh chiếu qua cửa sổ rọi tới long sàng, nhà vua tỉnh giấc trong người sảng khoái vô cùng. Chung quanh chẳng có ai đến hầu, vì họ yên trí vô nhà vua đã băng hà. Duy chỉ có hoạ mi vẫn một mình liú lo bên cạnh Hoàng đế.

Hoàng đế bảo chim:

- Từ nay hoạ mi luôn ở bên ta để hát cho ta nghe, còn con chi giả ta sẽ đập tan thành trăm mảnh.

Hoạ mi vội can:

- Xin nhà vua đừng làm như vậy. Chim máy đã làm hết sức của nó, nên giữ nó lại. Còn tôi, tôi không quen sống trong hoàng cung. Xin nhà vua cho phép tôi về rừng, chiều chiều tôi sẽ bay lại đây, đậu

trên cành cây, trước cửa sổ này để hót cho nhà vua nghe. Chim sẽ hót lên cuộc đời của những kẻ sung sướng nhưng cuộc đời cũng như cuộc đời của những người đau khổ. Chim sẽ hót lên những điều tốt cũng như những điều xấu người ta chung quanh nhà vua. Tiếng hót của hoạ mi bé nhỏ này sẽ lọt tới những người dân chài nghèo khổ, của những nông dân bần hàn, đến tận những nơi xa hoàng đế và triều đình. Hoạ mi kính trọng tấm lòng nhà vua hơn cả ngai vàng, mặc dầu ngai vàng là biểu hiện thiêng liêng.

Chim sẽ đến, sẽ hót, nhưng chỉ xin nhà vua một điều

- Chim muốn xin gì trăm cũng ban - nhà vua nói và đứng dậy ghi chặt thanh kiếm nạm ngọc quý vào ngực.

- Chim chỉ xin bệ hạ một điều là đừng nói cho bất cứ ai biết rằng bệ hạ có một con chim nhỏ đã tâu lên cho bệ hạ biết tất cả mọi điều. Như thế mọi việc sẽ êm đẹp.

Nói rồi chim cất cánh bay đi.

Lúc ấy triều thần bước vào. Họ yên trí hoàng đế đã băng hà. Nhưng mọi người sững sốt thấy nhà vua đứng dậy quay về phía họ mà phán rằng:

- Chào các người!

Đôi giày đỏ

Karen là một cô gái nhỏ rất xinh xắn và rất ngoan. Mẹ cô nghèo nên cô chẳng có giày dép gì, mùa hè đi chân đất, mùa đông đi guốc gỗ, chân không chịu được rét, đỏ ửng lên.

Trong làng có một bà thợ giày già. Thương cô bé, bà nhặt những mẩu da đỏ chấy vá cho cô bé một đôi giày. Đôi giày ấy chẳng lấy gì làm đẹp lắm vì bà lão phúc hậu ấy mắt đã kém, tay lại run, nhưng bà lão đã tặng vật ấy cho Karen với tấm lòng trù mến. Cô bé thích quá.

Ngay ngày hôm ấy mẹ cô qua đời. Đúng ra, nhà có tang không được đi giày đỏ. Nhưng vì không có đôi giày nào khác nên cô bé đành phải đi giày đỏ vậy. Cô bé vừa đi vừa khóc rũ rượi. Chợt có một cỗ xe ngựa lớn và cũ đi qua, trên có một bà quý phái già. Trông thấy cô bé mồ côi đang nức nở, bà động lòng thương, nói với cụ đạo hỏi xin cô bé. Bà nói:

- Cụ cho tôi xin cô bé này, tôi sẽ đem về nuôi nấng và chăm sóc cẩn thận.

Lúc đầu Karen cứ tưởng bà già lưu ý đến em vì em có đôi giày đẹp, nhưng bà lại bảo đôi giày xấu lắm phải vứt đi. Rồi bà cho em ăn mặc đẹp đẽ sạch sẽ, lại cho em học viết, học đọc, học may vá. Mọi người khen em đẹp và ngoan. Nhìn vào gương, gương cũng bảo em đẹp và ngoan.

Một hôm nhà vua, hoàng hậu và công chúa ngự giá đến thành phố gần đấy. Nhân dân nô nức kéo nhau đến chiêm ngưỡng long nhan. Cô bé Karen cũng theo người lớn đến xem. Cô trông thấy công chúa bận toàn xatanh trắng đứng trên bao lơn để cho mọi người dân trông thấy. Dưới chân công chúa đi đôi giày da dê màu đỏ rất đẹp, khác hẳn đôi giày bà cụ thợ giày nghèo phúc hậu đã tặng Karen. Đến ngày Karen chịu lễ thêm sức, bà quý phái may cho cô quần áo đẹp và dẫn cô đến nhà người thợ giày giỏi nhất thành phố thuê đóng cho cô một đôi giày. Đến nơi, Karen chìa đôi chân bé nhỏ cho bác thợ giày đo. Cô nhìn chung quanh thấy trong tủ có một đôi giày đỏ cũng đẹp như đôi giày công chúa đi hôm trước. Karen reo lên: Đôi giày mới đẹp làm sao! Cháu thích đôi giày ấy lắm! Bác cho cháu đi thử nếu vừa thì bán cho cháu. Bác thợ giày đưa cho bé thử và nói:

- Đôi giày này là của con gái vị bá tước đặt, nhưng nhỏ quá đi chật không vừa nên tôi còn để đây.

- Giày bằng da dê phải không, bà quý phái nói, trông bóng bẩy và đẹp quá!

- Thưa vâng, bằng da dê đấy ạ.

Đôi giày Karen đi rất vừa nên bà quý phái mua ngay cho em. Nhưng bà không biết là màu đỏ, vì bà kém mắt; nếu biết màu đỏ, bà đã không để cho Karen đi vào ngày chịu lễ thêm sức.

Thấy Karen đi giày đỏ vào nhà thờ mọi người lắc đầu. Khi đi qua ngưỡng cửa tất cả các bức tranh treo trên tường chăm chăm nhìn cô. Karen không những không ngượng mà còn hãnh diện. Cụ đạo nhắc nhở Karen về bốn phận của cô gái đến tuổi biết suy nghĩ và bước vào hàng ngũ con chiên. Đại phong cầm vang lên điệu nhạc thánh ca. Dân hợp xướng nhi đồng cũng nổi lên bài hát cầu ngắm nghĩa đôi giày đỏ đẹp như giày của công chúa.

Chiều hôm ấy nghe mọi người xì xào bà quý phái mới biết. Bà bảo cô bé:

- Vào nhà thờ dự lễ, lại đi giày đỏ như thế là ngạo nghễ. Từ nay đã bước chân đến nhà thờ phải đi giày đen, dù cũ dù rách cũng phải đi.

Chủ nhật sau Karen phải đi chịu lễ ban thánh thể. Nhớ lời bà quý phái dặn, Karen đã đi giày đen vào. Nhưng nhìn đi nhìn lại đôi giày đỏ, thấy đẹp hơn, cô bé lại tháo giày đen ra, đi giày đỏ.

Hôm ấy trời đẹp. Muốn tận hưởng ánh nắng ấm áp, bà cụ quý phái dẫn Karen đi qua các con đường nhỏ rồi mới ra đường cái để đến nhà thờ. Họ phải đi qua con đường đầy bụi. Một ông cụ già thương binh chống gậy thấy hai người đi đến. Ông cụ xin bà già quý phái cho đánh giày. Bà già đồng ý, Karen chìa đôi giày nhỏ nhắn cho ông cụ chải bụi.

- Chà đôi giày khiêu vũ đẹp quá! Khi khiêu vũ cô phải cho giày bám chặt vào chân kéo rơi.

Bà quý phái cho ông lão tàn tật một đồng bạc rồi cùng Karen bước vào nhà thờ. Cả cử tọa trợn to mắt nhìn đôi giày đỏ. Các bức chân dung treo trên tường cũng dán mắt vào đôi giày. Còn Karen thì cứ mãi nhìn đôi giày quên cả cầu nguyện khi chịu ban lễ thánh thể, cô lơ đãng chỉ nghĩ đến đôi giày đỏ dưới chân. Cô cứ tưởng chung quanh người ta ghen tị với cô vì đôi giày đỏ.

Ở nhà thờ ra, bà quý phái lên chiếc xe đã chờ sẵn ngoài cửa. Karen cũng bước lên theo.

Ông già tàn tật lúc này vẫn đang còn đấy. Trông thấy Karen, ông lại tấm tắc.

- Đôi giày khiêu vũ đẹp thật!

Bỗng Karen thấy người như nhấc bổng lên, đôi chân nhún nhảy liên hồi, muốn ghìm không được.

Người đánh xe ôm vội lấy cô ấn vào xe. Vào xe rồi cô bé vẫn nhảy, đã cả vào bà già quý phái. Nhưng rồi xe cũng về đến nhà. Chị hầu phòng phải bế vội cô bé vào, tháo ngay đôi giày quái gở ra, không thì còn nhảy nhót mãi. Bấy giờ ai chân Karen mới được nghỉ ngơi. Đôi giày được bỏ vào tủ, khoá chặt lại. Mỗi ngày Karen đến ngắm nghĩa hàng chục lần.

Được ít lâu bà già quý phái ốm, cần có người ở bên trong nom chăm sóc. Đây là nhiệm vụ của Karen. Cũng vào hôm ấy cô lại nhận được giấy mời đi dạ hội. Cô đã nghĩ mình phải ở nhà để chăm sóc ân nhân. Nhưng rồi cô lại nghĩ bà già chẳng còn sống được bao lâu, chăm sóc có ích gì! Thế là Karen mở tủ lấy giày, đôi giày đỏ vẫn cất đấy từ lâu. Sỏ chân vào giày cô nghĩ đi dạ hội mang giày này có sai sót gì.

Thế là cô ra đi. Nhưng vừa bước chân ra khỏi cửa hai chân đã lại nhảy nhót, hết đập vào nhau, lại nhảy sang phải, rồi nhảy sang trái. Thấy cô xinh đẹp, nhảy khéo, người đi đường dừng cả lại xem. Suốt dọc đường từ nhà nơi đến dạ hội, Karen cứ nhảy nhót như thế đến nỗi mệt lử không còn lê vào hội trường được nữa. Cô phó mặc cho đôi giày đưa khắp nơi qua các phố, rồi ra ngoại thành đến các khu rừng xa. Đến đây cô bé lại nhìn thấy ông lão tàn tật. Ông lão nói:

- Chào cô em xinh đẹp. Cô có đôi giày khiêu vũ khéo quá.

Đến lúc này Karen mới nhận ra lão già tàn tật là một tên phù thủy. Lão đến không phải xin đánh giày để kiếm tiền mà để phù phép. Cô bé phát hoảng lên, muốn trút bỏ đôi giày, nhưng không sao lôi ra được. Đôi giày cứ dính chặt vào chân và bắt cô bé phải cử động liên hồi, không sao ngồi xuống được.

Cô bé cứ nhảy nhót như thế, băng qua đồng cỏ, ruộng nương, rừng núi, chẳng được nghỉ ngơi lấy một giây, chẳng kịp lấy lại hơi thở. Hết ngày nọ qua ngày kia cô bé không ngớt quay cuồng cả dưới ánh nắng như lửa đốt, cả trong giá lạnh và mưa rào.

Cô bị cuốn vào một nghĩa địa, cố bám lấy một ngôi mộ, nhưng lại bị bật ra ngay, không sao níu được. Cô lại bị lôi đến một nhà thờ, cô muốn ẩn vào thánh thất cầu xin thương để xá cho tội đã ngạo mạn người. Nhưng một vị tiên cánh dài chấm đất, thái độ nghiêm khắc, vung thanh gươm sáng loáng bảo cô:

- Con cứ nhảy đi, nhảy mãi với đôi giày đỏ mà con quý hơn mọi cái, nhảy cho đến lúc chỉ còn da bọc xương, cho đến thân tàn ma dại. Khi nào qua nhà những đứa trẻ hay sĩ diện và tự phụ, con hãy gõ cửa gọi chúng ra xem để chúng biết tính kiêu ngạo thiệt hại như thế nào. Nhảy đi! Nhảy mãi đi!

- Xin tha tội! Xin tha tội cho tôi.

Karen kêu van nhưng đôi chân đã kéo cô đi xa không nghe thấy tiếng trả lời của vị tiên nữa.

Hôm sau cô bé đến một ngôi nhà trông quen thuộc. Một đám người mặc đồ tang đưa từ trong ra một cỗ quan tài trên trái đầy hoa. Đó là đám ma bà già quý phái, ân nhân của Karen. Karen đã bỏ mặc bà ở nhà để đi khiêu vũ. Karen cảm thấy có tội.

Đôi giày vẫn tiếp tục lôi cô bé đi qua núi non, rừng rậm, gai góc cào rách cả mặt, xước cả chân tay. Rồi cô đến trước cửa một nhà mà cô biết là đao phủ. Cô đập cửa gọi:

- Ông ơi! ông ra đây! Cháu van ông! Cháu không vào được. Đôi giày cứ bắt chân cháu quay cuồng liên tục, không sao ngừng được.

- Gọi ra làm gì? Cô biết ta là ai không? Ta là người chặt đầu những kẻ gian ác. Búa tạ đang reo lên đây hẳn là sắp có việc.

- Vâng! Karen nói - Nhưng xin ông đừng chặt đầu tôi, để tôi còn sám hối; ông chặt chân tôi thôi.

Nói thế rồi cô bé thu hết tội lỗi đã ngạo mạn. Đao phủ túm chặt cô chặt một nhát đứt phăng hai chân.

Hai chân vẫn tiếp tục quay cuồng mang theo đôi giày đỏ, biến thẳng vào rừng, sau đấy cô bé đi đến nhà thờ để mọi người thấy rằng cô đã được xá tội.

Nhưng vừa tới nhà thờ, cô đã thấy đôi chân đi giày đỏ của cô đã lại đang nhảy múa ở đấy rồi. Cô bé ù té chạy.

Cô lang thang khắp chốn, sống nhờ của bố thí. Cô buồn phiền, nước mắt tuôn rơi như suối.

Cô bé rời nhà thờ đến nhà ông mục sư xin ông được làm người giúp việc, xin nhận mọi công việc có thể làm được, miễn là ít phải đi lại và không hỏi công xá gì, chỉ cần có chỗ dung thân mà thôi. Bà vợ ông mục sư thương tình giữ cô lại. Karen đã tỏ ra quyết tâm tiến bộ và chăm chỉ làm việc. Cô trở nên trầm tĩnh, lặng lẽ. Buổi tối khi ông mục sư đọc kinh, cô chú ý lắng nghe. Các em nhỏ rất quý cô, nhưng hề thấy chúng khoe khoang với nhau, đứa nào xinh, đứa kia có quần áo đẹp là cô khuyên nhủ bảo rằng đó là những thói xấu cần phải tránh.

Đến một ngày lễ, mọi người đến nhà thờ dự lễ. Cô không đi được, thấy buồn, khóc thút thít. Cô leo lên gian phòng nhỏ của mình quỳ xuống đọc kinh. Giữa lúc đang tĩnh tâm cầu nguyện, tiếng đại phong cầm vọng đến. Cô ngược mắt nhìn lên trời cầu khẩn: "Xin thượng đế hãy cứu vớt con".

Bỗng quanh mình cô ánh hào quang rực sáng. Trước mặt cô hiện ra một tiên cô đã trông thấy ở nhà thờ hôm trước. Những lúc này vị tiên không cầm gương mà cầm một bông hồng rực rỡ. Người đẩy bông hồng lên trần nhà, tức thì các bức tường mở ra, Karen được đưa vào giữa nhà thờ. Tiếng đại phong cầm vang lên, khi bài hát chấm dứt, ông mục sư nhìn thấy cô và bảo:

- Con đã đến đấy à? Tốt lắm!

Cô bé đáp:

- Thượng đế xá tội cho con rồi!

Tiếng đại phong cầm lại vang lên. Các em nhỏ cất tiếng hát bài cầu nguyện. Một tia nắng rực rỡ xuyên qua cửa kính, rọi vào Karen.

Tim cô tràn đầy sung sướng, hồn cô lao theo tia nắng lên thiên đường.

Đôi giày hạnh phúc

Trong một ngôi nhà, cạnh Hoàng trường mới, phố Đông, thành Copenhagen, chủ nhà đang tiếp khách. Khác hôm ấy rất đông, chủ nhà vốn là hiếu khách, hơn nữa là để được mời lại.

Khách khứa người thì tập trung vào bàn thờ, người thì xúm nhau trò chuyện. Xen vào nhiều chuyện khác, họ bàn đến thời Trung Cổ. Hầu hết cho rằng thời ấy không hơn thời nay, chỉ riêng ngài hội thẩm Knap và thêm bà chủ nhà kiên quyết phản đối ý kiến ấy. Hai ngài cho rằng từ trước tới nay, thời vua Hanx là thời đại huy hoàng nhất, hạnh phúc nhất.

Lúc này ngoài phòng đợi, đầy áo choàng, gậy chống, ô, giày, có hai người hầu gái, một già một trẻ. Nhưng khách đã nhầm, hai bà không phải là người hầu phòng. Hai bà là hai nàng tiên. Cứ nhìn họ mà xem: bàn tay thanh tú, dáng ngồi, điệu đi lịch sự. Quần áo của họ cũng khác thường, đầy vẻ tao nhã.

Nàng tiên trẻ là thị tỳ của người hầu phòng của Thần may rủi, còn bà tiên già là Thần trừng phạt. Nàng tiên trẻ có nhiệm vụ đi phát của Thần may rủi. Bà tiên Thần trừng phạt có nét mặt nghiêm khắc đi kiểm soát kết quả của công việc.

Hai bà đang kể cho nhau nghe những công việc đã làm hôm ấy. Nàng tiên thị tỳ nói mới làm được mấy việc lật vật: giữ cho chiếc mũ khỏi bị ướt mưa, chuyển cho người tài lời chào mừng của một kẻ vô lại nổi tiếng và mấy việc nữa cũng đại loại như thế. Nhưng nàng còn phải làm một việc nữa, một việc dị thường là đem đôi giày làm quà cho người lớn dưới trần. Đôi giày có phép lạ hễ ai xỏ chân vào nhà thì muốn đi đến đâu hoặc muốn sống lại thời đại nào cũng được ngay tức khắc. Thật là sướng! Nàng kết luận.

- Chưa chắc đâu! Bà tiên già, không khéo lại khở gần cửa ra vào, ai nhặt được thì nhặt.

Đêm đã khuya, chuyện đã vãn, ngài thẩm phán ra về. Ra đến cửa, đầu óc còn đang mãi nghĩ về thời đại vua Hanx, ngài thẩm phán xỏ nhầm vào đôi giày người thì tỳ vừa đặt. Đường về nhà ngài qua phố Đông, ngài bước về phía ấy, nhưng phép lạ của đôi giày lại đưa ngài quay trở lại thời vua Hanx, chân ngài lộn vào bùn và qua các vũng nước, vì thời ấy các đường phố chưa đổ nhựa, hè phố chưa lát bê tông như bây giờ. Ngài vừa đi vừa ca thầm:

- Bùn khiếp thật! Hè phố chẳng còn, đèn cũng tắt ngấm. Trăng chưa mọc, sương mù nhiều, mọi vật chìm trong đêm tối. ở một góc đường gần đấy có treo một ngọn đèn hắt ánh sáng xuống pho tượng đức mẹ nhưng ánh sáng mờ quá phải đến tận nơi mới nhìn rõ, trông thấy đức mẹ đang bế Hải đồng trên tay. Ngài nghĩ thầm:

- Có lẽ đây là một cửa hàng mỹ phẩm mà người ta quên cất mẫu quảng cáo.

Vừa lúc ấy có hai người mặc quần áo thời cổ vượt lên trước ngài thẩm phán nói:

- Họ ăn mặc lạ nhỉ. Có lẽ họ vừa đi dự buổi khiêu vũ trá hình về.

Có tiếng trống và tiếng sáo nổi lên, ngài đứng lại thấy một đám rước diễu qua. Đi đầu là trống rồi đến thị vệ cầm cung tên và binh khí. Người chỉ huy đám rước là một nhà tu hành. Ngạc nhiên với cảnh lạ, ngài lẩm bẩm: "sao lại thế nhỉ? Người ấy là ai?" Có tiếng trả lời:

- Đấy là Đức giám mục Xilen.

- Sao đức giám mục lại thế? Có lẽ không phải đâu, các ngài nhầm đấy.

Mãi suy nghĩ, chẳng nhìn đường, ngài hội thẩm đi qua phố Đông và quảng trường Cầu lớn. Không sao tìm được cái cầu bắc sang quảng trường Cung điện, ngài chỉ thoáng nhìn thấy một con sông

rộng và gặp hai người đang ngồi trên một chiếc thuyền. Họ hỏi: "Ngài có muốn qua sông Hô lông không?"

- Qua sông Hô lông à? Sao lại qua sông? Hỏi vợ vấn. Tôi muốn đến ngõ Crixtianhavu khu phố chợ (ngài hội thẩm quên là mình đang sống trở lại thời vua Hanx)

Thấy hai người kia ngạc nhiên nhìn ngài, ngài nói tiếp:

- Các ông chỉ dùm cho tôi lối lên cầu. Chẳng có đèn đuốc gì cả, tối đen như mực, lội bì bà bì bõm như đi trong ruộng lầy vậy. Bùn ơi là bùn!

Ngài càng nói chuyện với hai người thuỷ thủ lại càng ngạc nhiên, chẳng hiểu họ nói gì. Ngài vùng vằng:

- Chẳng thể nào hiểu được tiếng địa phương của các bác! Ngài bực tức quay phắt đi. Ngài không thể nào tìm ra được cái cầu, ngay cả lan can dọc bờ sông cũng chẳng có. Ngài lảm bảm:

- Loạn thật!

Ngài chưa bao giờ thấy thời đại của ngài đang sống lại thảm hại đến thế. Ngài nghĩ bụng:

- Có lẽ phải gọi một cái xe mà đi mới được.

Nhưng tìm đâu ra xe? tRông mỗi mắt cũng chẳng có cái nào. Ngài tự nhủ:

- Phải quay về Hoàng trường mới mà kiếm cái xe chứ không thì chẳng đến được Crixtianhavu được.

Ngài thẩm phán quay trở lại phố Đông; đi gần đến phố thì trắng lên. Trông thấy cổng thành phía Đông, ngài kêu lên:

- Trời ơi! Người ta dựng cái đài này ở đây để làm gì kia chứ? Cuối cùng ngài thẩm phán cũng tìm ra được cỗ xe ngựa và ra đến quảng trường mới hiện nay. Thời xưa chỗ nàyy là một bãi trống chỉ có cỏ mọc và một vài bụi cây; có một con sông đào chảy qua, đổ ra biển. Bờ bên kia có một vài túp lều gỗ tồi tàn của những thuỷ thủ xóm Halăng (vì vậy nơi ấy nay đặt tên là mũi Halăng). Ngài thẩm phán nghĩ bụng: ma quỷ ám mình hay mình say rượu thế

này? Sao lại lung tung chẳng còn hiểu thế nào nữa! Có khi mình ốm rồi!

Ngày quay lại. Vào đến trong phố, ngài nhìn thấy rõ nhà cửa hơn, đã số vách thủng bằng thanh, mái lợp rạ.

Ngài lẩm bẩm:

- Sao người khó chịu quá! Mình chỉ uống có một cốc rượu pha đường thôi thì sao thấy khó chịu thế? Lại cho mình rượu pha đường với hồi nóng nữa chứ. Thật là điên! Các bà vợ quan nội thần này ác thật! Hay là mình quay lại để cho họ biết họ làm ăn linh tinh. Nhưng chắc gì họ còn thức? Mà như vậy cũng dở lắm.

Ngài tìm sân nhà, nhưng tìm không ra. Ngài lẩm bẩm:

- Không sao nhận ra phố Đông nữa. Chẳng còn cái nửa hiệu nào! Chỉ thấy trên những túp lều cũ kỹ tồi tàn như ở Rôtxôkin hay ở Rinhxtet. Mình ốm thật rồi! Nhà quan nội thần đâu rồi nhỉ? Quái thật! Sai ta lại ốm thế này! Thấy một nhà có ánh sáng lọt qua khe cửa. Đây là một quán trọ thời vua Hanx, một quán rượu bia. Căn phòng giống như quán rượu ở vùng Honxtanh. Trong quán đang có một số lính thủy, mấy người thành thị và hai nhà bác học. Cả mấy người đang trò chuyện náo nhiệt, trước mặt mỗi người một cốc bia. Ngài hội thẩm mở cửa bước vào. Họ vẫn tiếp tục trò chuyện không để ý đến ngài. Bà chủ quán chạy đến. Ngài hỏi:

- Thưa bà, tôi thấy trong người khó chịu như muốn ốm. Bà có thể giúp tôi gọi họ một cái xe chở tôi về Crixitianhavu được không? Bà chủ quán ngó ra, lắc đầu trả lời bằng tiếng Đức. Ngài hội thẩm cho là bà không biết tiếng Đan Mạch, nên hỏi bà ta lần này bằng tiếng Đức. Nghe tiếng nói và cách ăn mặc của ông thẩm phán, bà chủ quán tin rằng ông là người nước ngoài. Bà ta hiểu là ông ấy ốm và mang ra cho ông một cốc nước mới hứng ở vòi ra nhưng có vị mặn. Nhấp thử, ngài lắc đầu:

Ngài ôm trán thở dài suy nghĩ về những hiện tượng kỳ lạ chung quanh mình.

Thấy bà chủ quán gấp một tờ giấy khổ rộng, ngài hỏi:

- Có phải tờ báo "Ban ngày" mới ra tối nay đấy không?

Bà ta không hiểu ngài muốn nói gì, cứ chìa cho ngài tờ giấy đang gấp. Đây là một tờ tranh khắc gỗ, vẽ một hiện tượng thiên văn như ông đã nhìn thấy ở Cólônho. Ngài nói:

- Bức tranh này cổ lắm! Bà làm thế nào mà kiếm được bức tranh hiếm có này? Quý đấy! Nhưng lời giải thích ghi trong tranh không hợp thời nữa, nó có vẻ hoang đường. Bây giờ người ta gọi hiện tượng ấy là một bắc cực quan, do điện gây ra.

Những người ngồi gần đấy thấy ngài thẩm phán nói đều lấy làm ngạc nhiên. Một người đứng dậy, cung kính nói:

- Thưa ngài, chắc hẳn ngài là một nhà bác học đại tài!

- Không đâu! Tôi chỉ mỗi thứ biết một tí, như mọi người thôi.

- Ngài khiêm tốn quá!

- Tôi biết thế thì nói như thế, các ngài biết thêm gì cho tôi được học. Ngài hội thẩm nói với người kia: "Ngài có thể cho tôi biết quý danh được không?"

- Tôi là tú tài thánh thư, người kia trả lời.

Học vị của người ấy cũng phù hợp với cách ăn. Nhưng ngài hội thẩm nghĩ thầm:

- Đây hẳn là một lão hương sự loạn óc, còn sót lại ở một nơi hẻo lánh của xứ Giuytlăng.

Người xưng là tú tài thánh thư nói thêm:

- Đây không phải là một diễn đàn, nhưng mời ngài cứ tiếp tục phát biểu. Chúng tôi rất thích được nghe, chắc là ngài am hiểu các tác gia thời xưa.

- Vâng, sách thời xưa bổ ích lắm, tôi rất thích đọc. Tôi cũng biết nhiều sách thời nay. Nhưng những "Truyện hàng ngày" thì tôi không thích vì cuộc sống thực tế cũng đã đủ lắm rồi.

- "Truyện hàng ngày" là truyện gì thưa ngài?

- Là những quyển tiểu thuyết mới viết hiện nay.

- Tôi thấy những quyển tiểu thuyết hiện nay cũng thú vị đấy chứ ạ! Đức vua cũng hay đọc. Người thích nhất cuốn "Ipven tiên sinh và Gôđiô tiên sinh" kể chuyện vua Actuýt và các hiệp sĩ bàn tròn.

- Chuyện ấy tôi chưa được đọc. Chắc là sách mới của nhà xuất bản Giêmen.

- Ông Giêmen là tác giả cuốn truyện có phải không? Cái tên ấy nghe xưa lắm nhỉ. Đúng là tên nhà xuất bản đầu tiên của nước Đan Mạch đấy.

- Đúng ạ. Nhà in đầu tiên của chúng ta là nhà in Giêmen. Câu chuyện đang vui bỗng có người nói đến trận dịch hạch xảy ra gần năm ấy nên họ cũng nhắc luôn cả chuyện quân cướp người Anh xông vào tận hải cảng cướp thuyền bè. Nghe thấy thế ngài hội thẩm lại tưởng họ nói về cuộc mưu sát năm 1801, nên những lời ngài nguyên rủa quân Anh trong vụ mưu sát ấy cũng vẫn khớp với câu chuyện.

Nhưng về sau câu chuyện trở nên chuech choạc. Cứ ông nói gà bà nói vịt, chẳng bên nào hiểu bên nào. Họ ngẩn người ra nhìn nhau. Đến khi bí quá, vị tú tài phải phát biểu bằng tiếng Latinh hy vọng với thứ tiếng ấy người ta sẽ hiểu ông. Nhưng cuối cùng thì ngài thẩm phán không hiểu ông, mà ngài thẩm phán nói gì ông cũng không hiểu.

Bà chủ kéo tay áo ngài thẩm phán hỏi:

- Bây giờ ngài thấy thế nào rồi?

Câu hỏi của bà chủ quán làm ngài sực tỉnh. Vì mãi nói chuyện, ngài đã quên tất cả những sự việc vừa xảy ra lúc trước. Rồi khi nhớ lại chuyện cũ ngài choáng người kêu lên:

- Đây là đâu thế này, các ông?

Một vị khách hô lớn:

- Cùng nhau cạn chén, các vị! Rượu mật ong pha với bia xứ Brêmơ. Xin mời ngài chạm cốc với chúng tôi.

Hai chị hầu bàn bưng khay ra, cúi chào khách rồi rót rượu.

- Rượu gì thế này? Ngài hội thẩm tự hỏi, không dám uống. Nhưng thấy người ta mời chào quá nên buộc lòng phải uống vậy. Có người bảo ngài say rượu, ngài tin vậy và nhờ thuê giúp cho một cái xe ngựa để về nhà. Nghe thấy ngài nói, người ta lại tưởng ngài nói tiếng Nga. Ngài chưa tiếp xúc với những người thô lỗ như thế bao giờ. Đất nước như lùi lại thời tà giáo. Ngài nghĩ thầm:

- Đây đúng là giờ phút kinh khủng nhất trong đời mình. Ngài bèn chui xuống gầm bàn để bò ra cửa. Ngài bò ra gần đến nơi thì có người trông thấy. Họ vội nắm cằm ngài lôi lại. Đôi giày tụt ra khỏi chân, phép lạ cũng biến mất. Ngài hội thẩm nhìn thấy trước mặt là một cột đèn đang chiếu sáng, còn phía sau là một toà nhà lớn. Bên cạnh ngôi nhà lớn là nhiều ngôi nhà khác đang đứng xếp hàng tiếp theo nó. Lúc này ngài đang ở phố Đông. Ngài vẫn còn đương bò dưới đất trước một cái cửa. Ngài trông thấy người tuần canh đang ngủ say trước mặt mình. Ngài ngồi lên, chung quanh và kêu lên:

- Quái thật! Sao mình lại nằm giữa đường mà ngủ thế này nhỉ. Giữa ngay phố Đông! Đèn ơi! Cảm ơn mày nhé! Mình chỉ uống một cốc rượu pha đường mà say như thế! Khiếp thật!

Hai phút sau ngài đã lên xe trở về Crixtinanhavu. Ngài nhớ lại những lo sợ khổ ải vừa trải qua và thầm khen cuộc sống thực tại sung sướng và hạnh phúc, thấy rõ ràng thời đại chúng ta chưa hoàn hảo lắm, nhưng đã hơn nhiều cái thời đại ngài sống lúc này.

Bác tuần canh nghe tiếng động bưng tỉnh và reo lên:

- Ở này! Đôi giày của ai thế này? Chắc là của quan trung úy trên gác này. Nhưng sao ngài lại để giày ở đây thế?

Bác tuần canh đã định bấm chuông gọi cửa đem trả lại giày cho ngài. Nhưng bác thấy như vậy các nhà bên cạnh sẽ mất ngủ nên lại thôi, để sáng mai sẽ báo cho ngài biết.

Rồi buồn tay, bác sờ thử giày vào chân, miệng khen:

”Vừa khít. Da mềm quá! Đi êm!“

Xỏ thử vào giày rồi bác ngồi nghĩ:

- Ngài trung úy vậy mà sướng! Chẳng vợ chẳng con, không bán búa gì. Tối đến lại đi tiêu khiến đến các giới giàu sang. Ước gì mình được như ngài thì sướng.

Mong được ước thấy. Do phép lạ của đôi giày, bác tuần canh vừa ước thế thì liền nhập cả hồn lẫn xác và quan trung úy. Bác thấy mình đang sống trên gác, trong căn phòng của quan trung úy, tay cầm một mảnh giấy là bản thảo một bài thơ do quan trung úy viết. Đúng là của quan trung úy. Trong đời ai mà chả có lúc hồn thơ lai láng. Lúc ấy người ta viết những ý nghĩ của mình ra giấy thế là thành thơ. Nhưng bác tuần canh không thích thơ và cũng không thích làm quan trung úy. Mới thử một tí mà bác đã thấy chán, tiếc cái nghề tuần canh của mình, nó vất vả nhưng mà thích.

Do phép lạ của đôi giày, bác đang thở dài thì từ trung úy bác lại thành tuần canh, mừng là đã từ bỏ được cái nghề mới của mình. Vậy là thân tuần canh lại trở về với phận tuần canh.

Mình vừa mơ thấy một giấc mơ kỳ cục; tự dừng lại thành ông trung úy ở trên gác, chẳng được hơn cái gì mà lại đâm ra nhớ mẹ thằng cu và mấy đứa con.

Bác ngồi xuống cái ghế vẫn ngồi canh cúi đầu suy nghĩ mông lung. Bỗng trên trời có một vì sao đổi ngôi. Bác lẩm bẩm:

- Sao đổi ngôi! Chắc là đổi sang một thế giới sung sướng hơn. Ước gì mình được đến gần vì tinh tú ấy mà xem nhỉ. Nhất là lại được đến mặt trăng thì tuyệt. Giá được đi chơi một vòng trên ấy thì nếu có chết ở bậc cửa này cũng cam.

Trên đời này có nhiều điều phải dè dặt trong lời nói. Xỏ đôi giày hạnh phúc vào lại càng phải thận trọng. Chuyện đã xảy đến với bác tuần canh như sau:

Vừa dứt lời, bác tuần canh đã vượt qua sáu vạn dặm lên tới cung trăng. Bác tuần canh sa vào một ngọn núi lửa thường thấy vẽ trên tấm bản đồ mặt trăng của nhà bác học Hat-le. Mặt trăng được cấu tạo bằng một chất nhẹ hơn trái đất của chúng ta, tựa như tuyết khi mới rơi xuống đất. Bác tuần canh thụt sâu xuống đến nửa dặm Đan Mạch. Bên dưới là một làng hoàn toàn một màu lòng trắng

trúng hoà với nước, nhưng nom rõ cả cái tháp tròn, cửa cuốn ban thờ đúng đưa trên không. Trái đất của chúng ta tựa như một ngọn đèn khổng lồ treo lơ lửng trên đầu. Trên mặt trăng có nhiều sinh vật mà trái đất ta gọi là người, nhưng họ không giống chúng ta. Họ cũng có tiếng nói linh hồn bác tuần canh nghe hiểu được.

Trên mặt trăng họ cũng có những cuộc tranh luận về trái đất chúng ta. Họ nêu giả thuyết trái đất có người sinh sống và bàn cãi. Nhiều ý kiến cho rằng không khí ở trái đất dày đặc quá, không thể sống được, chỉ có mặt trăng là có sinh vật mà thôi. Mặt trăng là tinh tú hoàn hảo nhất. Đây là nơi trú ngụ của người nhà trời thời cổ xưa. Chúng ta quay lại phố cửa Đông xem bác tuần canh bây giờ thế nào. Bác đang nằm chết ở bậc cửa, mắt bác ngược lên mặt trăng, nơi hồn bác đang du ngoạn. Một người đi đường hỏi:

- Máy giờ rồi bác?

Thấy bác không trả lời, người ta véo vào mũi bác, lấy tay vả vào mồm bác. Bác vẫn nằm sòng sọt bất tỉnh như một xác chết. Ai thấy thế cũng sợ. Họ cho là bác chết rồi, không thể cứu chữa được. Nhưng tảng sáng họ vẫn đưa bác vào nhà thương. Chúng ta tưởng tượng xem khi trở bác về trái đất hồn bác không tìm thấy xác thì bối rối biết chừng nào. Chắc hẳn hồn bác phải chạy đến sở cảnh sát, rồi đến phòng giữ đồ đạc, đánh mất và cuối cùng đến nhà thương. Hồn con người được thả lỏng thì tinh khôn lắm. Chỉ khi nhập vào xác. Hồn mới trở thành đàn độn, nhất định nó sẽ tìm được xác bác tuần canh. Khi đem bác vào nhà thương, người ta đưa bác ngay xuống nhà xác. ở đây người ta chuẩn bị để nhập quan. Trước tiên phải cởi bỏ quần áo cũ và giày dép để lau rửa cho bác rồi mặc áo quần mới. Người hộ lý vừa tụt đôi giày ở chân bác tuần canh ra bỗng bác bật dậy. Thì ra hồn bác đã quay về tìm được xác bác và nhập vào và bác sống lại. Bác tuần canh đã kể lại câu chuyện trong đêm và nói rằng đêm ấy là một đêm khủng khiếp nhất trong đời bác. Có cho bác hai đồng tiền mà bảo bác sống lại một đêm như thế, bác cũng xin chịu.

Ngày hôm ấy bác ra viện, nhưng đôi giày thì ở lại trong nhà thương.

Người dân thủ đô Copenhagơ không ai biết cách cửa vào bệnh viện Frêdêrich, nhưng tất cả các bạn đọc sách của tôi không phải ai cũng là người Copenhagơ, nên tôi muốn giới thiệu vắn tắt vài nét.

Từ ngoài phố đi vào nhà thương có một hàng rào sắt khá cao, chắn song sắt to và thưa, đủ cho trẻ con chui qua. Thông thường thì có cái đầu là khó chui nhất. Hễ đầu đi thì đuôi cũng lọt, người ta vẫn nói thế mà. Nhưng trường hợp sắp kể dưới đây có khác. Một anh y tá phụ trẻ tuổi của nhà thương hôm ấy có phiên gác đêm. Mưa rào nhưng anh ta vẫn muốn bỏ trốn đi chơi mười lăm phút. Tối trời lại mưa, chẳng ai ra ngoài lúc này, nên cậu gác chui qua lối cổng chính.

Vừa lúc ấy cậu ta trông thấy đôi giày bác tuần canh để quên. Giời mưa được đôi giày đi thì tiện quá. Cậu liền vơ lấy xỏ luôn vào chân. Rồi cậu ra phía cổng để chui qua hàng rào. Vừa đi cậu vừa lẩm nhảm như cầu nguyện: "Lạy giời, sao cho đầu tôi lọt qua được!" Nhờ phép lạ của đôi giày, cái đầu to tướng của cậu chui qua một cách dễ dàng. Giờ đến lượt cái mình. cậu cứ tưởng đầu đi thì đuôi lọt. Nhưng loay hoay mãi vẫn không lách bụng ra được.

- Không ngờ mình lại to béo thế. Cậu lẩm bầm một mình. Xoay người đi, xoay người lại đến rách cả áo, cậu ta vẫn không sao qua được.

Oái oăm hơn nữa là rút đầu lại cũng không được. Thế là tiến thoái lưỡng nan! Cậu nổi cáu, không còn giữ được vui vẻ như ngày thường. Giầy giũa mãi cũng không ăn thua gì. Thế mới chết chứ! Trời vẫn mưa như trút nước xuống, phố xá vắng tanh. Muốn với cái chuông để giật nhưng không với tới. Làm thế nào để thoát khỏi bước nguy khốn này. Chưa biết chừng cứ phải đứng như thế này cho đến sáng, rồi nhờ ông thợ khoá đến cửa một song sắt đi. Nhưng vậy thì lâu quá, mưa rét thấm vào người cảm mất; rồi các chị nhà bếp và bọn trẻ con kéo nhau đến xem và bêu xấu mình.

- Ôi nguy quá! Nguy quá! Ước gì thoát khỏi nơi này! Cậu vừa dứt lời liền rút được đầu ra ngay. Giá cậu biết đôi giày có phép lạ thì phải ước sớm hơn nhưng cậu không hay biết gì cả.

Hết tội ấy lại đến tội khác, rõ khổ cho cậu phụ tá bệnh viện. Tôi xin kể tiếp để bạn đọc nghe.

Ngày tối hôm ấy tại câu lạc bộ có đêm văn nghệ. Chương trình có tiết mục ngâm thơ. Đầu đề bài thơ là: "Đôi kính lão của bà nội". Nội dung bài thơ như sau: Bà nội có đôi kính nhìn thấy suốt tâm can mọi người, nhìn ai là đọc được những ý nghĩ thầm kín của người ấy. Cậu phụ tá nhà thương cũng có mặt trong buổi văn nghệ ấy. Trời mưa đường lội nên cậu ta vẫn kéo đôi giày bắt được hôm trước, vì không thấy ai đến đòi.

Cậu ta cứ suy nghĩ về chủ đề bài thơ và ước ao có được cái kính như thế nào thì cậu cũng có thể thấu suốt tâm can mọi người. Nếu mình đột nhập vào đáy lòng các ông bà khán giả ngồi ghế hàng đầu kia thì mình sẽ lục lọi khắp chỗ trong lòng họ như lục lọi một kho hàng. Lòng bà này thì như một ngăn chứa đầy quần áo đủ kiểu đủ mốt; lòng bà kia thì rộng tuếch chẳng có gì. Lòng bà thứ ba con tim thấy mình mời chào rồi rít lại xem. giá mình lọt được vào một con tim nhỉ!

Câu được ước thấy.

Cậu chui ngay vào tim một bà sang trọng. Cậu thấy tim bà ta như một mỹ viện. Cậu vào một căn phòng, trên tường treo nhiều chân tay dị dạng. ở đây khác với mỹ viện. ở mỹ viện, người tàn tật đến mới làm khuôn, còn trong tim bà thì những con người tội nghiệp không cần trình diện cũng được làm khuôn và khuôn được giữ lại cẩn thận. Bà chủ có toàn bộ chân dung các bạn của bà rất phong phú làm nổi bật những nhược điểm về thể chất và tinh thần từng người. Lục lọi xong trái tim bà thứ nhất, cậu phụ tá sang trái tim một bà khác. Tim bà thứ hai này giống như một toà nhà thờ rộng lớn và thần bí. Chim bồ câu trắng tượng trưng cho sự trong sạch xoè cánh trên bàn thờ. Nếu không phải đi sang trái tim khác thì cậu ta đã quỳ xuống rồi. Sang đến trái tim khác vẫn còn nghe vọng thấy tiếng phong cầm. Tim trong danh sách các vị tai to mặt lớn thế nào cũng thấy tên bà.

Bước sang trái tim khác, anh thấy như vào một phòng khách dát toàn bằng gương như trong lâu đài Rôxăngpo nhưng khác ở lâu

đài kia là gương ở đây phóng đại mọi vật lên to một cách ghê ghớm. Sau cùng cậu ta vào một trái tim, cậu thấy bí rì, gỡ mãi mới tìm được lõi ra.

Đến đây thấy mệt rồi, cậu đình chỉ việc khám nghiệm. Cậu thấy choáng váng, đầu óc quay cuồng, thân thể bất an.. Và cậu ta nghĩ ngay đến cách chữa là nước tắm nước nóng.

- Ước gì mình được ở trên bậc cao nhất của phòng tắm để nước đầy đủ và có độ nóng tốt nhất.

Cầu sao được vậy. Hơi nước tụ thành giọt nhỏ xuống mặt cậu. Nước nóng quá! Cậu thét lên và nhảy bổ sang phòng tắm nước lạnh. Cậu hầu phòng thét lên khi thấy cậu ta mặc cả quần áo vào buồng tắm. Cậu ta đã nhanh trí biện bạch.

- Tôi chơi đánh cuộc đấy mà.

Về đến nhà, việc đầu tiên là cậu ta dán ngay một lá cao lên gáy và lưng để khỏi phát điên. Vậy mà hôm sau lưng cậu ta vẫn rộp cả lên.

Di đôi giày hạnh phúc vào, cậu ta sượng thế đấy.

Mấy hôm sau cũng chẳng thấy ai đến nhận đôi giày, bác tuần càn để đem đến sở cảnh sát.

Một ông tham làm việc tại đó, ngắm nghía đôi giày, rồi đặt cạnh đôi giày của mình, ông bảo:

- Hai đôi giày giống nhau như hệt. Ngay thợ giày cũng khó phân biệt đôi nào với đôi nào.

Có người cầm lá đơn đến trình:

- Bẩm quan tham!

Ông tham quay lại nói vài câu, rồi quay lại chỗ để giày. Nhưng ông chẳng còn nhớ đôi giày nào là của mình. Ông nghĩ đôi nào ướt là của mình.

Nhưng ông ta đã nhầm, chính đôi giày ướt là đôi giày hạnh phúc.

Ông tham xỏ giày, nhét công văn vào túi đem về nhà xem. Thấy đẹp trời ông đi dạo một lúc lên quảng trường Frêdêrich. Vừa đi ông vừa ngắm cảnh. Ông nhìn chim chóc nhảy nhót ca hát vui vẻ trên cành và nói như than thở:

- Chúng sướng thật! Sướng hơn ta nhiều! Bay bổng tít trên trời, đi mây về gió, tha hồ tung cánh. ước gì mình cũng bay được như chúng!

Vừa nói xong, cánh tay và vạt áo của ông biến thành cánh chim, vải biến thành lông, giày biến thành chân chim. Ông đã thay hình đổi dạng và nghĩ thầm:

- Vậy là mình đã thành chim, tha hồ bay lượn. Tất cả vạn vật đều ở dưới ta. Bạn của ta là nắng, là gió, là mây.

Vừa nói một mình như thế, ông tham bây giờ là chim sơn ca, chao lên đảo xuống. Một lúc lâu, ông xà xuống, ngó nghiêng tứ phía. Bỗng có cái gì to lớn úp chụp lên người ông. Thì ra một chú bọ đi ngang qua đấy, thấy con chim đẹp liền lấy mũ chụp lấy và nắm chắc mang đi.

Ông tham hoảng quá, ông kêu lên:

- Bỏ tao ra, đồ ranh con! Có bỏ ra không?

Thằng bé chỉ nghe tiếng chim chiêm chiêm nên chẳng biết là ông tham.

Đọc đường, nó gặp hai cậu học trò. Các cậu hỏi mua thằng bé đồng ý bán với giá tám si linh. Thế là ông tham được chúng đem về phố Gôt, kinh thành Copenhagơ.

Mấy đứa trẻ mang ông vào một ngôi nhà đẹp. Một bà to béo ra đón chúng. Nhưng bà tỏ vẻ không thích chim sẻ (bà gọi chim sơn ca, tức ông tham là chim sẻ); bà ta chỉ cho đem vào một ngày thôi mà phải nhốt vào lồng, treo ở cửa sổ.

- Có lẽ Pốp thích lắm đây! Bà vừa nói vừa chỉ tay vào một con vẹt xanh to tướng đang lắc lư cái đầu trong chiếc lồng bằng đồng thau. Hôm nay vừa đúng là ngày sinh nhật của Pốp. Con chim sẻ sẽ chúc mừng nó.

Một con hoàng yến trong lồng hót vang. Bà to béo mắng và vút cái giẻ trắng trùm lên lồng nó. Con chim hoàng yến kêu thêm vài tiếng rồi im bặt. Ông tham (tức chim sẻ) được nhốt vào lồng bên cạnh lồng hoàng yến, đặt gần lồng con vẹt. Con vẹt oang oang một tràng tiếng người mà chủ dạy nó. "Thôi thôi để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!".

Hoàng yến cũng hót lên cho người bạn mới nó là con chim sẻ nghe:

"Mới đây không lâu tôi còn bay lượn dưới bóng dừa xanh và bóng cây hạnh đang nở hoa. Tôi bay cùng các anh chị tôi trên rừng hoa thơm ngát, trên mặt biển trong vắt, trên bờ rợp bóng cây. Tôi cũng đã nghe nhiều con vẹt hót nhiều chuyện rất hay rất lạ.

Vẹt ngắt lời:

- Anh nghe đấy là vẹt rừng. Chúng không được dạy dỗ gì cả. "Thôi để yên cho chúng ta sống làm người với chứ! Sao mày không cười lên. Bà chủ và khách cũng đang cười kia kia. Mày không biết thưởng thức những cái hay cái dở ở đời. Thôi thôi! để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!

Hoàng yến cũng hót lên cho người bạn mới nó là con chim sẻ nghe:

"Mới đây không lâu tôi còn bay lượn dưới bóng dừa xanh và bóng cây hạnh đang nở hoa. Tôi bay cùng các anh chị tôi trên rừng hoa thơm ngát, trên mặt biển trong vắt, trên bờ rợp bóng cây. Tôi cũng đã nghe nhiều con vẹt hót nhiều chuyện rất hay rất lạ. Vẹt ngắt lời:

- Anh nghe đấy là vẹt rừng. Chúng không được dạy dỗ gì cả. "Thôi để yên cho chúng tao sống làm người với chứ! Sao mày không cười âm lên. Bà chủ và khách cũng đang cười kia kia. Mày không biết thưởng thức những cái hay ở đời. Thôi!thôi để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!

- Mày còn nhớ bóng dáng các cô xinh đẹp nhảy múa dưới rặng chuối đang trổ hoa hay không! Có nhớ những khu rừng già rợp bóng mát và đầy hoa thơm quả ngọt không?

Vẹt đáp:

- Có chứ! Nhưng bây giờ tao thấy sung sướng hơn. Tao được nuôi nấng đầy đủ, được đối xử tử tế. Tao thấy thế nàyy là thoả mãn rồi không còn gì hơn nữa. Từ nay trở đi chúng ta hãy sống như người thật. Hãy bỏ giọng hót bi ai của mày đi! Hãy nói cái gì làm cho người ta cười lên. Tiếng cười biểu hiện sự thông minh đã đến tuyệt đỉnh. Chó hay ngựa có biết cười đâu? Chúng nó kêu thì được, chứ cười thì không. Chỉ có loài người mới biết cười.

Từ nay trở đi chúng ta sẽ sống như người thật.

Hoàng yến quay lại sẽ nói:

- Này chú chim sẻ xứ Đan Mạch. Thế là chú cũng bị cầm tù rồi. Chú sống trong cánh rừng chắc rét lắm, nhưng mà được tự do. Hãy quay về đi thôi. Chuông chú người ta quên đóng cửa. Phía trên lại có cái cửa sổ để ngỏ. Trốn được đấy! Trốn đi!

Không một phút do dự, chim sẻ nhảy phắt ra khỏi lồng. Cùng lúc có tiếng cửa phòng rít lên. Một ocn mèo mắt xanh lén vào săn chim. Hoàng yến vùng vẫy kêu lên. Từ nay chúng ta hãy sống với nhau như người thật! Ông tham sợ quá, vội bay vọt ra khỏi lồng, rồi chẳng phương hướng gì, cứ mãi miết bay, qua nhà cửa, phố phường. Đến lúc mỏi cánh, ông dừng lại xả hơi. Thấy nhà bên cạnh quen quen, có một cửa sổ để ngỏ, ông bay vào.

Lại chính nhà ông! Ông ngồi ngay vào bàn, chẳng suy nghĩ gì, chỉ nhắc lại câu nói của con vẹt: "Từ nay trở đi chúng ta hãy sống như người thật".

Và, kỳ diệu sao, ông tham lại biến thành ông đang ngồi ở bàn. Ông kêu lên:

- Lay trời phù hộ! Thế nào mà mơ xong, mình lại ngồi đây! Lúc này mới lo làm sao chứ! Thật là đại dột!

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, ông tham còn đang nằm trên giường đã nghe tiếng gõ cửa. Đấy là một anh sinh viên khoa thần học, nhà ở phòng bên cạnh, cùng một gác. Anh bước vào khẩn khoản:

- Bác cho tôi mượn đôi giày. Ngoài vườn ướt quá, tôi muốn ra thở hít không khí trong lành buổi sáng.

Anh xỏ giày vào chân và xuống ngay dưới vườn. Trong vườn chỉ có một cây táo và một cây mận. Nhưng giữa thủ đô Copenhagơ mà có được một mảnh vườn dù nhỏ cũng là thú vị. Anh sinh viên đi bách bộ. Trời còn sớm. Chưa đến sáu giờ. Ngoài phố bỗng vang lên tiếng tù và của người đánh xe ngựa. Nghe tiếng vó ngựa lọc cọc trên đường cái quan, anh liên tưởng ngay đến chuyện du lịch và kêu lên:

- Ôi du lịch! Du lịch thật là sung sướng, thật là hạnh phúc ở đời. Ta không mong gì hơn. Đó là liều thuốc an thần giữa lúc ta đang bị tâm can cắn rứt. Ước gì ta được sang Thụy Sĩ một chuyến, rong ruổi qua nước ý.

Cầu được ước thấy. Cũng như những người trước anh xỏ đôi giày hạnh phúc vào chân, ước cái gì được ngay cái ấy. Anh sinh viên ước đi du lịch, lập tức đôi giày đã đưa anh sang nước ý đúng như mong ước của anh. Anh ngồi trong một cái xe ngựa, giữa mấy kiện hàng. Anh thấy nhức óc, khó thở, đầu nặng như chì, máu dồn xuống đôi chân nhét chặt cứng trong ủng. Anh thấy như nửa tỉnh nửa mê; túi bên phải anh để phiếu tín dụng, túi bên trái để giấy thông hành, trên ngực lại lủng lẳng một cái túi đựng mấy đồng tiền vàng và khâu kỹ bên trong. Cứ hễ chớp mắt lại mơ thấy một thứ gì đấy. Thế là anh giật mình tỉnh dậy, vội vàng sờ xem có còn không. Chẳng đêm nào được ngủ yên giấc. Suốt ngày cứ như thấy có kẻ đến cướp đến trộm lột. Rồi mũ, ô, gậy quặc trên mui xe cứ đung đưa và vào đầu vào mặt làm anh bứt rứt khó chịu.

Cảnh vật xung quanh vĩ đại, oai nghiêm, những cánh rừng từng nhô ra trên vách núi dựng đứng, đỉnh núi khuất trong sương mù. Tuyết bắt đầu rơi, trời lạnh. Anh bắt đầu cảm thấy chán cảnh ngao du nơi đây. Anh nghĩ thầm:

- Ước gì lại được sang phía bên kia dãy núi Anpơ! Sang bên ấy sẽ được sống khí hậu mùa hè và được lĩnh tiền bằng phiếu tín dụng. Giá lạnh thế này chẳng muốn ở lại đất Thụy Sĩ nữa. Làm sao sang được bên kia núi nhỉ!

Điều mong ước của anh sinh viên lập tức được thực hiện. Chỉ một chớp mắt anh đã thấy ở bên kia dãy núi, trên đất ý, giữa Florängxơ và Rômơ. Nước hồ Traxinen lấp lánh dưới ánh nắng chiều tà nom như vàng lỏng giữa màu xanh thẫm của núi non, nơi xưa kia Anniban đã đánh bại những cây du thụ xanh tươi một cách thanh bình. Bọn trẻ con mình trần đang chặn đàn lợn đen trong cánh rừng nguyệt quế màu hồng toả hương thơm ngát hai bên đường. Giá tôi có tài mô tả được đầy đủ cảnh tượng mỹ lệ nơi đây, chắc bạn đọc phải kêu lên: "nước ý đẹp quá!" Nhưng anh sinh viên của chúng ta và các khách du đi cùng xe với anh, chẳng ai reo lên như thế một lời nào. Côn trùng và ruồi muỗi bay quanh chiếc xe. Họ lấy cành xim xua chúng đi nhưng không được. Không một người nào trong xe không bị chúng đốt cho sưng mắt. Chúng bâu vào cả mắt mắt những con ngựa kéo xe, làm ngựa phải vất vả mới nhìn ra đường đi. Từng đàn ruồi xông vào đốt chúng, người đánh xe liên tục xuống xe đuổi ruồi cho chúng. Lúc mặt trời lặn, gió nổi lên làm cảnh vật rung chuyển. Núi non toàn một màu xanh ngát. Đến tận nơi ngắm mới thấy thật là hùng vĩ. Những lúc này du khách đang đói bụng. Họ mong được gặp một quán trọ để ăn nghỉ hơn là cảnh đẹp thiên nhiên. Lúc qua một cánh rừng ô-liu, anh sinh viên thần học lại nhớ về tổ quốc mình. Anh thấy những cây ô-liu ấy không đẹp bằng những cây liễu già xu xi đầy máu nơi quê hương mình. Đi thêm một quãng nữa, họ đến một quán trọ quanh hiu. Trước cửa quán là một tốp ăn mày, người thì chân thọt, người thì mụn nhọt đầy tay, người thì tay thọt đến tận khuỷu. Họ thi nhau kêu xin cứu giúp, giọng rên rĩ xé ruột xé gan. Anh sinh viên vất vả lắm mới thoát khỏi vòng vây của họ, để vào quán trọ. Chủ quán là một cụ già, quần áo bẩn thỉu, đi đất, tóc xoã, miệng mỉm cười, trông ghớm ghiếc như con quỷ cái, ra mời khách. Cửa quán buộc bằng dây thừng, trần nhà đầy dơi đậu, một mùi hôi kinh khủng vào mũi.

Một khách hàng hỏi:

- Dọn bàn ăn xuống chuồng ngựa có được không, bà chủ. Xuống đấy chỉ có riêng mùi phân ngựa, chứ ở đây đủ mọi thứ mùi, ngồi đây ăn sao nổi.

Bà chủ quán hiểu ý, ghé mở cửa phòng cho thoáng; nhưng cửa vừa mở, cả đoàn ăn xin xô đến, van nài:

- Xin các ông các bà cứu khổ cứu nạn, giúp cho kẻ khốn cùng. Nhà hàng bùng mâm ra. Vừa đặt mâm xuống mùi hạt tiêu và dầu xả xông lên. Trứng thì ung, thịt gà thì khét, rượu vang thì pha, khó uống quá, đắng như thuốc.

Đêm ngủ không an toàn. Khách phải lấy xích sắt cửa, thay nhau thức để canh gác. Trong nhà không khí ngột thở. Bên ngoài lũ ăn mày vẫn làm nhảm: "Xin các ông các bà cứu khổ cứu nạn, giúp cho kẻ khốn cùng."

Trong lúc còn đang mắt nhắm mắt mở, anh sinh viên thần học cứ tưởng mình đang trên giường một căn phòng, giữa thủ đô Copenhagơ, dưới kia là mảnh vườn nhỏ có cây táo và cây mận.

Đến lúc tỉnh hẳn, anh ta mới nhớ ra rằng mình đang trên đường đi du lịch tại nước ý. Dần dần anh nhớ ra những nhọc nhằn vừa trải qua và những chán ngán gặp phải trên đường. Rồi anh nằm chen chúc trên một ổ rơm hôi hám, chốc nữa mới dậy lại ngồi vào bàn ăn món gà khét lẹt, trứng trắng ung, rượu vang pha uống đắng như uống thuốc trong một căn phòng bí hơi, vừa ăn vừa nghe lũ ăn mày này làm nhảm ngoài cửa: "Lạy ông, lạy bà, cứu khổ cứu nạn, giúp kẻ bần cùng".

Anh sinh viên nghĩ bụng:

- Giá đi du lịch mà chỉ đem theo cái hồn thôi thì khoái biết mấy! Chứ như thế này thì phiền toái quá! Ước gì mình chỉ có linh hồn không thôi nhỉ. Như vậy khoái hơn, cứ như thế này chẳng khoái tí nào!

Anh sinh viên nghĩ như thế bỗng dưng anh thấy mình đang ở quê nhà. Rèm trắng dài buông rủ trên các cửa sổ. Giữa phòng đặt một chiếc quan tài sơn đen, trong đó xác anh sinh viên đang nằm ngay ra bất động, còn linh hồn thì đang chu du thiên hạ. Một học giả Aten cổ đại là Xôlông đã có lần nói:

"Đừng có vội vàng nhận định ai sung sướng trước khi người ấy chết".

Câu nói ấy của nhà học uyên thâm đã được thể hiện trong câu chuyện tôi kể trên đây.

Hai cái bóng bước vào phòng. Đó là thần Trùng phạt và sứ giả của thần Hạnh phúc. Hai thần ghé xuống nhìn xác chết.

Thần Trùng phạt hỏi:

- Đi giấy hạnh phúc đã đem lại hạnh phúc gì cho người trần?

Thần kia trả lời:

- Đã đem cái chết dịu dàng, cái chết giữa tuổi thanh xuân cho anh ta trước khi anh ta phải nếm mùi khổ hạnh của cuộc sống.

- Cô nhầm rồi! Thần trùng phạt lại nói. - Anh ta đã chết quá sớm. Sống chưa hết kiếp. Do vậy tuy anh ta có quyền hưởng hạnh phúc sau nhiều thử thách gian lao, nhưng anh ta đã không được hưởng. Ta sẽ thực sự cứu giúp anh ta.

Nói rồi thần trùng phạt tháo đôi giấy hạnh phúc từ chân anh ra. Anh sinh viên bỗng tỉnh dậy. Cả thần Trùng phạt lẫn đôi giấy biến mất.

Một bà mẹ

Một bà mẹ đang ngồi cạnh đứa con nhỏ. Bà rất buồn vì lo nó chết mất. Đứa bé xanh rớt, mắt nhắm nghiền đang thoi thóp. Thấy nó rên rỉ rất thiếu nã, bà cúi xuống sát mặt nó, lòng se lại. Có tiếng gõ cửa. Một ông già nghèo khổ, chòm kín trong tấm chăn rách bước vào. Bên ngoài tuyết phủ khắp nơi, gió vun vút quất vào mặt.

Ông già rét run cầm cập, ngồi xuống ru đứa bé. Mẹ nó đang nhóm lò hâm lại cốc sữa. Xong việc bà quay lại ngồi vào chiếc ghế cạnh ông già, nhìn đứa bé ốm yếu vẫn đang thoi thóp thở. Bà hỏi:

- Liệu nó có việc gì không? Thượng đế có tha bắt nó đi không? Ông già - chính là thần chết lắc đầu một cách khó hiểu. Bà mẹ gục đầu xuống, nước mắt rùng rùng trên gò má. Đã ba hôm nay, bà không ngủ, người rã rời. Bà thiếp đi một tí, rồi chột rùng mình vì rét bà choàng dậy.

- Đâu rồi nhỉ? Bà hoảng hốt kêu lên, mắt nhìn tứ phía. Ông già và đứa con bà biến đâu mất. Lão đã đem con bà đi rồi. Chiếc đồng hồ quả lắc vẫn tích tắc trong xó nhà.

Bà mẹ tội nghiệp vùng dậy chạy ra ngoài gọi con.

Một bà cụ mặc áo dài đen, ngồi giữa đám tuyết trên sân bảo bà mẹ:

- Tôi thấy thần chết mang con chị chạy đi rồi. Lão ta chạy nhanh hơn gió. Đã cướp ai đi, lão không bao giờ mang trả lại.

Bà mẹ khẩn cầu:

- Xin cụ bảo tôi lão đi đường nào. Tôi sẽ đuổi kịp.

Bà cụ đáp:

- Được! Nhưng muốn ta chỉ đường, chị phải hát cho ta nghe tất cả những bài hát mà chị đã ru con chị. Ta đã được nghe chị hát ru con chị nhiều, ta rất thích. Ta là thần đêm tối. Ta đã từng trông thấy nước mắt chị tràn ra khi chị ru con.

Bà mẹ van vỉ:

- Tôi xin hát tất cả, sau đó bà chỉ đường giúp để tôi đuổi theo thần chết đòi lại đứa con tôi. Nhưng thần đêm tối chẳng nói gì. Bà mẹ vịn vẹo đôi tay, nước mắt đầm đìa, vừa nức nở vừa hát, tiếng nấc át cả lời hát.

Nghe hát xong, Thần đêm tối bảo:

- Rẽ sang phải rồi đi vào rừng thông tối om kia. Thần Chết mang con chị biến vào đấy.

Đến giữa rừng, gặp một ngã ba, bà mẹ phân vân không biết rẽ trái hay phải. Chỉ có một bụi gai không hoa, không lá, tuyết phủ đầy, cành nặng trĩu là xuống đến mặt đất. Bà mẹ hỏi:

- Có biết thần chết đem con ta đi lối nào không?

Bụi gai trả lời:

- Có nhưng muốn tôi chỉ, bà phải ủ tôi vào lòng cho ấm lên. Tôi đang rét công, sắp thành băng đến nơi.

Bà mẹ ôm bụi gai vào lòng để sưởi ấm cho nó. Ngực bà gai đâm toé máu. Bụi gai nóng lại trở hoa xanh tốt ngay giữa đêm đông giá lạnh. Được sưởi ấm rồi, bụi gai chỉ đường cho bà mẹ. Bà đến một cái hồ lớn, chẳng thấy có một bóng thuyền. Mặt hồ lớp băng mỏng quá không giẫm lên để đi được, nước hồ lại quá sâu không lội qua được. Bà mới cúi xuống để uống hết nước hồ. Bà cũng biết việc ấy là quá sức mình, nhưng vì quá đau khổ. Bà mong thương để cứu giúp.

Hồ nước bảo bà:

- Không làm thế được đâu. Ta thương lượng với nhau thì hơn. Tôi rất thích ngọc trai. Hai mắt bà là hai viên ngọc trai rất rất trong. Bà hãy khóc cho đến lúc rơi hai mắt xuống. Tôi sẽ đưa bà đến một cái nhà kính là nơi thần chết vun trồng các cây hoa, mỗi cây là một kiếp người.

Bà mẹ nức nở, nước mắt tâm tã, hai mắt theo dòng lệ rơi xuống đáy hồ hoá thành hai viên ngọc.

Bà được hồ nước nâng bổng lên và thoát một cái đũa đến một ngôi nhà kỳ lạ, chẳng biết đấy là một quả núi với hang sâu rừng thẳm hay là một công trình tuyệt hảo, tuyệt mỹ của con người. Mắt bà không còn nên không trông thấy gì, bả hỏi:

- Có thấy thần chết đem con tôi đi đâu không?

Một bà già canh vườn ươm của thần chết nói:

- Thần chết chưa về đến đây. Bà làm thế nào mà đến được nơi này? Ai đã giúp bà?

- Thượng đế giúp - bà mẹ trả lời - Người đã thương tôi, vậy bà cũng rủ lòng thương bảo cho tôi biết con tôi ở đâu.

Bà già nói:

- Tôi không biết mặt con bà. ở đây nhiều cây lắm. Mỗi cây tượng trưng sinh mệnh một con người. Chúng cũng có tim, tim chúng đập. Bà cứ lại gần các cây, nghe nhịp tim đập chắc bà sẽ nhận ra cây nào mang sinh mệnh con bà. Nhưng bà muốn tôi hướng dẫn thì bà trả ơn tôi cái gì nào?

- Tôi còn gì để cho bà nữa đâu! Bà mẹ trả lời.

- Bà có mớ tóc đen nhánh - bà già nói - bà cho tôi và nhận lại mớ tóc bạc của tôi. Đổi nhau mà.

- Nếu chỉ có thế thôi thì được - bà mẹ vội trả lời, rồi bà trao mớ tóc đen cho bà cụ và nhận lấy mớ tóc bạc.

Hai người bước vào vườn kính rộng lớn của thần chết. Nơi đây có rất nhiều cây cỏ đủ loại. Có những cây mộc lan hương mảnh dẻ, những bông thược dược to và mập mạp. Có những cây mọc dưới nước, cây xanh tươi, cây khô cằn, rần quẩn quanh gốc. Đây là những cây cọ, cây tiêu huyền, kia là đám mùi và xạ hương. Mỗi cây mỗi hoa mang một tên người, tượng trưng một kiếp người.

Có những cây lớn trông trong chậu nhỏ tí đang sắp làm vỡ chậu. Ngược lại có những cây bé con lại trông trên những vuông đất rộng phủ rêu xanh mượt. Người mẹ đau khổ rạp xuống từng gốc cây, lắng nghe nhịp đập từng trái tim của chúng. Và giữa muôn vàn trái tim ấy bà nhận ra nhịp đập của trái tim con bà.

- Con tôi đây rồi! Bà reo lên, chìa tay trên một gốc ky phù nhỏ màu lam ốm yếu thân nghẹo sang một bên.

Bà già ngăn lại:

- Đừng đụng vào hoa. Cứ đợi ở đây. Thần chết sắp về. Không cho Thần nhổ cây hoa này.

Ngay lúc đó một làn gió lạnh buốt nổi lên. Thần chết đã đến. Thần hỏi:

- Sao ngươi lại tìm được đến đây? Mà lại đến trước ta?

- Ta là mẹ! Bà mẹ trả lời.

Thần chết vươn bàn tay dài ngoẵng về phía cây hoa mảnh dẻ, bà mẹ vòng đôi bàn tay giữ lấy không cho Thần chết lấy.

- Ngươi không chống lại được ta đâu! - Thần chết nói và hà hơi vào tay bà mẹ, bà thấy lạnh buốt - Ta cũng chỉ tuân theo lệnh của thượng đế mà thôi. Ta trông nom khu vườn của người mang theo những cây cỏ ở đây lên trông trong vườn của thượng đế theo lệnh người. Còn sau đó trên ấy ra sao ta không biết.

- Giả con cho tôi! - Bà mẹ van xin và định túm lấy tay hai cây. Thần chết bảo:

- Chớ đụng vào! Ngươi nói rằng ngươi đau khổ mà ngươi lại muốn làm cho một người mẹ khác phải đau khổ hay sao? Bà mẹ đau thương buông hai cây hoa ra

Thần chết nói thêm:

- Đây là đôi mắt của ngươi, ta thấy lón lánh dưới đáy hồ ta vớt lên đây. Ngươi hãy nhận lại. Và nhìn xuống đáy giếng gần đây. Ta sẽ cho ngươi biết tên hai đứa trẻ có hai hai bông hoa ấy. Ngươi sẽ thấy rõ cả cuộc đời và quá khứ và tương lai của chúng, thấy rõ tất cả những gì mà ngươi định huỷ hoại.

Bà mẹ nhìn xuống đáy giếng. Bà thấy một trong hai bông hoa ánh lên niềm vui đầy hạnh phúc, còn bông hoa kia thì hoàn cảnh trầm luân, khổ ải.

Thần chết nói:

- Cả hai kiếp hoa đều do Thượng Đế định đoạt cả

Người mẹ hỏi:

- Thế hoa nào là hoa hạnh phúc, hoa nào là hoa bất hạnh?
Thần chết đáp:

- Ta không thể tiết lộ thiên cơ. Nhưng một trong hai bông hoa ấy chính là của con ngươi, là hình ảnh tương lai của nó.

Bà mẹ gào lên:

- Hoa nào trong hai hoa ấy là của con tôi? Hãy bảo cho tôi biết. Nếu đời nó sau này sẽ đau khổ thì hãy mang nó đi, mang ngay về Thiên đường. Xin hãy tha thứ cho những lời tôi cầu nguyện. Xin hãy quên đi tất cả cả, coi như tôi đã mê sảng.

Rồi bà vịn tay vào nhau, quỳ xuống cầu khẩn:

- Xin thượng đế đừng nghe lời con nếu con có cầu khẩn những lời sai trái với ý người.

Rồi bà gục đầu xuống ngực:

Và thần chết mang đứa bé đến cái xứ sở xa lạ ấy.

Một chuyện có thật

-Thật là một câu chuyện rùng rợn! Mụ gà mái già ở bên làng, nơi diễn ra tấn thảm kịch kêu lên như vậy. Sân khấu của câu chuyện rùng rợn ấy là một cái chuồng gà. Thật là đêm qua tôi sợ chẳng dám ngủ một mình. May sao chúng tôi lại đậu đồng cả trên cùng một cầu.

Rồi mụ bèn kể lễ sự biến ấy với một giọng làm cho cử tọa, kể cả lão gà sống có bộ mào rử, cũng phải sợ dựng đứng cả lông lên.

-Việc ấy xảy ra trong chuồng gà, bên cạnh chuồng tôi. Mặt trời lặn, bọn bà mái leo cả lên cầu. Trong bọn có cô ả lông trắng, chân ngắn, đẻ trứng rất đều, và xưa nay chưa từng có điều tiếng gì. Leo lên đến cầu, ả ta bèn lấy mỏ rửa lông. Một cái lông nhỏ rơi ra, ả lằm bằm: Thế là mình lại rụng mất lông rồi! ả có tính hay nói đùa; ngoài ra, như tôi đã nói, chả ai chê trách được ả ta điều gì. Sau đó ả ta ngủ thiếp đi.

Trời tối đen như mực. Bọn gà mái đậu xít vào với nhau. Một đứa, đậu gần ả mái trắng vừa nói lúc nãy, không ngủ. Mơ màng nghĩ cách sung sướng trên đời này, nó đang muốn chuyện gẫu tí chút với một đứa bạn.

-Này, đằng ấy có nghe người ta nói gì không? Tớ không muốn chỉ đích danh, nhưng một cô ả vừa thú nhận rằng đã chải lông làm đóm. Tớ mà là gà sống thì cứ là tớ khinh đứt!

Ngay trên đầu lũ gà có vợ chồng con cái nhà cú mèo. Cả cái gia đình ấy đều rất thính tai và đã nghe thấy hết cả mọi chuyện. Cú con, mắt tròn tròn xoe, còn cú mẹ thì vỗ cánh phành phạch. Mụ bảo các con:

-Không nên rình mò nghe chuyện của ai cả. Nhưng dẫu sao ta cũng e rằng chúng bay nghe thấy cả rồi. Chính ta cũng nghe thấy hết, vì còn đôi tai thì còn vô khối là chuyện phải nghe. Dưới kia, có một cô ả gà mái mất giống đến nỗi rĩa lông để chải gà sống.

Cú đực bảo vợ:

-Coi chừng bọn trẻ con đấy. Đừng có để cho chúng nghe những chuyện ấy.

Cú mẹ đáp:

-ừ, tôi chỉ muốn kể lại cho chị cú mèo nghe ngay bên cạnh đấy thôi. Bạn thân nhất của tôi đấy.

-Hu hú! Cả hai mụ cú mèo vừa bay về phía chuồng chim vừa rúc lên - Hu hú! Có một ả gà mái nhỏ tiệt cả lông để làm đóm với gà sống. Phen này thì cứ gọi là chết rét chứ chẳng chơi.

Đàn bồ câu gù lên:

-ở đâu thế? ở đâu thế?

-Trong chuồng gà bên kia kia! Việc này gần như chính tôii được trông thấy. Kể lại thì hơi khó, nhưng chuyện này có thật đấy.

Bồ câu gật gù:

-Bọn tôi tin các bác chứ!

Rồi chúng đem ngay câu chuyện sang chuồng gà bên cạnh. Chúng kể lể rằng:

-Có một mục gà mái, người thì bảo hai cơ đấy, muốn làm ra vẻ khác thường, nhổ tiết cả lông đi để chài gà sống. Thật là một trò chơi nguy hiểm. Như thế có thể bị cảm lạnh, hoặc lên cơn sốt, thậm chí có thể chết, và quả là cả hai đứa cũng đã chung số phận ấy rồi.

-Dậy đi thôi!

Gà sống vừa bay tót lên mái chuồng vừa gáy vang lên. Lão còn hơi ngái ngủ, nhưng lão vẫn bô bô lên:

-Có ba ả mái tơ... thất tình với một gà sống, đã chết vì đau khổ... Các cô ả đã tự vặt tiết cả lông đi. Thật là khủng khiếp. Tôi thấy cần phải loan báo cho bà con biết chuyện này.

Tất cả quang quác lên:

-Kể tiếp đi! Kể tiếp câu chuyện đi!

Bọn bà sống gáy om lên.

Thế là câu chuyện truyền từ chuồng gà này sang chuồng gà khác và cuối cùng lại trở về nơi xuất phát. Người ta đồn rằng:

-Có năm ả gà mái đã tự vặt tiết cả lông đi để thi xem đứa nào gầy mòn đi nhất vì tương tự một anh gà trống. Sau đó chúng đánh nhau, máu me đầm đìa rồi chết cả nút. Thật là điểm nhục gia phong và lại còn lại thiệt hại lớn cho nhà chủ nữa.

ả gà mái lúc đầu đã đánh rụng một cái lông con, bây giờ không nhận ra được đấy là chuyện của chính mình, vốn đứng đắn, ả ta kêu lên:

-Nhục nhã thay cho những mục gà mái ấy! Cũng may là cái hạng gà như thế cũng chả có mấy! Phải phổ biến rộng rãi câu chuyện này ra mới được, ta sẽ làm đủ mọi cách để truyền câu chuyện này ra nước ngoài. Thật là đáng kiếp cho những quân khốn nạn ấy!

Thế là câu chuyện được đăng dưới nhan đề:

"một chuyện có thật"

Các bạn đã thấy chưa? Chỉ có một cái lông gà con thôi mà thành ra năm con gà mái được cơ đấy!

Nàng Công Chúa Và Hạt Đậu

Ngày xưa, có một hoàng tử muốn cưới một nàng công chúa, nhưng công chúa phải cho ra công chúa, phải toàn thiện toàn mỹ. Hoàng tử bèn chu du khắp thiên hạ để kén vợ. Công chúa thì chẳng thiếu gì, nhưng nàng nào cũng có vài nhược điểm hoặt tật xấu. Thế là, một ngày kia, hoàng tử đành buồn rầu trở về nhà.

Đến tối, nổi lên một cơn giông tố kinh khủng. Mưa ào ào như xối. Có tiếng gõ cửa lâu đài. Lão vương thân chinh ra mở cửa. Bên ngoài là một nàng công chúa, nhưng mưa gió đã làm cho nàng tiêu tụy quá thể. Đầu tóc, quần áo nàng vũng những nước và còn rỏ giọt từ mũi xuống giày nàng. Nàng tự giới thiệu là nàng công chúa toàn thiện toàn mỹ mà hoàng tử đang chờ đợi. Hoàng hậu nghĩ thầm: “Được, cứ để xem xem!” Rồi hoàng hậu vào buồng ngủ thấp đèn lên và nhét một hạt đậu xuống dưới đệm giường. Sau đó ngài đặt hai m]wi cái đệm chồng lên trên cái đệm đã đặt trước. Đây chính là cái giường dành cho công chúa.

Sáng ra, người ta hỏi thăm đêm qua nàng ngủ có yên giấc không. Nàng đáp:

- Suốt đêm toi không chợp mắt, vì nằm phải vật gì răn rần, thâm tím cả mình mẩy.

Hoàng hậu bèn phán:

- Công chúa ra công chúa thật! Đây chính là nàng công chúa toàn thiện toàn mỹ, nằm trên hai mươi lần đệm nàng vẫn thấy đau vì một hạt đậu.

Hoàng tử cưới nàng làm vợ và hạt đậu được bày trong một phòng triển lãm, đến giờ vẫn vào xem được, vì chưa có ai lấy đi cả. Chuyện tôi kể đến đây là hết và tôi xin cam đoan với các bạn là chuyện có thật đấy.

Người bạn đồng hành

Cha nó đang ốm thập tử nhất sinh. Nó rất buồn. Trong túp lều nhỏ chỉ có hai cha con. Cha nó bảo: "Giăng ơi! con thật hiếu thảo! Cha cầu mong Thượng đế phù hộ cho con trên đường đời." Giăng òa khóc. Nó chẳng còn ai trên đời này nữa! Không mẹ, không cha, không anh không em. Nó quỳ bên cạnh giường hôn tay cha, nước mắt giàn giụa. Một lúc nó mệt, nằm thiếp đi, gục đầu xuống thành giường bằng gỗ cứng.

Nó mơ một giấc mơ kỳ diệu. Nó thấy mặt trời và mặt trăng sà xuống, cha nó mạnh khoẻ, cười với nó như những lúc cha vui. Một cô gái xinh đẹp, đội chiếc mũ miện chìa tay cho nó. Cha nó lại cười và bảo: "Người vợ tương lai cha sắp cưới cho con đấy!"

Giăng bừng tỉnh. Trước mặt nó là sự thực đáng buồn: Cha nó đã chết, nằm sòng sọt trên giường, ngoài ra chẳng có một ai. Tội nghiệp cho nó!

Hôm sau Giăng đi theo quan tài người cha thân yêu ra mộ. Thế là từ nay nó chẳng bao giờ được thấy mặt cha nó. Lòng nặng trĩu buồn phiền, tim nó như tan nát thành muôn mảnh. Người đi đưa ma hát một bài thánh thi. Tiếng hát làm nó chan hoà nước mắt, giọt lệ làm nhẹ bớt đau khổ. Ánh dương lấp lánh trên hàng cây xanh như an ủi nó: "Đừng buồn phiền! Hãy nhìn lên trời xanh. Cha cậu đang trên đó và đang cầu nguyện cho cậu gặp mọi sự tốt lành thành đạt trong mọi việc".

Giăng đáp: "Còn tôi, tôi sẽ ăn ở tốt lành để sau này được lên ấy gặp lại và đoàn tụ với cha tôi".

Giăng mỉm cười, hai hàng lệ lăn trên gò má. Trên cây mấy con chim non cất tiếng hót: quy vit! quy vit! Chúng vừa chứng kiến đám tang. Chúng cũng tin rằng giờ đây người cha đang ở trên Thiên đường, ông sung sướng mỉm cười vì đã sống phúc hậu khi ở dưới trần.

Giăng thấy đàn chim chuyền từ cành nọ sang cành kia rồi cùng nhau bay vút lên cao. Giăng thấy khao khát được bay theo chúng. Nhưng nó không quên đeo một cây thập tự bằng gỗ đem cắm bên mộ cha. Khi mang cây thập tự đến, nó đã thấy ngôi mộ có cỏ đắp và cắm đầy hoa. Bạ bè đã đem đến trang hoàng mộ ông, vì ai cũng quý ông. Chôn cất cha xong, sáng hôm sau Giăng gói quần áo thành một bọc nhỏ và dắt lưng toàn bộ gia tài gồm có năm mươi đồng tiền vàng và vài hào bạc. Nó định dùng món tiền ấy và đi chu du thiên hạ. Trước khi đi, Giăng ra nghĩa địa, tìm đến mộ cha, quỳ xuống khấn: "Vĩnh biệt cha thân yêu. Con nguyện trước vong hồn cha lúc nào cũng sẽ ăn ở tốt lành. Xin cha yên lòng cầu Thượng đế phù hộ cho con".

Trên những cánh đồng Giăng đi qua, nó thấy hoa nào cũng tươi đẹp dưới ánh nắng ấm. Chúng nghiêng mình trong gió nhẹ như chào mừng Giăng.

Đi được một quãng Giăng đứng lại nhìn ngôi nhà thờ cổ kính, nơi nó đã đến với cha để nghe giảng đạo.

Nó nhìn thấy trên cửa tò vò gác chuông anh lùn gác chuông nhà thờ đầu đội mũ đỏ, tay đang che mắt để tránh những tia nắng. Nó vẫy tay vĩnh biệt anh ta.

Anh lùn cũng chào lại, vẫy chiếc mũ, lấy tay gửi cho Giăng nhiều chiếc hôn gió, tỏ ý chúc Giăng lên đường mạnh khỏe gặp nhiều may mắn.

Giăng vừa đi vừa nghĩ đến những gì sẽ gặp trên đường. Nó đi, đi mãi; chưa bao giờ đi xa thế. Trên đường chẳng hề gặp một người nào quen, thành phố cũng lạ. Nó đã đến một nơi chưa bao giờ đặt chân.

Đêm đầu tiên nó ngủ trong một đồng rơm vì không tìm được chỗ nào khác. Tuy vậy nó thấy rất may mắn, đến vua cũng không có được chỗ ngủ như thế. Này nhé; một cánh đồng một con sông, một đồng rơm và bầu trời xanh trên đầu; còn có các phòng ngủ nào đẹp hơn thế! Thảm cỏ xanh có điểm hoa trắng đỏ. Hương mộc và và dã tường là những bó hoa trang trí tuyệt đẹp; rửa mặt thì đã có cả một con sông và làn nước trong mát in bóng những vì sao từ trên trời soi

xuống. Chị hằng như một đèn lớn treo lơ lửng trên bầu trời xanh chẳng còn sợ bén lửa sang rèm cửa, nên Giăng có thể yên chí nằm ngủ.

Lúc tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao, khắp nơi chim chóc líu lo: "Chào cậu! Chào cậu!"

Hôm ấy đúng vào ngày chủ nhật. Chuông nhà thờ rộn rã. Giáo dân trong vùng kéo nhau đến nhà thờ. Giăng đi theo họ vào nhà thờ và cùng hát với họ. Nó tưởng như đang đứng trong nhà thờ quê nhà nơi nó đã chịu lễ ban thánh thể và đến lễ với cha.

Ngoài nghĩa địa có nhiều mộ. Có những ngôi mộ cỏ mọc cao. Giăng nghĩ đến ngôi mộ của cha ở quê nhà, thiếu người chăm sóc, chắc cũng giống thế. Nó ngồi xuống nhỏ cỏ, dựng lại những cây thánh giá bị đổ, xếp lại những bó hoa bị gió cuốn đi.

Nó nghĩ: "có lẽ mộ cha mình cũng được người khác chăm sóc thay mình như thế này".

Có một ông lão nghèo đang đứng ở nghĩa địa. Giăng cho ông mấy hào lẻ rồi tiếp tục chu du thiên hạ.

Chiều tối gặp một cơn giông khủng khiếp. Giăng rảo bước tìm nơi trú ẩn. Nó đã tìm được một ngôi nhà thờ biệt lập trên một quả đồi. Nó thấy cửa mở, chẳng có người. Nó vào ngồi xếp nghĩ và cầu kinh. Chưa hết một bài mắt đã điu rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Lúc tỉnh dậy, đã nửa đêm, cơn giông đã tan, trăng lấp lánh ngoài cửa kính. Giữa nhà thờ nó nhìn thấy một chiếc quan tài mở nắp, bên trong có một thi hài sắp đem chôn. Giăng không chút sợ hãi. Nó biết rằng người chết rồi không hại ai. Có chẳng chỉ những kẻ còn sống có tâm địa xấu xa mới tìm cách hại người, mới đáng sợ. Giữa lúc ấy có hai tên có vẻ là bọn bất lương, định lôi xác chết ra để quẳng đi. Vốn là người nhân đức, Giăng động lòng thương, hỏi: - Các anh định giở trò gì thế? Phải tội chết. Người ta chết rồi, để cho vong hồn người ta yên.

- Không được! Hai tên bất lương trả lời. Nó nợ tiền chúng tao, không trả. Bây giờ nó vào áo quan rồi mà chúng tao chẳng được lấy

một xu. Chúng tao phải quẳng nó ra cửa nhà thờ cho bồ túc. Giăng điều đình.

- Người ấy nợ các anh bao nhiêu không biết. Đây tôi có tất cả năm mươi đồng vàng, tôi sẽ đưa cả cho các anh rồi để cho người ấy yên lành. Còn tôi vẫn đang khỏe mạnh, lành lặn. Thượng đế sẽ phải phù hộ tôi.

- Được! Nếu anh muốn trả nợ thay cho nó thì đây đồng ý tha. Chúng cầm tiền, cười ngất bỏ đi, chấp hai tay người chết với nhau, từ biệt bước đi vào khu rừng lớn. Ra khỏi khu rừng thì trời vừa sáng. Bỗng Giăng nghe có tiếng gọi sau lưng:

- Anh bạn về đâu thế?

- Đi chu du thiên hạ. Giăng đáp. Tôi là đứa trẻ không cha không mẹ, nhưng Thượng đế sẽ phù hộ tôi.

- Tôi cũng chu du thiên hạ đây - người lạ mặt nói - Chúng ta cùng đi với nhau chẳng?

- Nhất trí, Giăng đáp và họ cùng đi với nhau.

Chỉ mười lăm phút sau, họ đã trở thành đôi bạn ý hợp tâm đầu. Vì cả hai đều là người tốt. Nhưng Giăng thấy người bạn đồng hành, khôn hơn mình nhiều. Anh ta đã đi nhiều, từng trải nhiều, chuyện gì cũng biết.

Họ bảo nhau hãy ngồi xuống gốc cây nghỉ và ăn sáng. Vừa lúc ấy, có một bà cụ đi tới.

Bà cụ lụ khụ, lom khom chống nạng, trên lưng mang một bó củi khô nhặt trong rừng, dưới tạp dề lòi ra đầu ba cái roi bằng cây đuôi chuồn và dương liễu. Còn cách hai người một quãng, bà cụ ngã lăn kênh ra, kêu thét lên.

Giăng muốn khiêng bà cụ về nhà, nhưng người bạn đồng hành bảo: "Không cần, tôi có thứ thuốc bôi vào bà lão dậy được tự đi về nhà ngay như không có chuyện gì xảy ra". Nhưng anh ta đòi bà cụ phải trả công ba cái roi, cụ dặt dưới tạp dề.

- Thế thì đắt quá đấy! Bà cụ nói, ngần ngừ không muốn đưa. Nhưng gãy chân nằm đấy thì khổ, cụ đành phải đưa ba cái roi cho người kia. Anh ta lấy thuốc bôi vào chỗ chân đau, bà cụ đứng ngay lên, đi được.

Thật là một thứ thuốc công hiệu ít thấy.

Xong rồi hai anh bạn ra đi. Giảng hỏi anh kia:

- Cậu lấy mấy cái roi ấy làm gì?

- Mình hay thích những cái lật vật như thế. Tính mình vậy. Hai người đi một hồi khá lâu. Giảng nhìn về phía trước và nói:

- Nom kia! Những đám mây đen đang kéo đến mù mịt khiếp quá!

- Không phải mây đâu! Anh bạn đồng hành nói- Đây là những ngọn núi cao.

Thực vậy. Đây chỉ là những ngọn núi. Trông gần mà hoá ra xa. Đi cả một ngày rờng rã mới tới nơi. Rừng ở đây rậm, mọc toàn cây thẳng đứng. Lại còn có những hòn đá cực to. Vượt qua nơi này không dễ, hai người bàn nhau nghỉ lại mai đi sớm.

Trong quán trọ bên dưới một đám đông người đang tụ tập. Một người đang làm trò múa rối. Khán giả ngồi xem chung quanh. Trên hàng đầu là một lão hàng thịt béo phì. Cạnh lão là một con chó to xù, nom dữ tợn như sắp cắn người. Mở đầu buổi diễn là một hài kịch. Hai nhân vật chính là vua và hoàng hậu, đầu đội mũ miện vàng, khoác áo choàng, ngồi trên ngai. Những chú lính hầu xinh xắn, mắt bằng thuỷ tinh, đứng gác cửa. Cửa đóng ra mở vào liên tục để lấy gió vào cung. Màn kịch thật vui, khán giả vỗ tay ran ran. Đến lúc hoàng hậu ra sân khấu, dạo được vài bước, thì chẳng biết thế nào, con chó của lão hàng thịt nhảy lên ngoạm vào lưng, hoàng hậu ngã vật xuống. Chủ gánh xiếc rất buồn, phần vì mất vai hoàng hậu là con rối đẹp nhất, phần vì mất buổi diễn. Những người bạn của Giảng biết anh ta có thể chữa được. Anh ta lấy lọ thuốc vừa dùng chữa chân cho bà lão lúc nãy, bôi cho con búp bê hoàng hậu. Con búp bê đứng ngay lên và biểu diễn luôn, lại không cần có dây điều khiển. Mà khéo như người thật, chỉ không biết nói. Chủ xiếc mừng quá.

Hết buổi diễn mọi người ra về. Người trong quán trọ đi ngủ cả. Bỗng có tiếng rên rĩ vọng lên. Mọi người dậy xem, thì thấy đám con rối nằm ngổn ngang, nào vua, nào cận thần, nào lính hầu, giường to đôi mắt thủy tinh rên rĩ thảm hại, cầu xin được bôi thuốc để có thể tự ngộ nguậy được như hoàng hậu.

Thấy vậy, hoàng hậu quỳ xuống, hai tay nâng mũ miện kêu van xin "ông lang" bôi thuốc và tất cả những người trong cung. Người chủ gánh hát hứa anh bạn của Giăng xin biếu tất cả tiền bán vé vào cửa tối ấy chỉ cầu an bôi thuốc cho tất cả những con búp bê còn lại. Nhưng anh bạn chỉ đòi mỗi thanh gươm đeo cạnh sườn quốc vương. Nhận gươm rồi, anh bạn bôi thuốc cho mấy con búp bê. Tức thì tất cả mấy con tự hoạt động được, không cần giạt dây, trông thật là buồn cười. Các cô cậu hầu bàn cười ngặt nghẽo và nháy theo chúng. Cả người đánh xe, cả bác bếp, cả những khách trọ đang ngủ cũng bật dậy ôm nhau nhảy. Lại cả xẻng, cái cặp than cũng hồi hả chạy vào nhảy. Rõ thật là vui.

Sáng hôm sau. Giăng và anh bạn đồng hành từ biệt mọi người lên đường. Họ vượt qua những cánh rừng bát ngát, leo lên những đỉnh núi cao chót vót. Họ trông được rất xa, nhìn đến tận những nơi họ chưa từng đến, ngắm nhiều cảnh đẹp huy hoàng. Mặt trời lấp lánh trên khoảng trời xanh mát rượi. Tiếng kèn sấn chốc chốc vẳng lên từ các khe núi.

Say sưa trước cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hai anh bạn đứng đứng chấp tay tạ ơn Thượng đế đã cho hưởng những cảnh tuyệt diệu trên thế gian này. Bỗng trên đầu có tiếng vang. Ngẩng lên họ thấy một con thiên nga đang bay lượn trong không trung và không biết thế nào lại lão đảo rồi rơi bịch xuống ngay dưới chân họ. Anh bạn của Giăng trầm trồ:

- Đôi cánh đẹp quá! Tôi phải cắt mới được. Cậu xem mình lấy thanh gươm đem đi, có được việc không?

Rồi anh lấy gươm chặt phăng đôi cánh. Xong rồi họ lại đi. Sau mấy ngày họ đến một kinh thành lớn xung quanh có một trăm ngọn tháp lấp lánh dưới nắng như làm bằng bạc. Giữa kinh thành là một

toà lâu đài bằng đá cẩm thạch, mái bằng vàng. Đây là cung điện nhà vua.

Giăng và người bạn đồng hành vào một quán trọ nghỉ ngơi và sửa sang lại quần áo cho nghiêm chỉnh trước khi bước chân vào thành phố. Trò chuyện với chủ quán, họ được biết rằng nhà vua rất nhân từ, độ lượng. Nhưng công chúa, con người lại rất ghê ghớm. Đẹp thì có đẹp, nhưng nàng nham hiểm độc ác, đã từng làm chết nhiều hoàng tử.

- Sao vậy? Anh bạn của Giăng ngạc nhiên hỏi.

- Nàng cho phép bất kỳ ai đến cầu hôn cũng được, không kể người quyền quý hay thứ dân. Nàng chỉ yêu cầu trả lời một điều nàng hỏi. Nếu trả lời đúng sẽ được lấy nàng. Nếu không đúng sẽ bị treo cổ hoặc chặt tay.

- Thế từ trước đến giờ thế nào? Hai người hỏi.

- Chưa ai trả lời được. Đều bị nàng chặt tay hoặc treo cổ. Cha nàng cũng không sao can khuyên được nàng và tuyên bố không dính đến chuyện chồng con của nàng, mặc nàng muốn làm thế nào thì làm. Cũng có lần nhà vua cùng triều đình quỳ xuống van xin nhưng công chúa vẫn kiên quyết không nghe cứ làm theo ý mình.

Giăng nghe thấy thế liền bảo: "Mụ công chúa này ghê ghớm thật! Phải đánh cho mụ ta một trận để mụ ta chừa thói đánh ác mới được".

Thấy Giăng nói vậy ai cũng can khuyên, đừng nóng nảy mà thiệt thân.

- Không! Giăng kiên quyết. Tôi sẽ vào cung gặp nàng xin trả lời câu hỏi, để xem ra sao.

Giữa lúc ấy dân chúng reo hò. Công chúa ngự du ngoài phố. Giương len đám đông ra xem. Công chúa quả là một trang tuyệt thế giai nhân. Nàng cười trên một con ngựa trắng, mình đầy kim cương châu báu. Nàng mặc quần, dệt bằng sợi vàng chiếc roi ngựa trong tay lóng lánh như một tia mặt trời. Chiếc mũ miện trên đầu lấp lánh như các vì sao, tấm áo choàng óng ánh như muôn ngàn cánh bướm.

Thật là tuyệt! Nhưng tuyệt hơn cả là sắc đẹp của chính nàng, một sắc đẹp mê hồn, không thể rời mắt được. Lại còn một điều kỳ lạ nữa là nàng giống hệt như cô gái đẹp anh mơ thấy đêm hôm cha anh chết. Anh nghĩ thầm:

- Một người con gái sắc nước hương trời thế này mà lại nham hiểm độc ác thật là vô lý! Ta cứ đến xem sao!

Vậy là bất chấp những lời can ngăn của mọi người kể cả người bạn đồng hành. Giăng kiên quyết vào cung vua để gặp công chúa xin trả lời câu hỏi của nàng. Anh chải giầy và quần áo, rửa mặt mũi rồi ra phố để vào cung. Nghe tiếng gõ cửa, nhà vua phán:

- Cứ vào!

Giăng mở cửa thấy nhà vua mặc quần áo ngủ, đi hài thêu, ra tiếp anh. Ngài đưa tay cho Giăng.

Khi biết là chàng đến cầu hôn, người oà khóc lên, bỏ rơi quyền trượng xuống đất, lấy ao lau nước mắt và nói:

- Đừng dại mà vào đấy! Người sẽ không tránh khỏi số phận những người đi trước đâu. Hãy đi theo ta!

Nhà vua dẫn Giăng ra khu vườn. Trên cây lủng lẳng những bộ xương người, dưới đất lăn lóc những đầu lâu.

Đấy là xác chết của những người đã đến cầu hôn nhưng không trả lời được câu hỏi của công chúa, bị nàng treo cổ.

Vua hỏi: Thấy chưa? Tốt nhất là nên quay về, không thì sẽ mất xác vô ích.

Giăng hôn tay nhà vua nhân đức và tâm rằng tình yên mãi liệt của chàng đối với công chúa sẽ giúp nàng vượt qua tất cả. Vừa lúc công chúa đi du ngoạn về. Nàng mời Giăng vào phòng khách trò chuyện và hẹn sáng hôm sau nàng sẽ tiếp. Hội đồng giám khảo và các quan tư pháp sẽ họp để nghe anh trả lời và phán quyết. Sẽ có ba câu hỏi. Trả lời được câu thứ nhất mới được trả lời câu sau. Nếu ngay từ đầu đã trả lời sai thì coi như mất đầu. Giăng chấp nhận tất cả các điều kiện, không sợ hãi, rồi ra về quán trọ nghỉ, để hôm sau vào cung.

Vandoma và các con gái

Các bạn có muốn nghe gió kể chuyện không? Gió biết nhiều chuyện hơn tất cả chúng ta, chuyện phiêu lưu, chuyện cổ tích, và nhiều chuyện khác. Hôm nay chúng ta hãy nghe gió kể chuyện Vandoma và các cô gái ông ta.

Gió kể:

- Vốn dòng dõi vua chúa, nên ông ta rất kiêu hãnh. Ông ta uống rượu và săn bắn thì ít ai bằng. Bà vợ ông ta lúc nào cũng quần lượt là thêu vàng dát bạc. Sàn nhà bao giờ cũng bóng loáng. Các phòng ở trải thảm rực rỡ, bày những đồ đạc quý giá, chạm trổ tinh vi; nhiều thứ là của hồi môn của bà chủ đem từ nhà bố mẹ về. Hầm nhà đầy ắp rượu quý. Đàn ngựa đen hí trong chuồng.

- Ông bà có ba cô con gái, cô nào cũng xinh đẹp. Tên ba cô là Ida, Gian và Đôrôtê. Cả ba đều giàu sang phú quý. Vi vu, vi vu.. Tất cả đều trôi đi.

(Trong lúc kể chuyện, gió hay đưa vào điệp khúc ấy)

- Bà chủ nhà ở đây không ngồi quay tơ vào phòng với bọn thị tỳ như ở nhiều nơi khác. Bà chủ ở đây chỉ đàn hát. Lâu đài lúc nào cũng náo nhiệt, khách khứa ra vào tấp nập. Tiếng cốc chén va chạm vào nhau, tiếng ca nhạc, át cả tiếng gió thổi.

- Một sáng tháng năm ta ở phía tây thổi về (vẫn lời của gió), rong ruổi trên bờ bể, qua các khu rừng và đồng bằng, vượt qua sông Ben.

Đến khu rừng dẻ gai, gần lâu đài Bôrôby.

Vừa lúc ấy có một chiếc xe dát vàng có sáu ngựa kéo đi tới. Trên xe bà bá tước và ba nàng con gái xinh đẹp, dịu dàng; một người trông như đoá hoa hồng, một người như hoa huệ, người thứ ba như hoa dạ hương. Bà mẹ cũng xinh đẹp rực rỡ. Mấy đứa trẻ thấy xe đến, đứng

dậy cúi chào. Ta trông thấy ba nàng con gái xinh đẹp và tự hỏi ai sẽ là chồng của họ? Chắc phải là các hiệp sĩ, hoặc các hoàng tử xứng đáng với họ.

Vi vu, vi vu... Tất cả sẽ trôi đi!

Chiếc xe quay rồi, những đứa trẻ lại tiếp tục nhảy múa. ở làng này nhân dân thường vui chơi như vậy để đón mùa hạ. Đến đêm, bà chủ lâu đài đã ngủ lịm đi, không bao giờ thức giấc nữa. Bà ta đã qua đời như tất cả mọi người.

Vandoma sống một thời gian âm thầm và lo âu. Nhưng rồi ông ta tự nhủ: Ngọn cây cứng cáp nhất cũng có lúc phải uốn mình, nhưng nó cũng có thể lại vươn lên. Các nàng con gái trong lâu đài và gia nhân ai cũng khóc và thương xót bà quý phái. Bà đã mất, ta cũng bay đi nơi khác, vì mọi vật đều trôi đi, vi vu, vi vu...

Nhưng rồi ít lâu sau ta lại trở lại. Ta đã từng ngồi trên bờ biển gần bôrody và trong khu rừng gần đấy. Trong rừng có nhiều loài chim trú ngụ: cò, diệc, chim cu, quạ khoang, quạ đen. Nhiều con đã đẻ trứng, nhiều trứng đã nở. Bỗng có sự huyền ảo khác thường. Chim cò bay vút lên, gào inh ỏi. Có tiếng rìu đốn cây, người sắp phá trụ khu rừng. Vandoma đóng một chiếc ba tầng để bán cho nhà vua. Vì thế ông ngả rừng nơi trú ngụ của chim chóc. Đàn cú vồi vàng bay đi trốn. Chúng kêu gào âm ỉ trên khu rừng. Quạ đen, quạ khoang chế diễu: "Bị tống cổ rồi! Bị tống cổ rồi! Quạ! Quạ!"

Vandoma cùng các con gái và những tiểu phu thấy vậy phá lên cười. Riêng cô con gái út Đôrôtê thấy tủi lòng. Một cây trên có tổ quạ đen, quạ con đang thò đầu ra ngoài kêu. Người ta cũng định chặt cả cây ấy. Nhưng Đôrôtê đã van xin, nên riêng cây ấy được để lại. Họ đẵn cây, cưa gỗ, đóng chiếc thuyền ba tầng. Người trông nom điều khiển công việc không phải con nhà quyền quý nhưng có trí thông minh. Đôi mắt và vầng trán anh biểu lộ tài sáng tạo. Vandoma và cô con gái cả Ida thích nghe anh kể chuyện.

Trong khi thiết kế cho người cha con tàu, thì anh cũng thiết kế trong óc một toà lâu đài cho mình và cô con gái cả của ông. Nhưng vì chỉ là tưởng tượng nên không thành sự thực. Và làm xong con tàu,

người trẻ tuổi ấy lại ra đi. Cô bé cũng đã yêu anh. Đàn ngựa đen đang dậm chân trong chuồng.

Một vị thủy sư đô đốc được nhà vua cử đến xem xét con tàu và bàn việc mua bán. Nhưng chẳng biết thế nào việc mua bán không thành, con tàu vẫn nằm trên bến, chẳng bao giờ được hạ thủy, vi vu. Mọi việc trôi qua, trôi qua... Đây là thất bại đầu tiên của Vandoma. Mùa đông, tuyết phủ đầy mặt đất, những tảng băng trôi giạt trên dòng sông Ben. Từng đàn quạ bay kéo đến, đậu trên chiếc tàu bỏ chông chờ trên bờ sông. Chúng kêu than về cảnh rừng bị phá, cảnh quạ non quạ già không có chỗ làm tổ và tất cả những tai họa đã xảy ra do việc đóng con tàu gây nên, con tàu kêu căng chẳng bao giờ được nổi trên mặt nước.

Ta cuộn tuyết lên phủ quanh thân tàu, kín đến tận nóc và cao giọng thổi thành cơn giông tố. Ta làm mọi cách để cho con tàu biết thế nào là cuộc đời trên biển cả. Vi vu, vi vu... mọi việc trôi qua! Đông qua, Xuân tới. Các mùa tiếp nối nhau như gió thoảng qua. Tuyết tan, hoa nở, lá vàng lại rụng...

Tất cả đều trôi qua. Đời người cũng vậy. Các cô con gái Vandoma vẫn trẻ mãi. Nàng Iđa mơn mớn như đoá hoa hồng. Có lúc ta thổi vào bộ tóc màu hạt dẻ của nàng khi nàng ngồi trầm ngâm dưới gốc cây táo trong vườn. Ta rũ tóc nàng ra và phủ lên đầy hoa. Gian cô em thứ hai tươi tắn như bông huệ, nhưng điệu bộ cứng nhắc, kiêu kỳ, giống như bà mẹ. Nàng hay vào gian phòng nơi treo chân dung những người trong gia đình. Các bà trong tranh ăn mặc lịch sự, trên tóc úp một chiếc mũ nạm ngọc, trông thật duyên dáng. Các ông chồng thì áo giáp thép hoặc áo choàng loại đắt tiền. Các ông không đeo kiếm ở hông mà đeo ở đùi.

Đôrôtê là một cô bé mười bốn tuổi. Tính cô trầm lặng và chín chắn. Cô có cặp mắt to, xanh tựa sóng, lúc nào cũng mơ màng, một nụ cười tươi tắn luôn nở trên môi. Nàng luôn ở ngoài vườn hay trên đồng ruộng để hái hoa bứt cỏ.

Vandoma là người cứng rắn và kiêu ngạo nhưng rất thông thái. Ngay giữa mùa hè ông vẫn đốt lò, cửa buồng đóng kín. Suốt ngày ông

ở trong đó, chẳng bao giờ nói với ai công việc ông làm. Ông muốn tìm ra một vật quý nhất trên đời. ấy là vàng đỏ.

Vì vậy khói luôn bay trên mái toà lâu đài, trong buồng Vandoma luôn luôn có lửa, lửa từ trong lò loè ra. Mọi vật sẽ biến thành than tro, than tro thành khói. Ngay cả Vandoma rồi cũng sẽ cháy tan ra thành khói. Vi vu, vi vu... mọi vật trôi qua!

Những con ngựa oai phong trong chuồng biến đâu cả? Tất cả súc vật, vàng bạc, trang trại và cả lâu đài nữa, biến đâu rồi? Chúng chảy thành nước cả rồi, chảy tan trong nồi nấu vàng, nhưng chẳng nấu ra tí vàng nào.

Chẳng còn chút gì trong các ngăn tủ và trong kho thóc. Người hầu giảm đi mà chuột thì lại tăng lên. Cửa kính cứ vỡ dần nay một tấm, mai một tấm, ta ra vào tự do, tình hình trong nhà thế nào ta đều biết cả (vẫn là lời gió kể).

Bữa ăn của chủ nhà trở nên đạm bạc. Các nàng con gái của Vandoma cũng chỉ đắp lên người một tấm da. Chẳng còn gì ăn, chẳng còn củi để sưởi. Cuộc đời một quý tộc phá sản là như thế đấy. Vi vu, vi vu. Mọi vật trôi qua!

Sống giữa khói than và tro bụi, qua bao lo âu phiền muộn, râu tóc Vandoma ngả màu xám, nước da tái nhợt, nhưng đôi mắt vẫn ánh lên một niềm hy vọng. Ông nói: "Đông qua rồi xuân sẽ tới. Sau cơn bĩ cực đến tuần thái lai. Rồi ta sẽ có vô số vàng. Gắng chịu đến ngày lễ Phục sinh.

Sáng ngày lễ phục sinh, tiếng chuông nhà thờ vang lên. Nắng làm tươi vui hẳn bầu trời. Trong cơn lo lắng, Vandoma đã thức suốt đêm, nấu chảy rồi để nguội, pha trộn rồi gạn lọc. Lão thở dài, rồi cầu nguyện, nín thở. Đèn tắt ngấm mà lão cũng chẳng để ý. Ta thổi vào đám củi tàn, ánh lửa soi sáng mặt lão hốc hác trắng bệch. Mắt lo âu, sâu trũng, tròn xoe, to ra mãi như muốn bật khỏi tròng. "Vàng đây rồi!" lão reo lên - nó tinh khiết và đặc sệt". Lão nhắc bình thuỷ tinh luyện kim lên, tay run run, miệng lắp bắp: "vàng vàng!" Lão cầm bình thuỷ tinh vào phòng những đứa con gái mình, giơ cao lên hét: "Chế ra vàng rồi!" Tay lão run run. Chiếc bình rơi xuống vỡ

tan tành. Niềm hy vọng cuối cùng của lão tan tành. Vi vu, vi vu, mọi việc trôi qua.

Vào một ngày cuối năm ngắn ngủi, ở lâu đài Bôrôby, Ôvơ Ramen, chủ nợ của Vandôma đang ngồi đấy với bản kế ước cầm cố gia sản của Vandôma. Iđa và Đôrôtê oà lên khóc, Gian ngồi cắn móng tay.

Ôvơ Ramon đã mời Vandôma ở lại lâu đài suốt đời, nhưng lão chỉ cảm ơn. Lão chỉ còn quần áo mặc trên người, và một cái bình thủy tinh mới mua đựng nước luyện kim vét dưới đất, thứ nước quý báu hứa hẹn nhiều nhưng chẳng đem lại gì. Lão chúi đất trước kia già có, nay ôm chặt cái bình, một tay chống gậy cùng các con ra khỏi lâu đài Bôrôby. Ta thổi hơi lạnh buốt vào đôi má lão, lay chòm râu xám và bộ tóc bạc của lão. Ta hét: vi vu, vi vu.. Mọi việc trôi qua! Thế là hết hạnh phúc.

Iđa và Đôrôtê đi cạnh lão. Gian trước khi đi theo còn quay lại nhìn ngôi nhà cũ một lần. Các nàng đi theo con đường mà trước đây họ thường đi dạo bằng xe ngựa. Người nào cũng lếch thếch như những kẻ ăn xin. Họ đến một ngôi nhà đất mới thuê mỗi năm mười mác, tường vách trống trơn. Đàn bay qua lượn chung quanh gào: "Họ bị đuổi đi! Họ bị đuổi đi!"

Gió còn biết Vandôma và các cô gái sau này ra sao nữa kia. Gió kể:

- Năm mươi năm sau ta gặp lại Đôrôtê. Lúc ấy nàng đã già, lưng đã còng. Nàng là người cuối cùng trong gia đình còn sống và còn nhớ lại mọi chuyện cũ. Nàng đã kể thế này: "Giữa đồng bằng trong thành phố Viho, mọc lên một tòa lâu đài sang trọng của mục sư, xây bằng đá đỏ, khói nghi ngút toả trên mái.

Gia đình chủ nhà mới đứng gần cửa sổ nhìn qua khe lá leo trên đầu, về phía đồng cỏ màu nâu nhạt. Họ nhìn một túp lều tiêu tụy, trên mái là những tổ cò. Cái lều thật thảm hại. Các bạn chỉ đứng xem chớ có động vào.

Cái lều ấy đáng lẽ phải phá đi vì nó làm xấu cả cảnh quan. Xong ông mục sư không nỡ. Vì trong túp lều ấy còn có một bà già.

Thế là túp lều còn lại và người đàn bà đáng thương còn được ở trong đó.

Qua lời bà già Đôrôtê, chúng ta còn được biết: Ông Vandoma đã chết một cách đáng buồn, chẳng có một tiếng chuông, chẳng có một lời cầu nguyện, Đđa lấy một người nông dân, ông bố rất đau khổ chả là con rể chỉ là một người bình dân mà ông thường khinh rẻ. Còn Gian sau này xung vào lính thủy. Nàng luôn lầm lỳ và ủ rũ nhưng chẳng than phiền gì. Trong một cơn bão, chiếc tàu trên nàng làm việc đã chìm xuống biển, kéo theo nhiều người trong đó có Gian. Người cuối cùng của gia đình Vandoma là Đôrôtê đã hát lời cầu nguyện trong túp lều tiêu tụy vào một ngày lễ Phục Sinh. Nàng đã qua đời.